

THỜI BÂY GIỜ

**sáng
tạo**

NÓI CHUẨN VỀ

THÁI TUẤN

đứng trước giá vẽ hôm nay

MAI THẢO

về chuyến viễn du bí mật cuối cùng

TÔ THÙY YÊN

ba dấu chân

THANH TÂM TUYỀN

buổi sáng ngoài bãi biển

*bộ mới . số 2 . tháng 8 - 1960 . giá 15đ
diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay*

Bộ Biên Tập :

DOÃN QUỐC SỸ • DUY
THANH • MAI THẢO
NGUYỄN SỸ TẾ • THÁI
TUẤN • THANH TÂM
TUYỀN • TÔ THÙY YÊN
TRẦN T NH HIỆP

SÁNG TẠO

diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay
xuất bản mừng 1 mỗi tháng

tháng 8-1960

<i>nói chuyện về thơ bảy giờ</i>	1	mười tác giả
<i>buổi sáng ngoài bãi biển</i>	18	thanh tâm tuyến
<i>ba dấu chân trên một quãng sấu</i>	31	tô thùy yên
<i>đứng trước giá vẽ hôm nay</i>	36	thái tuấn
<i>vỡ bờ</i>	41	doãn quốc sỹ
<i>về chuyến viễn du bí mật cuối</i>		mai thảo
<i>cùng</i>	52	thạch chương
<i>thơ, thơ dịch</i>	68	sao trên rừng
<i>ngàn khơi</i>	75	duy thanh
<i>lớp gió</i>	81	dương ng. mậu
<i>tiếng động trên da thú</i>	90	thanh tâm tuyến
<i>thơ</i>	100	trần thanh hiệp
<i>sự thưởng ngoạn nghệ thuật</i>		
<i>bảy giờ</i>	103	

CHỦ NHIỆM : MAI THẢO
QUẢN LÝ : ĐẶNG LÊ KIM

Tòa soạn và trị sự : 133^B Kỳ Con Saigon

<https://tieulun.hopto.org>

NÓI CHUYỆN VỀ THƠ BÂY GIỜ

CUNG TRẦM TƯỜNG. DOÃN QUỐC SỸ. DUY
THANH. LÊ HUY OANH. MAI THẢO. NGUYỄN
SỸ TẾ. THANH TÂM TUYỀN. THÁI TUẤN. TÔ
THÙY YÊN. TRẦN THANH HIỆP.

NGUYỄN SỸ TẾ : Tôi nghĩ chúng ta cần đặt vấn đề thi ca trên một bình diện rộng rãi, nhận định ở thi ca một *trạng thái tư tưởng* và một *trạng thái nghệ thuật*. Một mặt khác, ta lại thấy thi ca cốt yếu là một *hiện tượng ngôn ngữ*, một *hiện tượng văn tự*. Sau nữa, thi ca là một *công trình sáng tạo nghệ thuật* trong đó có sự tham dự của nhiều *yếu tố tri tuệ, tâm lý và sinh lý* của cả người làm thơ và người đọc thơ. Chúng ta có thể căn cứ vào những điểm tựa đó mà phát biểu ý kiến.

TÔ THÙY YÊN : Tôi không có tham vọng định nghĩa thơ, nhưng hiểu thơ bây giờ như thế này và gọi là những đức tính của thơ : 1 — Thơ ném sự xáo trộn vào một trật tự, phá hủy những cấp bậc của lý trí (thế nào tốt, xấu không tốt và không xấu). Thơ là phản nghĩa của sự bình thản đứng đưng, lạnh nhạt, quân bình và tự nhiên, nó là một cách khiến người ta từ chối những gì đã chấp nhận trước để tạo một thăng bằng chông chênh. 2 — Tạo một niềm tin không có đối tượng đích xác, không có tin điều, không có úy lạo, không liên tục và cũng không thường xuyên. 3 — Nghệ thuật (nhất là tiểu thuyết và sân khấu) có một nhiệm vụ là *biến cái không thật thành thật*. Thơ cũng thế, nhưng còn thêm một nhiệm vụ nữa, trái ngược lại *biến cái thật thành không thật*. Tóm lại, thơ đưa người đọc vào một tình trạng báo động và tất cả những đức tính kể trên của thơ bây giờ đều vô bổ không đâu ngoài sự nghi ngờ nó mang đến cho người đọc những giá trị đã được xếp loại và công nhận.

THANH TÂM TUYỀN : (lắc đầu) Tô Thùy Yên nêu lên quy định chủ quan, riêng cho thơ Yên. Định nghĩa thì trí thức quá. Thơ bây giờ vẫn giữ cái phần tinh túy của thi ca từ xưa đến giờ. Hegel nói thơ là phần nghệ thuật trẻ nhất của nhân loại. Thời đại khi báo một

tương lai mới là lúc thơ phát triển mạnh nhất. Thơ là một tiếng nói hòa đồng. Thơ dẫn vào một thế giới hòa đồng. Ở thơ không thể có không khí của một thế giới bất trắc. Thơ bây giờ cũng vậy. Không muốn rơi vào ngõ bí phải tìm thấy một niềm tin tưởng dù có thể hết sức ngây thơ. Tô Thùy Yên nhìn thấy niềm tin không đối tượng là đã tìm thấy niềm tin đó. Một xã hội bảo hiệu diêm chết nếu không có thi ca. Thi ca bảo hiệu sự sống tương lai.

NGUYỄN SỸ TẾ : Cả hai ý kiến Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên đều chủ quan và hiền lành. Các anh đã gán cho thi ca những cứu cánh quá cao xa và hướng vào một thứ thẩm mỹ còn « cò diêm ». Tôi thấy thi ca chỉ là một hiện tượng cá nhân, trong đó những yếu tố trí tuệ, tâm lý, sinh lý của nhà thơ và người đọc thơ bị khuấy động. Tôi nghiêng về một thứ thẩm mỹ của sự chênh vênh, của sự bất cân đối, một thứ thẩm mỹ của sự va chạm (esthétique de choc).

CUNG TRẦM TƯỚNG : Tô Thùy Yên mới chỉ vừa phát biểu thơ bây giờ qua một vài đức tính của nó. Thơ bây giờ *phải* là một sự thoát xác lớn mạnh — ai cũng đồng ý về diêm này — nhưng không thể là một sự khước từ vô điều kiện dĩ vãng. Nói rõ hơn, thơ Việt Nam bây giờ phải chấp nhận một vài di sản do thơ Việt Nam thừa trước để lại. Một vài di sản này tôi gọi là mẫu số chung, chúng là thơ muôn *thừa*, nói tắt chúng là thơ. Khước từ chúng, thơ Việt Nam bây giờ sẽ không là thơ nữa.

THANH TÂM TUYỀN : Cái mà anh Cung Trầm Tưởng gọi là mẫu số chung không cần quy định. Nó chính là thơ rồi. Ta không cần phải định nghĩa thơ. Thơ là cái gì người thơ làm ra và người đọc thơ nhận được. Còn không nhận được thì có bao nhiêu định nghĩa cũng là thừa.

NGUYỄN SỸ TẾ : Ý kiến các anh nhắc tôi lối cắt nghĩa thông thường về thi ca : phép nhiệm màu của tiếng nói. Cỗ sơ kẻ nào nói lên được thành tiếng là bỗng nhiên có một thế lực lớn lao đối với đồng loại chung quanh. Trải mấy mươi thế kỷ rồi, ngôn ngữ tiến hóa quá chật chạp đối với tầm suy tư và cảm xúc của con người. Thử hỏi ngày nay ngôn ngữ đã được đổi mới chưa, người ta đã trả về cho ngôn ngữ cái thế lực huyền bí của nó chưa ?

LÊ HUY OANH : Tôi quan niệm rất đơn giản. Thơ bây giờ, cũng như mọi địa phận nghệ thuật khác, cũng như thơ của muôn đời, chỉ là một yếu tố gây rung động. Thơ đánh thức giậy tất cả những cơ năng tâm lý cũng như sinh lý. Khi những cơ năng đó được kích thích, người ta sẽ có một khoái cảm đặc biệt. Tâm hồn người có thể hướng về cả hai chiều. Một chiều đi lên và một chiều đi xuống. Thơ giúp con người tiến theo cả hai chiều. Khát vọng con người không đồng tĩnh. Khi thích cái thiện, khi thích cái ác. Thơ nhằm thỏa mãn tất cả mọi khao khát, vì thiện cũng như ác đều có sức quyến rũ riêng. Một trái

ngọt ngào khiến người ăn sung sướng. Các chất ma túy khiến hần mê mê. Cả hai đều rất cần thiết. Thi ca có thể là trái cây đó hoặc chất ma túy đó. Nó được tạo thành bằng một thứ ngôn ngữ siêu đẳng.

ĐOÃN QUỐC SỸ : Có sự khác nhau giữa thơ bây giờ với thơ xưa về thái độ thắc mắc siêu hình. Những thắc mắc siêu hình ở thơ xưa vẫn đơm về thoải mái, ở chỗ con người thắc mắc trước vũ trụ rộng lớn, bản khoán trước số kiếp của chính mình đã được trừu tượng hóa cho nhòa bớt góc cạnh. Đọc thơ bây giờ ta thấy người thơ có mặt sốt rỏ trong cuộc sống. Hần bị căng thẳng mọi chiều trên cây thánh giá sự sống rồi tự đó hần thốt ra lời thơ. Bài thơ của hần không là cỏ thơm mà là những mớ tóc vừa dứt khỏi da đầu còn dính ở chân tóc cả hệt tươi và máu tươi của hần (nhiều tiếng cười).

TÔ THUY YÊN : Ý kiến trên của anh Doãn Quốc Sỹ, tôi đồng ý, nhưng muốn nói thêm : đó là khuynh hướng chung của nghệ thuật, không riêng cho thơ. Người làm nghệ thuật bây giờ ném cái siêu hình vào giữa đời sống. Cái siêu hình trong nghệ thuật ngày xưa là một thế giới hoàn toàn cô lập với đời sống mà chỉ những con người thăng hoa mới đột nhập được. Cái siêu hình ngày nay là cái siêu hình trong thân phận của một người thông thường dính liền với đời sống.

THÁI TUẤN : Trước kia làm thơ là một cầu nguyện với Thượng đế với thiên nhiên. Bây giờ thơ là một bản kinh, người thơ tự cầu nguyện với chính mình.

DUY THANH : Tôi muốn nói đến một điểm chung ở thơ bây giờ là người làm và người đọc đều gặp thơ bằng cảm giác. Người ta không cần hiểu thơ mà người ta cảm thơ. Một bài thơ mà đem giải thích để hiểu được như văn xuôi thời chán vô cùng. Cái tiếng nói của thơ không bao giờ nên phiên dịch sang văn xuôi vì thơ không là văn xuôi. Người đọc giả đọc thơ cần có cái giác quan bén nhạy đó. Tức là sự hiểu thấu bằng cảm giác. Tôi cho rằng những người không cảm được thơ bây giờ là họ đã thuộc vào (ít hay nhiều) thời đại trước. Không còn gì đáng buồn hơn là ở một tác phẩm nghệ thuật, nhất là trong thơ, tất cả đều được phô diễn một cách tầm thường. Chỉ nói như vậy nghệ thuật đã thiếu tính chất lớn của nghệ thuật.

CUNG TRẦM TUỜNG : Nên quy định thơ vào ngay hiện đại. Nên quy định thơ hiện đại vào ba vấn đề : đức lý, tư tưởng và thẩm mỹ. Đức lý : thơ bây giờ có những yếu tố chống đối, trái ngược hẳn với thi ca trước. Tư tưởng : thơ bây giờ vẫn phảng phất có nỗi khắc khoải của con người. Thẩm mỹ : chúng ta có một quan niệm thẩm mỹ khác hẳn thời trước.

NGUYỄN SỸ TẾ : (cười) Văn « đạo đức » quá đầy. Tôi muốn hỏi : nói

« thơ bây giờ » là nói một trạng thái đã có hay một trạng thái phải tiến tới ?

DOÃN QUỐC SỸ : Thơ bây giờ là một trạng thái đã có.

CUNG TRẦM TUỞNG : Vừa là một trạng thái đã có vừa là một trạng thái phải tiến tới.

TÔ THUY YÊN : Thơ bây giờ là một trạng thái đã có rồi trở thành một trạng thái phải tiến tới, vì « tiến tới » bao giờ cũng thoát thai từ « đã có ».

NGUYỄN SỸ TẾ : (vẫn cười cười) Trở về thi ca là một trạng thái, tư tưởng, tôi thấy những định nghĩa, mục đích, đức tính các anh nêu ra vẫn cao xa quá. Nói chuyện về « nhân vật tiểu thuyết » lần trước, sở dĩ tôi có nói tới một thứ văn chương ý thức là muốn nói : ý thức với chính mình trong từng khoảnh khắc nào chứ không phải một ý thức bao trùm, đặt định tất cả trong một lần về vũ trụ, nhân sinh, định mệnh v v... Tôi đứng về thuyết của những thời (théorie des moments). Việc tổng hợp, hiểu theo nghĩa tổng hợp lịch sử, sẽ đến sau. Và do người khác hơn là chính mình.

DOÃN QUỐC SỸ : Tôi thấy ở thơ xưa, nhà thơ hoặc than khóc với định mệnh, hoặc tìm cách hòa giải với định mệnh, nhưng với tất cả vẻ lễ độ cố hữu. Thơ bây giờ đượm tính cách ngạo nghễ với định mệnh, luôn luôn « sừng cò » với định mệnh và lông lộn như một con ngựa bất kham.

LÊ HUY OANH : Tôi phát biểu theo quan niệm đọc thơ : thơ bây giờ có những hiện trạng khác thơ xưa tuy sứ mệnh vẫn giống nhau. Thi ca xưa phần nhiều dè dặt, hẹp hòi, bền lển. Người thơ trước kia đa số chưa mấy ai có đủ can đảm đi sâu vào những miền xa lạ, những nơi mù mịt của thế giới rung động và thỏa mãn. Gần như hầu hết những nhà thơ trước vẫn bị những sợi giây, hoặc ngắn hoặc dài, giữ bước mạo hiểm của họ lại. Người thơ bây giờ đã muốn cắt đứt mọi sợi giây trời buộc. Họ muốn tới những miền xa lạ để tìm hoa thơm cỏ quý, thu nhận rồi hiến dâng cho loài người những rung cảm say sưa chưa từng có, để tìm tới thực chất của sự hiện hữu. Ngày nay chúng ta có danh từ thơ Tự do. Ý nghĩa hai chữ Tự do đây có lẽ nhằm thái độ dứt bỏ những sợi giây trời buộc kia.

THANH TÂM TUYỀN : Sự phân biệt của chúng ta về thơ bây giờ, qua sự phân biệt về nội dung chứa đựng của thơ, rất cần thiết. Nhưng thơ còn là một hiện tượng ngôn ngữ. Thơ bây giờ là một sự xáo trộn ngôn ngữ. Ta phải ghi nhận công của phái Siêu thực Tây phương đối với ngôn ngữ. Khi tôi làm thơ, ngoài mối ám ảnh chung về tư tưởng đức lý nói trên, còn theo đuổi một mối ám ảnh về ngôn ngữ. Nhà thơ

còn đóng một vài trò trong đời sống ngôn ngữ dân tộc. Nhà thơ tầm thường là thợ ngôn ngữ. Có tài là kẻ sáng chế ngôn ngữ. Thắc mắc của tôi là thơ bây giờ có tạo được một ngôn ngữ mới không? Vấn đề này hoàn toàn có tính cách hình thức.

DOÃN QUỐC SỸ : Thơ bây giờ đã đạt tới cái tạo lại ngôn ngữ, nh là cả một cuộc cách mạng về ngôn ngữ, đó là điều không ai chỉ cãi được.

NGUYỄN SỸ TẾ : Gạt ra ngoài thế giới hình ảnh, cảm xúc sẽ nói sau tôi thấy nhận xét của anh Doãn Quốc Sỹ đúng. Nếu các thi sĩ hiện đại chưa truyền tiếp sức lực huyền bí thì cũng đã đổi mới được phần nào ngôn ngữ thi ca. Tôi thích thơ Thanh Tâm Tuyền vì thế.

DUY THANH : Nhà thơ nào độc đáo đều có một ngôn ngữ riêng. Chính là cái rung cảm trước thời đại biểu diễn qua lối nhìn và bằng tiếng nói của hân.

TÔ THUY YÊN : Bất cứ nhà thơ nào cũng xử dụng và đồng thời chối nhận ngôn ngữ, ngôn ngữ hiểu theo giá trị đối với những người viết văn. Sartre nói : *Le poète sert mais n'utilise pas les mots*. Chữ không phải là một ký hiệu nữa mà là một bản thể thi ca trọn vẹn, điều này ai cũng biết. Thành thử thơ không thể dịch được, dù dịch giả tài ba đến đâu. Thơ dịch là cái thấy ma của người sống, là bài thơ nguyên tác.

Sự mới mẻ độc đáo trong thơ trái với các bộ môn khác trong văn chương là không nằm trong đề tài (đề tài trong thơ thường khi rất thông thường và được coi như hằng cửu). Sự mới mẻ của thơ nằm ngay trong tinh tiết của đề tài. Chính tinh tiết đã mang đến cho bà thơ một âm thanh bất ngờ và mới mẻ. Người đọc thơ và người làm thơ đều thi sĩ mỗi người một cách. Bài thơ chỉ là một cơ gọi lên cho người đọc làm một bài thơ bên trong hân có khi bất trung (infidèle) với chính cái cơ ấy. Thành thử, thông thường người ta chỉ nhớ từng đoạn thơ một. Đoạn thơ ấy gọi lên cho người ta một bài thơ hân hình thành lấy một mình. —

DOÃN QUỐC SỸ : Như vậy là nhắc đến nội dung và hình thức thơ bây giờ. Đã đành qua những dị biệt về hình thức giữa thơ xưa và bây giờ, đào sâu bên dưới vẫn là cái đáy thất tình của nhân loại. Nhưng xét kỹ thì cái mới của hình thức vẫn nhuộm mới cả nội dung ; Và phải nhuộm mới cả nội dung bài thơ mới thành đạt. Nếu chỉ được hình thức, nội dung vẫn hình dị vẫn chừng mực theo nề nếp cũ, thì chắc chắn các nhà thơ trong làng thơ bây giờ chỉ coi đó là một thứ quân Cao Biền dậy non, nếu không phải là giả nguy. Xin đơn cử một thí dụ : Thanh Tâm Tuyền nói lên khát vọng rộng lớn khi đất nước chuyển mình trong xây dựng, lời mới, hình ảnh mới, nhịp điệu mới, tất cả

hình thức mới đó tạo nên không khí một niềm vui mới, một niềm tin mới, tức là nội dung mới :

*Đất nước ào ào vỗ nhịp
Triều biển đập chùng
Hà-Nội Huế Sài-Gòn
Ôm nhau nức nở*

Có mấy câu thơ này của Thanh Tâm Tuyền một lần đọc lên rồi nó cứ bám vào trí, nhớ tới mãi :

*Vút mầu thuốc cuối cùng xuống dòng sông
Mà lòng mình phơi trên kẻ đá
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói tàu mệt lả.*

bên những âm điệu, hình ảnh trữ tình rất quyến rũ của đoạn thơ trên ta còn nhận thấy thái độ vẫn trẻ nài đầy văn ngạo mạn đầy với định mệnh của nhà thơ. Tôi có cảm tưởng như cả khi nhà thơ nằm lăn ra cổ ngủ, định mệnh cũng e dè không dám bước qua. Hãy nghe lời nói ngây ngô sau đây nhưng cũng là tiếng cười vượt mọi kích thước, cười vào mũi định mệnh :

*Có người cầm súng bắn vào đầu
Đạn nổ nhịp ba
Không chết.*

Trong khi khai phá những miếng đất mới của thơ bây giờ nhà thơ đã biến thành những đũa con bất trị của định mệnh thời đại.

THANH TÂM TUYỀN : Ở bài « Nỗi buồn trong thơ hôm nay » tôi cho là hình thức không quan trọng. Nhưng nghệ thuật diễn tả của thơ bây giờ cần phải nói đến vì nó có những đặc tính khác biệt. Một số lớn các nhà thơ bây giờ nghi ngờ ngay cả ngôn ngữ họ phát biểu. Họ luôn luôn tìm đổi mới ngôn ngữ, nhưng thất bại. Vì thế mà có sự trống trải, vỡ nát của ngôn ngữ thơ. Người ta phá hủy ngôn ngữ. Không bằng lòng ngôn ngữ xưa cũng không bằng lòng ngôn ngữ của cả chính mình. Đó là sự bất lực của nhà thơ trước ngôn ngữ của thơ.

CUNG TRẦM TUỞNG : Ngôn ngữ thời đại nào cũng có cái thần diệu riêng. Thời đại chúng ta có ngôn ngữ thần diệu của chúng ta. Chỉ là nhà thơ, ta chưa đạt được tới ngôn ngữ đó. Do đó mà có tình trạng bất lực như Thanh Tâm Tuyền nói. Ngôn ngữ không bắt di bắt dịch. Nó biến đổi theo tâm trạng thời đại. Mỗi thời đại có một tâm trạng riêng thì ngôn ngữ biểu hiện tâm trạng thời đại ấy tất nhiên mang một sắc thái riêng.

THÁI TUẤN : Theo tôi ngôn ngữ cũng như mầu sắc của hội họa. Thơ không sửa đổi hoàn toàn ngôn ngữ. Ta làm mới danh từ chứ không sửa đổi danh từ.

TÔ THUY YÊN : Ngôn ngữ trong bản thể là một găng gượng như bất lực của con người chạy đuổi theo những sự kiện đã có rồi, là ký hiệu ghi chép những sự kiện ấy, có thể gọi đó là những kinh nghiệm của đời sống. Thời đại chúng ta có một tâm trạng mới, tâm trạng đang thành hình và lẽ dĩ nhiên chưa phải là kinh nghiệm. Thanh thử người làm thơ cảm thấy bất lực khi vận xử dụng ngôn ngữ để ghi chụp tâm trạng ấy. Cảm tưởng bất lực có xảy ra cho bất cứ một thi sĩ tiên chiến nào. Nhiệm vụ người làm thơ là bơm chất máu của sự sống thời đại vào ngôn ngữ cổ vẻ đã khô héo.

DOÃN QUỐC SỸ : Ôn cố tri tân. Trước đây sự tranh chấp giữa thơ mới và thơ mới kéo dài từ 1917 đến 1936. Khi trong làng thơ mới đã có những bài thơ bắt hủ ra đời thì cuộc tranh chấp hết lý do tồn tại và rồi người ta cũng chỉ muốn dùng một danh từ thơ để chỉ những bài thơ đã đạt được mức truyền cảm. Tôi tin rằng từ « thơ mới » cũ đến thơ tự do bây giờ rồi cũng đi đến bế mạc một chu kỳ. Ngày nay không còn là thời bế quan tỏa cảng của ông cha ta xưa. Chân trời văn nghệ mở rộng tiếp đón bát ngát và mỗi thế hệ qua những biến cố mới, mang trong lòng niềm khát vọng mới, luôn luôn đòi hỏi những tiếng nói, những kích thước mới thoát nghe có lạ tai nhưng rồi với sự thành đạt của những thi phẩm người ta sẽ nhận thấy khu vườn dân tộc có thêm hoa mới mà không lạ.

LÊ HUY OANH : Qua ngôn ngữ, tôi muốn nói đến thị hiếu người đọc thơ. Dầu sao việc sáng tạo của nhà thơ cũng lệ thuộc một phần vào thị hiếu đó. Những người của thế hệ bây giờ vì thị hiếu thay đổi không còn hoàn toàn ưa thích ngôn ngữ các thế hệ cũ. Nhiệm vụ trọng yếu của thi sĩ hiện nay là tìm một ngôn ngữ mới làm thỏa mãn người đọc, phía người làm thơ, tâm trạng bây giờ phức tạp hơn trước. Vì vậy không thể dùng toàn ngôn ngữ cũ để diễn tả nữa.

NGUYỄN SỸ TẾ : Đề kiện toàn ý kiến anh Lê Huy Oanh : nhà thơ thấy rõ sự bất lực của ngôn ngữ và của cả thi ca, nghệ thuật nữa. Điều này tố cáo rằng nghệ thuật ngày nay đòi hỏi tuyệt đối với các phương tiện cũ không được thì người làm nghệ thuật khuấy động và phá vỡ những phương tiện cũ ấy.

THANH TÂM TUYỀN : Nói mỗi thời đại có một « tâm trạng riêng » như thế tĩnh quá. Phải nói : mỗi thời đại có một khát vọng của nó. Sự bất lực của thơ nói riêng, nghệ thuật nói chung là không đạt tới được khát vọng đó. Người thơ không thể tự mình đơn độc bơm cho ngôn ngữ một sức sống mới, như Tô Thùy Yên nghĩ. Chính lịch sử sẽ mang lại hay không cho ngôn ngữ sức sống đó. Nếu lịch sử thất bại không thực hiện được niềm khát vọng thi ca nói ra thì nghệ thuật chỉ là không tưởng, ngôn ngữ là những danh từ rỗng không.

DOÃN QUỐC SỸ : (cười) như vậy chúng ta luôn luôn thất bại ?

CUNG TRẦM TUỞNG : Nghệ thuật biểu hiện sự thất bại của con người (nhiều tiếng nói : đúng thế).

TÔ THỦY YÊN : Bất cứ nghệ thuật một thời đại nào không riêng gì thời đại này đều vươn đến tuyệt đối. Đó là lẽ sống của nghệ thuật. Và lẽ dĩ nhiên thi ca một thời đại không thể làm bằng một thi sĩ.

NGUYỄN SỸ TẾ : Nghệ thuật thời nào cũng muốn vươn tới tuyệt đối. Nhưng ngày xưa, nếu không đạt được thì nhà thơ bằng lòng với kết quả nào đó và sống bằng ước lệ. Bây giờ khác. Không đạt được thì nhà thơ đập đồ hết. Hoặc bằng lòng trở lại những cái tầm thường nhất để dùng làm bàn đạp đòi hỏi tuyệt đối. Nghệ thuật ngày nay mang niềm ám ảnh của tuyệt đối. Tới khi bị dồn vào đường cùng của bất lực, nghệ thuật chỉ còn là sự im lặng hoặc thoát ra bằng hành động.

THANH TÂM TUYỀN : Tôi không công nhận chân lý tuyệt đối. Bởi vậy, tất cả những thời đại mà thơ có tính cách lý tưởng, con người muốn vươn tới khát vọng tuyệt đối chỉ là đề bằng lòng với sự bất lực của mình. Cho nên, nếu thế tại sao thơ bây giờ lại không từ chối khát vọng tuyệt đối để đi vào những sự thật tầm thường, bằng lòng với sự tan vỡ của ngôn ngữ, bất chấp đến cả cái thần diệu của ngôn ngữ ?

TÔ THỦY YÊN : (ngắt lời) Thi ca trở về sự tầm thường là để ôm lấy sự tầm thường ấy để vươn tới một cái gì cao viễn hơn, người ta gọi đó là lý tưởng hay gì gì cũng được. Nếu nghệ thuật nằm trong sự tầm thường và chết trong đó, nghệ thuật dùng làm gì ? Cuộc đời sẽ không cần dùng đến nó. Nghệ thuật theo tôi chỉ bắt đầu khi nào nó tự giải thoát khỏi đời sống đã làm bàn đạp cho nó.

THANH TÂM TUYỀN : Tiếp tục ý kiến của tôi cho tới tận cùng luận lý là : Có thể bỏ cả thơ cả nghệ thuật không thương tiếc, nếu tôi kiếm được phương tiện khác phương tiện nghệ thuật để thực hiện khát vọng của tôi.

LÊ HUY OANH : Không có vấn đề tuyệt đối cho thi ca. Rimbaud vì đòi hỏi tuyệt đối rút cục phải ly dị với thơ. Thơ phụng sự cho con người, và con người không phải là một tuyệt đối.

CUNG TRẦM TUỞNG : Đồng ý với anh Lê Huy Oanh.

TÔ THỦY YÊN : Rimbaud vì thất bại trong vươn tới tuyệt đối đã bỏ làm thơ. Nhưng tôi nghĩ khát vọng tuyệt đối dù là thất bại — và lẽ dĩ nhiên phải như vậy — vẫn là cái đặc sản của con người.

(từ đây có thêm Trần Thanh Hiệp)

TRẦN THANH HIỆP : Nghe tóm tắt lại các ý kiến đã được trình bày tôi thấy chỉ mới có tiếng nói của những nhà thơ và những nhà phê

binh. Bây giờ tôi muốn đứng trên cương vị một người bình thường muốn tìm hiểu thơ. Người đó có những thắc mắc về thơ hiện thời mà chúng ta gọi là *thơ bây giờ*. Thắc mắc đó có thể được đặt bằng nhiều câu hỏi. Tôi tạm nêu lên câu hỏi thứ nhất, nhưng dưới hình thức một câu hỏi tự chúng ta đặt với chúng ta: Tại sao phải đổi mới thơ?

THANH TÂM TUYỀN: Những ý kiến đã phát biểu chung thấu tỏm quanh nhận định: mỗi thời đại có một ngôn ngữ thơ riêng, đã trả lời câu hỏi anh Trần Thanh Hiệp.

TRẦN THANH HIỆP: (lắc đầu) Nói như thế có phải chúng ta cho rằng thơ trước đây không còn là ngôn ngữ thời đại này sao? Điều này cần phải xác định thêm nữa.

THÁI TUẤN: Đúng thế. Thơ trước không còn là ngôn ngữ thời đại này. Tôi không còn cảm được cái ngôn ngữ của thơ trước.

TRẦN THANH HIỆP: Tôi chưa hài lòng về giải thích của Thái Tuấn. Theo tôi phải kéo sát vấn đề về thơ Việt Nam, quy định thành thời kỳ. Tôi muốn nói đến thời kỳ từ sau Tản Đà đến 1945.

THANH TÂM TUYỀN: Hãy đứng ở bình diện thấp nhất mà trả lời: Mỗi thời kỳ có một thị hiếu riêng. Mỗi thời đại bắt buộc phải có một thứ thơ riêng. Ngôn ngữ là phần biểu diễn của đời sống, và đời sống bây giờ không còn là đời sống ngày xưa. Lấy một chứng cứ cụ thể ở một nhà thơ được coi là bậc thầy ở đây: Vũ Hoàng Chương. Tại sao ngôn ngữ thơ Vũ Hoàng Chương không còn là ngôn ngữ thơ bây giờ. Lý do: Ngôn ngữ là một phương tiện diễn tả, phát biểu đời sống mà nó cũng chính là đời sống. Khi ngôn ngữ không chứa đựng đời sống trong nó nữa, mà chỉ còn là một khí cụ, hình thức thuần túy thì nó chỉ còn là những ước lệ. Thơ Vũ Hoàng Chương bây giờ do đó chỉ là xư dụng khéo léo những xác chữ, mà đời sống đã đi mất. Ngôn ngữ ngày nay phải mang theo trong nó đời sống bây giờ. Bây giờ ta không còn tìm thấy bên Tâm Dương, người kỹ nữ, những âm dương nhật nguyệt v.v... Cho nên không có đời sống nâng đỡ, những xác chữ đẹp đến mấy cũng không làm rung động người ta được nữa. Từ đó, tôi đi đến kết luận: Thơ đi đến chỗ tiêu diệt khi nó phô hết ra phần hình thức.

LÊ HUY OANH: Ý kiến này có phần chủ quan, quá khích. Ngôn ngữ trong thơ của các thi sĩ tiền chiến như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử... chưa hẳn đã hoàn toàn lỗi thời. Con người bây giờ vẫn có thể say mê với loại thơ ấy. Cũng không thể lấy Vũ Hoàng Chương làm tiêu biểu cho lớp nhà thơ tiền chiến. Hiện thời người ta vẫn gặp nhiều bài thơ giá trị mang ngôn ngữ thi ca tiền chiến. Vả chăng ngôn ngữ thi ca thời đó và bây giờ có nhiều chỗ còn giống nhau...

THANH TÂM TUYỀN : (ngắt) Tôi cực lực phản đối ý kiến của nhà phê bình Lê Huy Oanh.

LÊ HUY OANH : Tiếp ý kiến trên, một thí dụ : Thơ xuôi trong *Phấn Thông Vàng* với thơ xuôi của một vài thi sĩ hiện nay. Phải chăng vẫn có nhiều điểm đồng tính ? Ít nhất cũng đồng tính ở khởi điểm.

THANH TÂM TUYỀN : Không có điểm đồng tính nào hết. Tôi giải thích : tại sao bây giờ còn những người cảm được những bài thơ tiền chiến của Xuân Diệu Huy Cận, một thứ ngôn ngữ tôi xếp vào loại ngôn ngữ đã chết rồi. Lý do giản dị là ở người đọc chứ không phải ở nhà thơ. Nhà thơ đã không vượt được thời đại mà người đọc thì đã sống lùi thời đại mình. Còn bảo rằng ngôn ngữ Xuân Diệu, Huy Cận hay bất cứ một nhà thơ nào thuở trước giống ngôn ngữ thời nay chỉ là vì đã quan niệm nhầm lẫn về ngôn ngữ thi ca. Không nên quan niệm ngôn ngữ thi ca bằng những từ ngữ riêng rẽ. Nhà thơ nào cũng phải dùng những tiếng : em, anh, chúng ta v.v..., một số ngữ vựng chung không thể đặt những chữ mới. Nhưng cái chứa đựng của từ ngữ đã biến đổi theo toàn thể cơ cấu bài thơ, và ngôn ngữ thi ca là toàn thể cơ cấu đó. Cho nên nhà thơ ngày nay có thể dùng những chữ rất cò, nhưng những chữ ấy đã có một đời sống mới trong thơ bây giờ.

LÊ HUY OANH : Tôi nói rằng ngôn ngữ thơ tiền chiến có những điểm giống ngôn ngữ thơ hôm nay, chứ không bảo là hoàn toàn giống nhau. Tiếp tục vấn đề, tôi muốn hỏi : Thanh Tâm Tuyền muốn nói đến thơ hôm nay hay một số thi sĩ hôm nay ? Ở Việt Nam cũng như ở thế giới, các thi sĩ làm say mê rung động đâu phải chỉ là những người đã tạo ra ngôn ngữ hoàn toàn mới ? Ở thơ Eluard, Lautréamont, Apollinaire có những chỗ vẫn còn phảng phất ngôn ngữ của Rimbaud, Mallarmé, Valéry. Kết luận, tôi có thể nói rằng thơ hôm nay vẫn có thể giữ lại một phần nào ngôn ngữ chưa quá xa xôi. Thí dụ ở Việt Nam : ngôn ngữ một số thi sĩ tiền chiến.

THANH TÂM TUYỀN : Tất cả các thi sĩ Pháp mà Lê Huy Oanh kể trên sự thực đều cùng một giọng thi ca. Người ta vẫn công nhận Rimbaud là mở đầu thơ Pháp bây giờ. Ở Việt Nam, thì không đúng. Các nhà thơ tiền chiến và các nhà thơ hôm nay là con đẻ của hai thời đại khác biệt hoàn toàn và lập thành hai giọng thơ đối chọi nhau. Ngôn ngữ cũng khác biệt hoàn toàn, không có một điểm giống nhau nào hết. Đó là lý do xuất hiện và tồn tại của thơ bây giờ.

LÊ HUY OANH : Không thể bảo được rằng Lautréamont, Eluard, Rimbaud, Mallarmé cùng một giọng. Không thể bảo các nhà thơ tượng trưng Pháp cùng giọng ngôn ngữ với các nhà thơ siêu thực Pháp. Các nhà thơ siêu thực có một ngôn ngữ riêng mà phái tượng trưng không có, nhưng họ biết điều hơn ở điểm họ vẫn công nhận thơ họ còn giữ lại một

phần ngôn ngữ cũ. Ở Việt Nam ta cũng thế. Ngôn ngữ thơ 10 11 hay Yên đầu có hoàn toàn khác hẳn ngôn ngữ thơ tiền chiến. Một dẫn chứng khác là thơ Quách Thoại. Giọng thơ Quách Thoại nhiều khi trùng với giọng thơ tiền chiến.

TÔ THUY YÊN : (cười) Tôi không thể minh chứng cho tôi, vì tự mình chứng, ngoài tác phẩm của mình, không thuộc thẩm quyền một tác giả.

THANH TÂM TUYỀN : Xin phát biểu về thơ Tô Thùy Yên. Tôi nghĩ đó là một thế giới trong cái vũ trụ chung của thơ bây giờ. Nó có những điểm chung và những nét riêng. Nét riêng tôi thấy ở thơ Tô Thùy Yên là nó có nhiều màu sắc của trí thức. Yếu tố đó làm cho ngôn ngữ thơ Yên người ta tưởng là cũ, chứa đựng nhiều cái rất mới.

LÊ HUY OANH : Đồng ý thơ Tô Thùy Yên có nhiều điểm mới. Nhưng không phải là không sót lại nhiều điểm thơ tiền chiến.

THANH TÂM TUYỀN : Cần giải thích với những người còn cảm được thơ tiền chiến. Gạt ra ngoài những người sống lùi thời đại không cần phải nói tới, hẳn còn nhiều người sống liền với thời đại mình cảm được thơ bây giờ mà vẫn cảm được thơ tiền chiến. Vậy giải thích thế nào ? Tôi cho là trong con người có một khuynh hướng bắt nguồn từ bản năng tự vệ khiến cho người ta vẫn luôn luôn, trong khi bước tới, có một tâm trạng luyến tiếc quá khứ. Như một người luôn luôn tiếc tuổi ấu thơ của mình và thường gọi lại trong những phút bất mãn với hiện tại. Nói thấp nữa thì sự rung cảm của người ta — như Lê Huy Oanh đã nói — còn có những phần thấp kém của nó mà một người tiến bộ đến đâu cũng không gạt sạch được. Cho nên có những lúc người ta đã thích sống với cái phần thấp kém đó.

TRẦN THANH HIỆP : Sự nhận định của chúng ta về thơ mới (hay thơ tiền chiến theo danh từ Lê Huy Oanh) thật ra còn có thể kéo dài nữa nhưng tôi thấy có thể chấm dứt ở đây. Cho sự phê phán được công bình, nên nhắc lại : chúng ta phủ nhận giá trị loại thơ này là chúng ta đứng ở hiện tại mà phủ nhận. Mà tất nhiên là phải đứng ở hiện tại để phê phán. Đặt mình trở lại với thời đại của loại thơ đó, chúng ta vẫn có thể dành cho loại thơ đó một chỗ đứng. Nhưng vấn đề đặt ra không chỉ là sự phê phán loại thơ đó mà thôi. Mục đích chính là : chúng ta giải thích và thực hiện sự đòi hỏi thơ chúng ta. Việc xét lại giá trị thơ tiền chiến đối với chúng ta không cần thiết bằng việc chúng ta cương quyết chôn trách thái độ những người bây giờ còn khư khư ôm lấy quan niệm : thi ca chỉ là thơ tiền chiến. Sự sai lầm này đã làm trở ngại cho tiến hóa của thi ca Việt Nam, và chúng ta cần phải đập tan sự phản động đó. Việc làm này không vì mục đích thỏa mãn tự ái cá nhân, mà vì tiền đồ thi ca đất nước. Vì sao ? Thời đại

đã thay đổi. Nói rõ hơn, chúng ta đã được đặt vào những thí nghiệm mới của sự sống. Con người chúng ta đã lớn lao hơn xưa vì chúng ta đã có thân phận mới, điều kiện mới. Và trách nhiệm mới. Sự biến đổi này phải ảnh hưởng tới thi ca như thế nào ?

Tôi cho rằng : thơ tiền chiến là đứa con út của mấy trường thơ Lãng mạn, Thi sơn, Tượng trưng Pháp, mà ngày nay đã hết thời, chính ở Pháp. Đứa con út này sinh ra chưa kịp lớn trên đất nước chúng ta thì đã chết yểu vì đất nước chúng ta đã đổi mới, con người chúng ta đã đổi mới. Ý kiến này của tôi không có gì quá khích vì chính những người đề ra thơ tiền chiến đã hơn một lần từ khước nó. Xây đắp một nền thi ca Việt hiện nay không phải là chúng ta sẽ làm một công việc từ thiện phục sinh cho đứa con chết yểu đó.

Tôi mượn một hình ảnh cụ thể để hình dung hành trình của những người thơ hôm nay. Chúng ta đã rời bỏ một bờ sông rải rác những cây ma lãng mạn, tượng trưng quá khứ, bước qua chiếc cầu siêu thực, chặt gãy cầu đề sang hẳn bờ của thơ bây giờ. Xứ sở của thơ này ra sao ? Chúng ta sẽ xây dựng.

THANH TÂM TUYỀN : Thơ bây giờ không phân biệt với thơ xưa bởi số câu số chữ. Người ta đã rất ấu trĩ khi nói rằng trong ca dao, trong thơ cổ, trong Tản Đà, Thế Lữ đã có thơ tự do. Sự thực thì hình thức phá vỡ của bây giờ cũng chính là nội dung. Tôi muốn nhận định về một tình trạng mới xảy ra ít lâu nay trong thơ chúng ta : nhiều nhà thơ bây giờ có khuynh hướng hồi sinh lại thể lục bát. Tôi thấy lục bát bây giờ khác hẳn lục bát của ca dao, của Nguyễn Du, của Huy Cận. Muốn hỏi ý kiến vấn đề này với anh Cung Trầm Tưởng. Vì nếu tôi không làm anh sửa soạn cho in một tập thơ lục bát bây giờ.

CUNG TRẦM TƯỞNG : Thể lục bát, một thể thơ thuần túy Việt Nam vẫn còn có thể diễn đạt được khát vọng của người thơ hôm nay. Ngôn ngữ thơ bây giờ vẫn có thể biểu hiện qua thể lục bát mà không bị cưỡng ép và rơi vào cạm bẫy thơ lục bát thời trước.

DUY THANH : Tôi hy vọng thể thơ lục bát có thể hay và mới được. Gia dĩ nó lại có cái chất « dân tộc tính » Việt Nam.

THANH TÂM TUYỀN : Tôi muốn hỏi ý kiến về vấn đề lục bát vì muốn biết đó có phải là sự hóa thân thực sự cho một thể thơ đã có mấy nghìn năm hay chỉ là những giây phút mệt mỏi chán chường vì sự gặm nhấm của nỗi bất lực ngôn ngữ chúng ta đã nói ở trên, mà những nhà thơ làm thơ lục bát bây giờ tìm về một chốn nghỉ ngơi tạm thời ? Chính nhiều lúc tôi có tâm trạng này.

TÔ THUY YÊN : Bởi khi tôi cũng làm thơ lục bát và thơ đều chữ. Nhưng khi làm những bài thơ như vậy tôi không nghĩ là làm thơ lục bát hay thơ đều chữ, mà là làm thơ bây giờ. Sự mới mẻ trong thơ

không phải là số chữ số câu mà chính là trong tâm tư bài thơ ấy. Niêm luật thường là chỗ ẩn tránh mờ ám của những thi sĩ bất tài nổi iền những vần bằng phẳng không tạo được cho bài thơ một tiết điệu iêng. Bất cứ với một thể thơ nào, người làm thơ cũng phải tạo cho bài thơ một tiết điệu thích hợp với tâm tư của nó. Ví dụ câu thơ này của Hồ Xuân Hương :

Một đèo, một đèo, lại một đèo.

Và tất cả giá trị âm thanh của câu thơ này là đã đi liền một cách khéo léo với hình ảnh.

CUNG TRẦM TƯỜNG : Trả lời thắc mắc của anh Thanh Tâm Tuyền : tôi không hề bao giờ thấy làm thơ lục bát là một sự nghỉ ngơi dễ dãi. Trái lại đó là một khai phá khó nhọc những chân trời mới lạ mà tôi tin thơ lục bát còn chưa dừng.

TRẦN THANH HIỆP : Ý vừa phát biểu của Cung Trầm Tưởng làm tôi nhớ đến một ám ảnh riêng : tôi vẫn luôn luôn thắc mắc về điểm làm sao cho những sáng tác mới về nghệ thuật của chúng ta được tiếp nhận như một sáng tác dân tộc. Điểm này chúng ta sẽ phải nói đến kỹ hơn trong một dịp khác. Tiếp tục nói về thơ bây giờ, tôi muốn nêu lên những tính chất đã có, hoặc tôi ao ước có. Thơ bây giờ có *tính chất cách mạng nghệ thuật*. Cách mạng vì thơ bây giờ biểu hiện một cuộc chiến đấu dũng cảm quyết liệt đối với tất cả những gì mà thơ bây giờ cho là những trở lực đối với cuộc sống. Có thể là sự khe khắt của số mệnh con người. Có thể là tinh thần trì trệ, ngưng đọng ngăn trở mọi sáng tạo. Thu hẹp trong phạm vi thơ, thơ bây giờ tận diệt xu hướng tôn thờ những công thức, những tình cảm khuôn sáo làm mất tính chất đột khởi của thơ. Đó là những thành lũy mà thơ bây giờ cương quyết phá tan. Mặt khác, thơ bây giờ không chỉ chú trọng về phá hủy. Thơ bây giờ đã chứng tỏ khả năng xây dựng của nó. Điều người đọc thấy ngỡ ngàng trước thơ bây giờ là sự gặp gỡ đột ngột với một cái gì mới lạ : Ở cả hình thức lẫn nội dung. Thơ bây giờ cũng không phải là thơ siêu thực như nhiều người thường gán nhãn hiệu này cho nó. Thơ bây giờ mang nặng tính chất hiện tại. Người làm thơ bây giờ nhất định đứng giữa cuộc đời, nhận lấy cuộc sống với tất cả mọi xấu, đẹp của sự sống. Người làm thơ bây giờ không cố tìm lấy một thế giới thần tiên nào khác cuộc đời để ẩn náu vào đó với tất cả những thứ gì cho sự yên ổn mà tôi tạm gọi là những tiện nghi trong nghệ thuật (như tiện nghi đi xe hơi, ở phòng lạnh, ngoài đời). Điểm làm cho thơ bây giờ đặc biệt nhất là : thơ bây giờ là một loại thơ có ý thức. Người làm thơ nhìn thấu suốt tâm hồn mình không hồ nghi, mà biết đích xác vì sao mình đã rung cảm. Người làm thơ bây giờ hiểu rõ bởi đâu mình đau khổ, sung sướng, và nói ra, khác những người thơ thuở trước mà thơ chỉ là những

tiếng kêu than người đọc không tìm thấy nguyên do.

Sau hết thơ bây giờ có tính chất toàn diện. Nó thực sự là tiếng nói của một người, — không phải là tiếng nói một cá nhân (tôi) hay một thứ phi nhân (ta) — đề con người sống đầy đủ, củng cố địa vị mình trong đời sống, đòi hỏi cho mình một tự do tuyệt đối một địa vị tối thượng đối với chính mình. Cho nên thơ bây giờ vừa trữ tình, vừa suy luận, vừa chiến đấu vừa rung cảm. Người ta bắt gặp qua thơ bây giờ một sự đổi mới tâm hồn, một sự trỗi dậy của con người sau khi đã phá vỡ mọi tù ngục, đứng hiên ngang giữa cuộc sống. Những tính chất vừa kể trên đã làm cho thơ bây giờ xa lạ phần nào với người đọc. Tôi nêu lên những tính chất ấy để sáng tỏ một lầm lẫn người ta cho thơ bây giờ bí hiểm.

LÊ HUY OANH: Những quan niệm sáng tạo anh Trần Thanh Hiệp nêu lên rất đẹp đẽ. Nhưng tôi nghĩ chúng ta cũng cần kiểm điểm xem các nhà thơ hôm nay tại Việt Nam đã thực hiện được những gì qua quan điểm lý thuyết của mình?

TRẦN THANH HIỆP: Đề trả lời, tôi muốn rất dè dặt. Một điều không ai phủ nhận được là bằng ít nhiều tác phẩm, những người làm thơ hôm nay đã đặt định được sự hiện diện của mình, và đạo quân ngôn ngữ thơ bây giờ đang đẩy lui tàn quân ngôn ngữ cũ. Nếu không quá khe khắt thì cũng có thể cho rằng đó là một thành tích của thơ bây giờ.

THANH TÂM TUYỀN: Lúc này không phải lúc kiểm điểm thành tích thơ bây giờ. Những nhà thơ bây giờ đều nhận một điều là mình còn rất trẻ và con đường mình đi đã có hương vạch ra nhưng sự thật chưa có gì chắc chắn hết. Tôi cho đó là điểm độc đáo của thơ bây giờ. Những nhà thơ chắc cũng còn thay đổi rất nhiều như thơ của họ và tôi mong muốn như vậy. Nhưng ít nhất cũng đã có thể nói: thế giới từng người đang vẽ những nét đầu tiên và chưa phải là những nét cuối cùng. Không phủ nhận sự thành hình của thơ bây giờ nhưng cũng đừng đóng khung sẵn cho nó. Thơ bây giờ đã tạo được một điểm khởi hành tốt đẹp cho những thế hệ nhà thơ mai sau của chúng ta. Người thơ bây giờ có thể chỉ làm được những thí nghiệm. Nghệ thuật họ là những thí nghiệm, nhưng là thí nghiệm cần thiết phải có chò lớp nhà thơ sắp tới. Đó cũng là một điểm đáng ghi nhận nữa.

LÊ HUY OANH: Có nhiều người nói họ chưa bằng lòng với thơ hôm nay; họ cho rằng thơ bây giờ có những điểm lập dị và hình thức không đạt tới mức truyền cảm. Có đúng thế không? Cũng có người cho thơ bây giờ của chúng ta chịu ảnh hưởng không ít thì nhiều của thơ Tây phương. Ảnh hưởng đó có không?

DUY THANH: Trả lời: Linh hồn thời đại bốc lên từ cuộc sống như

một hồn thơ bay trên không trung. Những tâm hồn lớn, những nhà thơ lớn ở những phương trời khác nhau nhưng cùng một ý thức trước đời sống đều chụp bắt được linh hồn đó, hồn thơ đó và gặp nhau ở sự chụp bắt đó. Ở những kẻ vô tài là sự theo đuổi và chịu ảnh hưởng vô ý thức. Ở tài năng là những điểm đồng nhất của một ý thức sống và lối nhìn ngắm đời sống và biểu hiện thành tác phẩm có thể có những rung hợp bất ngờ nhưng không đồng chất. Nhận định này có chung cho cả các ngành nghệ thuật khác.

TÔ THUY YÊN : Thơ bây giờ có lập dị hay không, tưởng nên đề dành hoàn toàn cho người đọc. Riêng tôi, khi làm thơ không bao giờ có ý muốn lập dị hết. Đọc thơ Thanh Tâm Tuyền tôi cũng thấy Tuyền không lập dị chút nào. Tôi thấy hình thức thơ Thanh Tâm Tuyền có đầy đủ sức truyền cảm những gì anh muốn nói.

DUY THANH : Tôi thường nói chuyện với anh Thái Tuấn rằng muốn làm nghệ thuật ít ra phải nắm được cái chất của nghệ thuật. (Mà phải là thứ nghệ thuật bây giờ, thứ nghệ thuật tiêu biểu của thời đại mình). Chẳng hạn làm thơ anh cần phải có cái thứ tôi gọi là *esprit poétique* trong người anh mới diễn thành thơ gọi là thơ được. Nếu không bài thơ chỉ có giá trị một sự rỗng tuếch. Điều đó tôi suy từ bộ môn hội họa. Tại sao có nhiều họa sĩ cầm bút vẽ, học đủ các thứ lý thuyết rồi đến lúc tác phẩm lại không đi đến đâu cả. Chính là họ chưa nắm được tinh thần đó. Tôi và Thái Tuấn đã đồng ý với nhau, sở dĩ có những kẻ làm nghệ thuật một cách đáng buồn như thế là vì con người họ sinh ra không phải để làm nghệ thuật. Họ không đi đúng đường, đáng lý có thể làm bất cứ một nghề nào khác. Vì vậy tôi thương hại những người làm thơ chỉ biết ghép những chữ tượng là thơ và cứ thế lải nhải với những ý tưởng cũ rích của họ. Những người đó không bao giờ nắm được ý thức của thơ bây giờ, của nghệ thuật bây giờ. Những điều này tôi nói để trả lời một phần thắc mắc về « thái độ thiên hạ » của anh Lê Huy Oanh.

THANH TÂM TUYỀN : Tôi tưởng nên cắt đứt vấn đề này. Một giả vấn đề che đậy những thiên kiến của những tâm hồn nông cạn. Hỏi rằng thơ bây giờ có lập dị hay không để làm gì? Tại sao không hỏi thơ bây giờ có làm mình cảm được hay không? Giả thiết tận cùng lý luận, nếu lập dị mà vẫn cảm được thì sao không nhận cái lập dị ấy? (cười) Nhưng nói thế tôi không bảo thơ bây giờ lập dị. Vả lại vấn đề rung cảm còn phải đặt với thời đại của nó. Điều này hy vọng sẽ thành một buổi nói khác.

TÔ THUY YÊN : Người làm nghệ thuật là người lập dị được một cách tự nhiên. Có lẽ sự tự nhiên này đã không cho tôi nhìn thấy tôi lập dị nếu quả có thực như vậy (cười).

DOÃN QUỐC SỸ : Tôi nghĩ tốt hơn hết là các nhà thơ của chúng ta cứ sáng tác đi, đem lại những vần thơ gợi cảm thật. Còn việc hiểu hay không hiểu, ưa hay không ưa thuộc chủ quan độc giả. Sự kiện này vốn là một sự kiện muôn đời giữa tác giả và độc giả.

DUY THANH : (cười) Tôi tưởng nên nói rõ đề độc giả phân biệt những thi sĩ hôm nay- với những thi sĩ vẫn đang làm thơ hiện thời mà đã thuộc về quá khứ, giọng thơ quá khứ, ngôn ngữ quá khứ.

CUNG TRẦM TUỞNG : Điểm khác biệt rõ ràng là rung cảm về thơ trước thiếu cái say sưa mà người ta thấy trong rung cảm về thơ bây giờ.

TRẦN THANH HIỆP : Thanh Tâm Tuyền ở trên có nhắc đến trường hợp Vũ Hoàng Chương. Tôi muốn thêm rằng trường hợp Vũ Hoàng Chương không phải là một trường hợp duy nhất. Đó là trường hợp thường gặp ở bất cứ một lịch sử thi ca nào. Tôi mở một dấu ngoặc : Vũ Hoàng Chương theo tôi là người duy nhất ở đây, trong lúc này, đầy đủ điều kiện để đại diện cho phái thi sơn (école parnassienne). Đó là trường hợp của sự tàn tạ một trường phái thi ca mà rung cảm đã bị cản cỗi. Lấy thí dụ ở lịch sử thi ca Pháp : Trường phái thơ lãng mạn đã quá mệt mỏi thời thơ chỉ còn biết chạy trốn vào những rung cảm ước lệ. Thơ tượng trưng khi mệt mỏi trở thành huyền bí vô nghĩa. Để phản ứng lại sự suy tàn này chúng ta thấy sự xuất hiện ngổ ngược của các trường phái dada, siêu thực. Nói về thơ bây giờ của chúng ta và thơ tiền chiến, tôi liên tưởng tới trường hợp trên của thơ Pháp. Sự nhận định của tôi về thơ tiền chiến có thể tóm tắt như sau : Chúng ta chối bỏ loại thơ tiền chiến là vì thơ này dù dưới hình thức nào cũng chỉ là sản phẩm của một thứ « tình cảm chủ nghĩa ». Chúng ta không thể tiếp tục nghe sự kể lể của những con người « cá nhân » đơn độc sầu mộng hoặc chạy trốn cuộc sống hoặc ngược lại tin tưởng một cách thơ ngây vào cuộc sống. Từ bây giờ đến nay biết bao nhiêu biến cố trọng đại đã xảy ra, biết bao nhiêu người đã đau khổ, đã chết đi để chúng ta lớn mạnh, để sự giác ngộ của chúng ta về sự sống thêm sâu sắc. Nghệ thuật của chúng ta hôm nay không còn là những rung động của tình cảm thuần túy mà là những vận động của ý thức thực hiện sự sống, bởi vậy nó phải chối bỏ những hình thức thấp kém của quá khứ để thoát xác. Thế mà lại còn muốn chúng ta phải chấp nhận như khuôn vàng thước ngọc cả thứ thơ hiện nay của những người làm thơ mà sự mơ ước đáng thương chỉ là tới bằng được thơ tiền chiến. Một thứ thơ vát vưởng như những cô hồn lang thang bên lề cuộc sống. Thật là tủi hổ cho những người đã chết để làm lịch sử cho chúng ta.

TÔ THỦY YÊN : Ngôn ngữ thơ một thời đại chứa đựng sự sống thời đại đó, nhưng tôi nghĩ nó phải được nâng lên hàng trường cửu và nhân loại. Khi đã được nâng lên hàng ấy, ngôn ngữ có chết đi, người thơ

vẫn hiện ra rành rành trong đời sống mai sau. Như trường hợp Homère, ngày nay có lẽ không còn mấy ai đọc nguyên tác thi sĩ này. Nếu tôi không cảm được các thi sĩ tiền chiến bằng Nguyễn Du chẳng hạn, là vì những thi sĩ ấy đã đi qua với đời sống thời đại họ mà không nâng được nó lên hàng trường cửu và nhân loại. Thành thử vấn đề chúng ta nói chuyện ở trên còn là sự cao lớn của một tác giả chứ không phải chỉ là vấn đề ngôn ngữ.

THANH TÂM TUYỀN : (khi mọi người sửa soạn dừng đây) Lúc này tôi có nói đến sự bất lực của thi ca vì nó chỉ là hành động thực hiện khát vọng một cách trừu tượng. Cho nên người ta có thể từ chối thơ để đi vào hành động. Những người hành động thường coi khinh lũ thi nhân là một lũ mơ tưởng hảo huyền làm cho ngay chính người làm thơ có cái mặc cảm bất lực vì ngôn ngữ không nói hết được những điều hân muốn. Tôi đặt lộn ngược trở lại ; là có lẽ phải gieo cho những người hành động một mặc cảm phạm tội là họ đã không thực hiện được bằng hành động ước muốn của thi ca ; Tôi cho rằng như thế thì lý do tồn tại của thi ca ở điểm : nó là một hành động hoàn hảo nhất không hề bị sứt mẻ của con người. Chính những người không phải là thi nhân đã muốn giết dần mòn thi ca bởi sự bất lực trong địa hạt hoạt động của họ. Kết luận : Chúng ta có thể nói thơ sẽ còn lại mãi mãi để nhắc nhở cho thời đại cho lịch sử, cho những người đang sống và những người kế tiếp rằng hành động của họ chưa đạt tới cái đích của thi ca phóng ra. Vì thế mà bây giờ chúng ta làm thơ, vì thế mà có thơ bây giờ của chúng ta.

mai thảo ghi

THANH TÂM TUYỀN

buổi sáng ngoài bãi biển

LÚC này tôi cần được một mình, sự hiện diện bất cứ một người nào thân cận đều làm tôi bức bối. Tôi cựa mình lách ra khỏi vòng tay của người đàn bà, ngồi dậy đặt cái gối thay vào chỗ của tôi, hân ôm cái gối trở mình và vẫn ngủ thiếp. Tôi thay quần áo xuống phố. Đi hết cái phố chợ ngán với bến xe đò, tôi tiến gần ra bãi biển trên những mặt đường cao hơn. Gió biển thổi trong không khí buổi mai se lạnh. Ở ngã ba con đường ra bãi, tôi tìm thấy một căn biệt thự kiểu cổ có dựng tám biển hàng ăn ở bên ngoài. Qua lối sỏi tôi bước vào một cái hàng hiên bày ba bộ bàn ghế mây thấp có không khí gia đình. Tôi thả dài người trong chiếc ghế rộng, hút thuốc lá ngắm khu vườn cây um tùm của biệt thự, nghe tiếng sóng bề xa xa. Tôi ngủ chập chờn trong vài phút thú vị, suốt đêm qua tôi thức trắng. Nghe tiếng chân, tôi mở mắt kêu lên : « bà Georgieff ». Người đàn bà Pháp sững sốt : « ông Nghệ, có phải ông Nghệ không ? » Bà Georgieff nắm chặt lấy tay tôi cảm động, trông bà già và béo hơn xưa, quan sát tôi một cách chăm chú, cặp mắt nâu long lanh của bà không có tuổi, da mặt của bà đã răn rúm. Bà kéo tay tôi ngồi xuống ghế, và bà ngồi đối diện, bà hỏi tôi rất nhiều, tất cả những gì về tôi trong những năm qua. Tôi trả lời vắn tắt, những câu hỏi khó đáp tôi mỉm cười. Rồi bỗng bà Georgieff im lặng, bà ngó tôi lắc đầu bảo : « Ông mất ngủ ». Tôi bàng hoàng gật đầu. Bà cất tiếng gọi chị người làm ở nhà sau bùng lên cho tôi một thau nước nóng và chiếc khăn mặt bông. Rửa mặt xong tôi tỉnh hẳn, tôi cảm ơn bà chủ, tôi nói : « Bảy tám năm không có gì thay đổi cả ». Bà Georgieff xua tay : « Nhiều, nhiều lắm. Nhưng trước hết ông hãy dùng điềm tâm đã ».

Bà Georgieff dọn cho tôi một cái *toast*, một ly cà phê sữa, bà cũng uống cà phê sữa tiếp chuyện tôi. Bà hớp từng ngụm nhỏ bảo :

Ấy mỗi buổi sáng tôi chỉ uống một cốc này là nhịn tới trưa »
 Tôi ăn uống thoải mái và tìm lại sự thân mật dễ dàng như ngày nào
 chúng tôi còn ở ngoài Hà-nội. Khi tôi ngó vào trong nhà tôi ý một
 câu hỏi không muốn nói ra bằng lời, bà Georgieff hiểu ngay, bà phác
 một nụ cười bảo : « Nhà tôi mất rồi, đã ba năm nay. Bệnh kiết lỵ, lâu
 ngày nó làm hỏng gan. Hồi mới vào đây chúng tôi cũng vẫn tiếp tục
 liên lạc với bên Lào làm ăn nhưng từ khi ông ấy chết, tôi bỏ rồi ».
 Việc làm ăn mà bà Georgieff nói là buôn thuốc phiện lậu ; ngoài Hà-nội
 tôi quen ông bà Georgieff là bởi công việc buôn bán ấy, tôi làm môi
 giới chạy hàng xách ; hai vợ chồng nhà này mở một quán rượu ở phố
 Hai Bà Trưng. Ông Georgieff nắm tôi gấp, gầy yếu, mới đầu tôi tưởng
 ông nghiện thuốc phiện ; tôi không thể quên cặp mắt hóm hỉnh thông
 minh của ông trũng xuống giữa hai gò má nhỏ xương, ông nói được tiếng
 Việt Nam và ưa nói văn chương bóng bẩy. Những buổi tối mùa đông
 đến lấy hàng, ông thường rủ tôi đánh cờ hay belotte. Điều tôi mến nhất
 ở ông là sự tế nhị trong phép giao thiệp, chẳng bao giờ ông đã động
 đến chuyện chính trị giữa hai nước thời bấy giờ. Ông coi tôi như
 một người bạn trẻ, bà vợ ông coi tôi như đứa em, hơn thế nữa một
 đứa con. « Ông còn nhớ Charles không ? Bấy giờ hẳn ở Hồng Kông ».
 Tôi nhìn vào mắt, lên trán lên tóc bà Georgieff, tôi nói : « Hôm nay
 bà thiếu cái khăn choàng » ; bà mỉm một nụ cười âu yếm. Buổi
 sáng hôm ấy, tỉnh rượu, nằm trên giường trong nhà của gia đình Geor-
 gieff, tôi trông thấy bà đứng ở đầu giường, chít một cái khăn dạ xám
 đêm trước là đêm Giáng sinh, ông bà Georgieff mời tôi tới ăn Réveil-
 lon tại nhà, và giới thiệu với Charles một người bà con xa của
 gia đình, là phóng viên trong quân đội viễn chinh. « Hẳn giải ngũ rồi
 và làm phái viên cho một nhật báo ». Nói chuyện với Charles, để che
 dấu cái tự ti mặc cảm của tuổi hai mươi, tôi uống rượu mạnh như
 hẳn, tới nửa đêm tôi gục nôn mửa bữa bữa ; Charles ra mặt trận
 ngay sáng hôm sau. Tôi cười nói với bà Georgieff : « Nghĩ lại đêm
 Noël, tôi còn xấu hổ. Bấy giờ thì tôi uống rượu đã khá » ; Bà đứng
 lên pha thêm cà phê vào cốc của tôi nói giọng mơ màng : « Đêm
 Noël ấy là vui nhất của chồng tôi đấy. Sau này chỉ còn hai vợ chồng
 già thui thui, nhất là vào đây mới chán : sống Hà-nội quen thành ra
 cũng nhớ. Tôi đang thu xếp xin về Pháp ». Tôi nín thính nhìn
 xuống bàn chân rần reo của người đàn bà ngoại quốc, thoáng thấy lại
 một vài cảnh gặp ở ngoài phố. Chợt nhớ ra bà Georgieff hỏi tôi : « Ông
 có thực hiện được điều mơ ước ông nói đêm Noël không ? Ông bảo ông
 sẽ viết văn và ông sẽ dành cho những người Pháp như vợ chồng chúng
 tôi một cuốn sách. Ông còn nghĩ tới điều đó nữa không ? » Tôi lắc
 đầu đáp : « Tôi có nói thế hay sao ? Tôi quên tiết. Bà có thể tin là tôi
 trở thành nhà văn được ư ? » Bà Georgieff trở mặt ngạc nhiên vì câu
 hỏi vô lý của tôi, tôi đứng dậy đi mấy bước qua mặt bà và hỏi tiếp :

« Bà trông tôi có dáng văn sĩ không ? » Bà xịu mặt không trả lời, tôi biết mình đùa lỗ bèn xin lỗi, bà an ủi : « Ông không được mãn nguyện ». Một ngày ra nghỉ ở đây tôi đã quên được cái không khí buồn nản đầu độc của Sài-gòn, bỏ lại những bộ mặt quen thuộc đáng ghét phải gặp hằng ngày là những mặt nước ao tù phản chiếu bộ dạng của tôi trong đó thành những hình thù trơ trẽn. Chỉ trong một giây, tôi nổi giận một cách bệnh hoạn, trông thấy tất cả những mặt ấy hiện lên bao vây tôi reo hò bằng một thứ tiếng quái gở, tôi nói : « Tôi bất mãn với tôi. » Bà Georgieff đổi chuyện hỏi : « Ông Nghệ còn ở chơi ngoài này lâu không ? Tôi mời ông lại ở đây cho vui, tôi chẳng có bè bạn nào cả. » Tôi đáp rằng tôi còn một người bạn gái nên bất tiện, bà lại hỏi : « Nếu ông không bận ra biển, mình đánh vài ván xúc xắc. » Tôi nhận lời, tôi rất đỏ và thắng điểm liên tiếp. Khi trời đã có nắng, xung quanh chúng tôi vẫn vắng vẻ êm tĩnh lạ lùng, tôi nhìn cái dáng cúi của bà Georgieff theo rồi bàn tay tôi khi lắc mấy con xúc xắc ném xuống cái khay tròn bọc nhung, tôi hỏi : « Bà vắng khách nhỉ ? » Bà vợ mấy con xúc xắc đáp : « Từ nãy giờ tôi mới thấy ông ném một lần mà hỏng ngay, ông đỏ lắm. Ông quên hôm nay là sáng thứ hai, du khách về Sài-gòn hết cả rồi. » Tôi ngấm cái bàn tay da đã dòn và đầy tàn nhang của người bạn bà ngoại quốc nhớ tới cái khuỷu tay trắng của một người đàn bà khác có một vài nốt muối đốt đỏ thò ra cửa xe tắc-xi tôi gặp một bữa trên đường phố Sài-gòn đã làm tôi liên tưởng tới những nhân vật da trắng — của một tác giả Anh — tàn tạ hư hoại cả một đời ở những xứ thuộc địa xa lạ. Bỗng nhiên tôi muốn nói vài điều dẫu kín với bà Georgieff. Tôi thường thổ lộ tâm sự với những người gặp gỡ thoáng qua chốc lát, không bao giờ với người thân cả. Bởi tôi không muốn những người còn gần gũi với tôi lâu dài biết, họ sẽ là phần phụ của trí nhớ tôi, làm tăng thêm những nỗi ám ảnh mà riêng ở tôi đã đủ nặng nề rồi. Tôi nói với người lạ, những người chỉ gặp một lần, họ nghe đó và thường khi họ cho là tôi bịa hoặc có tin họ cũng chẳng thường xuyên bên cạnh tôi để nhắc nhở. Nói với người lạ là được nói một mình ở trạng thái bình thường.

Bà Georgieff ngừng đầu lên nhắc : « Tôi quên ông, ông nhìn gì đó. » Tôi bốc mấy con xúc xắc lên bàn tay đáp : « Tôi đang ngấm bà và nghĩ đến câu chuyện của tôi ». « Chuyện gì ? » Tôi ném ba cái hột xương xuống mặt khay lật ngửa ba mặt người trạm màu đỏ ngồi trên ngai, tôi nói : « Một trong những câu chuyện tôi không thể nào viết ra được. Bữa kia tôi đi trên một chuyến xe buýt đông người từ ngoại ô vào thành phố. Tôi đứng bên một người đàn bà Pháp già gầy yếu. Bà ta mặc một cái váy đã cũ, tóc bà vàng cháy cứng, tay đeo một cái sắc vải nhẵn nhúm, cầm một cái dù, một tay níu lên thanh sắt ở trần xe, chân bà đi đôi sandal kiểu trẻ con. Mỗi lần xe chuyển động bà xô

người tôi và bà lại lấp bắp xin lỗi. Bà lấy vé người ta thối lại cho năm cái bằng ba đồng nhôm tròn to nhỏ không đều, bà cầm chắc trong bàn tay. Một lúc bà đánh rơi mấy đồng hào xuống ván xe tôi cúi xuống nhặt hộ cho bà, khi ngừng lên tôi *trông thấy* bà đang thò tay rút lấy cái bút máy trong túi áo của một người đàn ông đứng cạnh... Bà on xúc xắc ném xuống, hai con tung ra khỏi khay và lăn xuống đất, bà Georgieff chăm chú ngó tôi, tôi vừa nhặt chúng lên vừa nói : « Đứng ở chỗ này lúc ấy tôi *tưởng tượng* và tôi *trông thấy*. Bởi bà ta nhận mấy đồng tiền tôi trao lại, lung tung thủ nhận một thứ tội lỗi nên tôi *trông thấy* những việc không bao giờ xảy ra. Còn nhiều truyện nữa, tôi *trông thấy* và tôi không viết ra được nên tôi... Tôi cứ có cảm tưởng tôi là người trông thấy những bóng ma trong khi những kẻ khác thì tin vào khoa học. » Bà Georgieff hỏi : « Ông không viết vì thế ? » Tôi gật đầu. Bà Georgieff lại hỏi : « Có phải lúc ấy ông nghĩ đến vợ chồng chúng tôi không ? » Tôi không thể trả lời câu hỏi ấy. May mắn vừa lúc mấy người Mỹ bước qua cổng, đang đi vào trong vườn, tôi bảo : « Bà có khách, lúc khác tôi lại thăm bà. » Bà nắm chặt tay tôi tỏ nỗi xúc động : « Cảm ơn, cảm ơn, Nghe », lẽ ra bấy giờ tôi phải ôm hôn lên trán bà Georgieff và nói : « Từ biệt Emma », tôi từ biệt bà lặng lẽ.

Tôi đi từ trên hành lang xuống vườn theo lối tráng xi-măng thoải thoải phía bên trái, bọn khách hàng của bà Georgieff lên lối bên phải, nhìn thấy ở xa dưới những hàng cây một chút mặt biển như một vũng nước xanh rờn, nghe thấy tiếng bà Georgieff gọi với : « Nhớ lại thăm tôi nghe Nghe », tôi quay lại giơ tay vẫy mỉm cười. Ra ngoài đường, tôi lại tỉnh một giấc nữa cái cảm giác sau đêm thức trắng là cảm giác trời sục liên tiếp qua những trạng thái mê tỉnh gần nhau khó phân biệt, nhưng có một lúc người ta cảm tưởng mình sáng suốt, ý thức như bay trên cái cơ thể mệt mỏi, thoát ngoài cái khối đầu đảo nặng, và nhìn sự vật bên ngoài qua một lớp màn che là cái thân xác uể oải. Một người nào cũng đã hỏi : « Ông sống nhiều thế, ông có thể viết vào được, tại sao không viết ? », tôi đưa trí óc tôi bay lớn vờn về những chốn đã đi qua để tìm người đã nói. Tôi nghe thấy giọng trả lời riều cọt của tôi sau câu hỏi : « Tôi cần được một nhà văn nâng đỡ khuyến khích như bà chẳng hạn ». Hắn là nữ văn sĩ, chừng ngoài ba mươi tuổi, không đẹp lắm nhưng có một thân hình khéo léo. Đó là một buổi chiều, ở lưng chừng một con đèo cao gần nơi đồn trú của tôi, hắn đứng xe ngắm cảnh mặt biển hoàng hôn ở dưới thấp, và tôi vừa tắm ở dưới suối leo lên đường. Hắn đi với một người đàn bà khác, cũng là văn sĩ, gầy và xấu hơn, cả hai đều mặc quần chèn đen bó sát ống chân, áo sơ-mi xắn tay những hàng kẻ ngang lớn màu nâu như da ngựa vằn. Tôi vốn không ưa bọn văn sĩ, nhất là văn sĩ đàn bà, vai trò bọn ấy đóng trong đời sống xã hội là một vai hề làm vui một bọn khán giả vô ý thức, riêng bọn văn sĩ đàn

bà lại là bọn hề khôi hài bằng vẽ đạo mạo nghiêm trọng. Suốt buổi gặp gỡ, tôi giả bộ tỏ lòng ngưỡng mộ kính phục hai nhà văn của tôi và lấy làm thú vị về sự trêu cợt, tôi đưa bọn họ lên trên ngôi bắt họ đóng trò cho tôi xem. Khi thoát trông thấy hai người đàn bà đứng trên vực đèo chênh vênh với hai bộ y phục giống hệt nhau như hai con thú vừa được xỏ chuồng, tôi đã nhận ra một người, tôi đã bắt gặp cái bộ mặt tự mãn này trong một tờ báo nào qua một cuộc phỏng vấn có đăng hình, bộ mặt thò lên sau một cái bàn giấy sau lưng là tủ sách đóng gáy da đang cầm bút đặt ngòi trên một thếp giấy nhìn thẳng vào ống ảnh. Tôi tiến lên trước mặt hắn, diễn tả bằng một giọng nói kiểu cách sự vinh hạnh được yết kiến những nhân vật quan trọng trong xã hội : « Thưa bà, nếu tôi không nhầm thì bà là X. tác giả cuốn... » Tôi ngấp ngừng vì quên mất tên cuốn sách của hắn, hắn tưởng tôi lúng túng vì cảm động và ban cho tôi một tia mắt thân thiện. Sau đó tôi được giới thiệu với người thứ hai, một nữ văn sĩ đã từng du học ngoại quốc, bộ mặt người này gồm những nét gãy và góc nhọn, cặp mắt sắc, tất cả những chi tiết mà người đời thường cho là biểu hiệu của trí thức, riêng tôi tôi nhận ra ngay đó là cái mặt của dục tình bị đè nén. Tôi mời hai người đàn bà về thăm chỗ trấn đóng của tôi, ngồi ghế sau xe hai người tôi tìm hết lời ca tụng nhà văn đẹp của tôi. Tôi hỏi : « Trong bài phỏng vấn bà, tôi thấy nhà phóng viên giới thiệu bà giống một nhà văn ngoại quốc nào đó, thưa bà có đúng như thế không ? » Hắn nhắc lại tên nữ văn sĩ kia bằng một giọng uốn éo nhịp nhàng hãnh diện, tôi nói : « Tôi tiếc chưa được đọc nhà văn kia để so sánh với bà ». Hắn giảng cho tôi nghe về tác phẩm của nữ văn sĩ ngoại quốc như bà giáo giảng bài cho học trò, tôi luôn luôn mỉm cười gật gù, sự thực thì tác phẩm của thầy hắn cũng như của hắn tôi chỉ đọc và trang là liệng đi, bởi chúng chẳng liên quan gì đến cuộc sinh hoạt của tôi, tôi không thể nghe những câu chuyện ngồi lê đôi mách của đàn bà, những lời giáo huấn của các bà mẹ bà chị, những tình cảm vụn vặt quanh quẩn nơi xó nhà... Trong khi đưa hai nhà văn đi thăm trại, tôi ra lệnh cho lính của tôi chọc thùng bánh xe và lốp phòng hờ của họ. Nhà văn đẹp của tôi ngạc nhiên trước mọi cảnh tượng khiến tôi không nín được cười, tôi ưa cái nét mặt bất động rùng rùng của người bạn hắn. Chúng tôi bàn luận về sự nghèo nàn của văn chương hiện đại, tôi nói : « Nước nhà còn hai nhà văn như bà với cô đây là đủ quá rồi », nhà văn đẹp của tôi thì nhìn sang chỗ khác đáp : « Ông quá khen », chỉ có người bạn thì nhìn tôi bằng cặp mắt nghiêm nghị xét đoán, tôi đóng bộ mặt thật thà ngớ ngẩn khiến hắn bật cười một tiếng ngắn khô khan. Khi đưa hai người đàn bà ra xe, tôi đóng kịch làm một anh chàng thì nhân ngộ nghệ, tôi kêu lớn như không ngăn giữ được tình cảm : « Trời ơi mặt biển buổi chiều đẹp quá

chúng, nước tim như màu mắt người yêu ban đêm vậy, bà có nhìn thấy sóng vỗ như đập vào những ngọn cây dưới chân núi không? » Nhà nữ văn sĩ đẹp của tôi, mặt ngày ra một cách đại khờ, có lẽ hẳn đang cố làm cho tâm hồn hẳn loảng ra trong cảnh vật để rung động, tôi chỉ muốn tát cho hẳn một cái để nhắc với hẳn rằng có một người đàn ông thô bạo đang đứng sát bên hẳn và đã quàng tay ngang lưng hẳn. Nhưng hẳn đã tự hút trống hết hồn hẳn, không chú ý gì tới xung quanh, hẳn không nghe thấy cả tiếng bạn hẳn gọi từ phía xa : « Bánh xe hết hơi rồi... không về được thành phố kịp tối nay đâu... », tiếng gọi bật trong cơn gió thốc buổi chiều, hình ảnh hai người đàn bà gió thổi lấm mông đi trên đèo cao và trước mắt tôi hiện lên màu lục ngọc bích lấp lánh của những rừng núi chạy biến biệt đến cuối tầm mắt. Tôi bỏ mặc người đàn bà ngu dại ướt sũng những tình cảm, đi lại phía xe hơi, bạn hẳn ngó tôi với cặp mắt hiền hết ngọn nguồn, chúng tôi cùng cười vang với nhau đồng lõa. Tôi rủ người này leo lên một mỏm cao nhìn về những lớp núi rừng trùng điệp phía tây, mặt trời khuất từ lâu sau những ngọn cao, đã nhuộm màu xanh đen chuyển choáng, tôi nói : « như cặp mắt của cô lúc cười tình tứ, bỏ quên cái vẻ nghiêm khắc bức bối của ban trưa ». Lát sau nhà nữ văn sĩ đẹp leo lên chỗ chúng tôi đứng nói với bạn : « Cậu có thấy không, con người thật là ti tiện trước cái bát ngát của vũ trụ. Lúc này tôi tưởng như tôi có thể tan ngay tức khắc trong không trung, mình chẳng cần hiện hữu làm gì ». Tôi vội đáp : « Không nên, không nên, một người đẹp như bà mà mất đi, không thể được. _ Và thiết thời cho văn chương biết, là bao », người đẹp nghiêm chỉnh đáp : « Văn chương cũng chỉ tầm thường sánh sao nổi với vẻ đẹp của vũ trụ, lúc này đừng nghĩ đến văn chương thêm thẹn », tôi hỏi : « người như bà mà còn ti tiện, thứ như tôi chắc là đồ bỏ đi », người bạn thúc khuỷu tay vào người tôi ý không muốn tôi nói nữa. Trong bữa cơm thết đãi hai vị khách quý, tôi và người bạn uống hết nửa chai rượu còn lại, chiều hôm trước tôi đã uống hết nửa chai, chúng tôi nói chuyện ồn ào, trước mặt người đẹp chúng tôi như hai con thú rừng nô rồn dọa dẫm con thú nhà khiếp sợ, tôi vui thích với người bạn bà có rất nhiều đàn ông tình. Người đàn bà ấy đã vỗ vai tôi một cách thân mật bảo : « Tôi khuyên anh không nên viết văn, văn chương nó làm hỏng người anh đi. » Tôi trợn mắt làm hề nói với người đẹp : « Bà nghe bạn bà nói có xuôi không? », người đẹp chỉ nhắc bạn : « Cậu bắt đầu say rồi đấy », tôi ngắt lời người bạn : « Không có ấy chưa say, có đúng không nào? Tôi đồng ý với cô lắm, tôi hoàn toàn đồng ý. Nhất là đàn bà lại càng không nên viết văn, cô có đồng ý với tôi không nào? » Mặt người đẹp thì sượng lên vì giận dữ, còn mặt người bạn thì long lanh một vẻ đẹp man rợ hòa hợp với những nét sắc cạnh trên mặt, chúng hơi say hẳn nói không nề nang : « Đồng ý, hoàn toàn đồng ý. Kinh nghiệm bản

thần đây — hân cười một cách thỏa thuê — muốn làm đàn bà hiền thực hãy sống hiền thực, đừng viết hiền thực, giả dối. Đã viết là biến chất, như tôi, là hóa thân, thành cái khác mất rồi. Tôi thành đàn ông, có phải không anh? Mà thành đàn ông nhiều lúc nhớ đàn bà vô kể. », tôi vỗ tay như xem trình diễn trên sân khấu, hứng chí hân tiếp lời : « Như anh không viết là phải, nếu ưa cái đời sống của mình thì hãy sống với nó thực hơn. Viết là muốn cái khác, trong khi muốn cái khác mà cứ phải che đậy nói về cái mình đã bỏ đi là giả dối là đạo đức giả. Anh có ưa cái đời sống loãng quăng này của anh không? Có. Anh còn muốn gì khác không? Không. Vậy đúng rồi, ôm lấy nó mà sống mà tận hưởng thú vị, việc gì phải viết, bỏ cái thú sống thực đổi lấy cái thú sống giả. » Tôi chia tay ra cho người đàn bà lạ lưng ngồi trước mặt bắt lấy, tôi rung rung bàn tay ướt lạnh mồ hôi bảo : « Cảm ơn, thật là chí lý. Cô là một nhà văn chính cống, tôi thành thật khen ngợi. Có nhận lời khen của một nhà văn chưa viết không? », hân đưa tay lên vuốt lại mớ tóc cắt ngắn, mặt nhăn nhó nói : « Rất hân hạnh, hân hạnh lắm. Có thể nhận lời khen của nhà văn không bao giờ viết cũng được ». Nói xong người đàn bà ấy cúi gập mình xuống nón oẹ, nhà nữ văn sĩ đẹp không rời khỏi ghế nói chồng : « Đã bảo mà, say rồi ». Tôi xô ghế đứng dậy đỡ người bạn, hân nón thốc vào cánh tay tôi, bắn lên cả ngực áo, tôi diu hân về cái ghế nằm của tôi, hân thì thào : « Chưa khi nào say tới như thế, mình say thật rồi... Xin lỗi hộ tất cả mọi người có mặt... Ra xin lỗi hộ mọi người... bảo... bảo mình cần phải ngủ lắm... » Tôi hôn lên trán hân như hôn đứa em gái ngộ nghịch nhưng hân ngủ vùi mất rồi — Khu đồn của tôi đóng trên một khoảng đất nghiêng thấp hơn mặt đường, trần trụi, cỏ cây không mọc được, giáp lưng vào một thung lũng nhìn ra biển, đêm đêm trông từ đồn xuống xa xa dưới mặt biển thấy những chấm đèn của một tỉnh lỵ ở phía trái, buổi sáng mặt trời mọc dưới tầm mắt mình.

Tôi nhận ra tôi đã đi sâu vào phố bỏ xa bãi biển, những dãy phố nhỏ nhà thấp, cây thấp. Tôi tìm đường trở lại khách sạn. Cửa phòng mở, Hợi đã dậy đang ngồi bó bài một mình ở đi-văng, những quân bài nhỏ bằng hộp diêm được xếp thành hàng tư ngay ngắn và hân ngồi ngắm chúng thần thờ. Tôi tới nằm lên giường nhắm mắt nghỉ ngơi. Một lát tôi nghe tiếng hí mũi, tôi mở mắt nằm nguyên nhìn Hợi, hân vẫn tiếp tục bó bài bằng đủ mọi kiểu, hân lật ngửa từng đôi một thỉnh thoảng chọn lấy một con đặt riêng sang bên hân xếp bài thành hình tròn quay quanh một quân nằm giữa, rồi xóa đi bày thành hàng dài lấy tay đếm năm quân một lại ngừng... Máy gian phòng xung quanh, có lẽ người ta đã trả lại nên im lặng. Ngoài cửa phòng của tôi là một khoảng hình vuông thụt vào của cái hành lang hẹp, mấy cửa phòng đầu vào nhau, đầu hành lang nơi cầu thang đêm trước là phòng của một dân Mỹ. Chiều thứ bảy tôi ra đây định ở

hôm một mình, có những lúc tôi cần sự cô đơn để giải những chất độc của đời sống hằng ngày tôi phải thở hít, nhưng chỉ được một buổi chiều tôi lại thấy cần một đồng bạn. Buổi tối tôi tìm đến một khách sạn lớn có phòng khiêu vũ, phòng khiêu vũ này chỉ mở mỗi tuần một tối thứ bảy là ngày đồng du khách, người ta đón những vũ nữ từ Sài-gòn xuống rồi sáng chủ nhật lại đưa về. Đám vũ nữ này là đám rê tienn không sống được ở thủ đô, đành phải đi kiếm ăn xa, họ được nuôi ăn bữa chiều thứ bảy, bữa sáng chủ nhật và ngủ ở khách sạn trên những chiếc ghế bố kê ngoài hàng hiên nhô ngang ở phía sau phòng nhảy, khi tôi đi vào nhà sau qua chỗ này tôi thấy những ghế bố đã giăng màn sẵn, xung quanh ngổn ngang những thanh gỗ đang bào còn chất đầy vỏ bào, người ta đang sửa nhà. Tôi gặp Hoi, người vũ nữ cuối cùng chưa ngồi bàn, hân hoan nét mặt dễ thương, khuôn người còn có dáng, tinh lại dễ dãi xoa xoa. Không khí trong phòng tối tăm khó thở, âm nhạc thì lờn nhồn chối tai, có một nữ ca sĩ lại hát tiếng Trung Hoa và tiếng Mỹ giọng Tàu, tôi đề nghị với Hoi ra ngoài bãi tắm. Hân hện với tôi nửa đêm quay lại đón, hân sẽ về khách sạn của tôi. Tôi bỏ ra ngoài bãi thuê ghế nằm hóng mát, gần bên tôi có một người mang theo một cái máy phát thanh nhỏ trong ấy có một buổi hòa nhạc, một lúc nào tôi nghe được một khúc *Sonate* bằng trung hồ cảm lẫn với tiếng sóng biển. Tôi thấy tôi được hạnh phúc hoàn toàn, tôi tư tưởng về hạnh phúc của tôi. Tôi sinh ra không phải để hưởng thụ hạnh phúc trọn vẹn hoàn hảo, hạnh phúc theo thói quen, bởi như thế khí tĩnh giác sẽ chán và khô vô chừng, rồi hạnh phúc trở nên một thứ tù ngục, chính vì lẽ đó mà nhiều người hoài nghi hạnh phúc phá vỡ tới cùng bất cứ cái định nghĩa nào về hạnh phúc, đừng bảo những người ấy là khao khát tuyệt đối, họ là những người không sống và chỉ nghĩ suy về đời sống thôi; có lẽ vì lối sống lang bạt, vì sự sáng suốt của tôi, tôi không muốn tìm cái hạnh phúc ấy, tôi nhận rằng với tôi chỉ có một thứ đáng kể ở đời là những *bonheur d'occasion* như lúc này. Tôi hưởng hết cái hạnh phúc ấy trong những dịp may mắn tôi gặp, không cho cái hiện tại hay cái tương lai vào khuấy động phá tan để suốt đời tay trắng chưa chát, rồi khi mất nó chẳng ăn bận chẳng luyến tiếc. Không toan tính không lo nghĩ, hạnh phúc đến và đi theo cái ý muốn của đời sống xung quanh và tôi sống buông xuôi tay như thả mình cho nước cuốn. Như lát nữa tôi sẽ bảo với Hoi lưu lại với tôi ít ngày, tôi còn một món tiền đủ hai người tiêu chung, chúng tôi hợp nhau lại mà hưởng những thú vui của những người cô đơn cần có nhau, và khi sự cô đơn đã lấp đầy chia tay nhau trong một thứ tình cảm mong manh ấm áp như những ngọn lửa sưởi trong một cuộc hành trình mỗi người một ngã còn dài đằng dặc. Tôi chỉ chịu được những tình cảm đột khởi rồi dịu xuống mất đi và thù ghét những tình cảm phải chăm nom

gin giữ, tôi có ý nghĩ ngược đời sau này: những kẻ ghê gớm tàn nhẫn nhất là những kẻ sống thuần với tình cảm, những tình cảm mà mỗi ngày họ nhóm thêm cho cháy rực, đến độ thành đam mê ngu muội; một ngày nào người ta sẽ nhân đạo hơn khi người ta sáng suốt thanh thoi, coi thường tình cảm, lòng yêu ghét thù hận giận hờn không bao giờ kéo dài qua giây phút. Khi cô đơn, khi hưởng hạnh phúc, tôi ưa tới những nơi xa lạ không người quen biết, những phòng khách sạn đồ đạc trở về ý nghĩa khởi đầu là để dùng vào một việc nhất định nào đó không phải để quyến luyến, cắt đứt mọi liên lạc ràng buộc tình cảm, tôi trôi qua những người và sự vật chung quanh mình không ghi một dấu vết. Bản *Sonate* tới những khung nhạc cuối cùng, thả xuôi trên giây trầm còn một thứ rung động nhẹ nhàng trước khi tan biến, tôi ưa âm nhạc ở điểm đó nó ghi lại hạnh phúc thời khắc trong những phút giây sâu hút và rồi thôi trả lại cái nhịp hỗn loạn cho đời sống, nó không có cao vọng như văn chương là muốn chụp lên đời sống để sửa đổi nó. Vô ích, vô ích lắm.

Tôi quay về phòng khiêu vũ lúc gần một giờ sáng, trăng ở trên đầu yếu đuối. Trong phòng đã thưa người, nhưng Hời vẫn còn nhầy với mấy người trai trẻ náo động. Tôi ra ngồi trên thành bể xây hình thang ngoài sân khách sạn, hút thuốc lá nhìn một cặp vợ chồng đứng dựa trên từng lầu ba ngấm mặt biển trắng. Bọn trai trẻ bỏ về, tôi vào, ở cửa phòng tôi nghe một giọng hát ấm đàn ông, tôi không ngờ đó là Hời. Hời hát còn vụng về lỗi nhịp, trong giọng ngân không dấu được sự cảm động, nhưng bài hát và hời tạo ra được hết cái không khí một mỗi nửa khuya, cái không khí đang nhạt dần khói thuốc, tiếng cười nói xầm xì, mấy cô vũ nữ ngồi vây quanh quầy rượu trên những chiếc ghế cao căng tính tiền vũ phiêu, bởi bàn đang dọn dẹp những bàn trống, trong những góc tối một hai bọn khách đang điều đình rủ những vũ nữ về với mình. Hát xong Hời đi xuống chỗ tôi ngồi, hời cầm khăn tay chấm nước mắt và hỉ mũi; trong bóng tối của phòng khách sạn, giữa tiếng ồn ào cãi lầy ở phòng người Mỹ, hời đã thi thắm tâm sự với tôi mộng ước của hời là trở thành ca sĩ để kiếm tiền đỡ cực nhọc hơn, khi tôi khen hời hát hay. Hời bảo với tôi: « Bọn cao-bồi nó cứ định kéo em đi em trông anh hoài không thấy ». Ra đến ngoài đường hời yêu cầu tôi: « Anh đưa em ra ngoài bãi một lát cho mát, về làm gì sớm vậy. Về bây giờ em cũng chẳng ngủ được đâu, nhiều hôm không đi làm em cũng quen mất thức đến ba bốn giờ sáng ». Chúng tôi trở về khách sạn lúc ba giờ sáng, tôi phải đánh thức người gác cổng ngủ ở ghế bố ngoài đầu hè dậy mở cửa cho chúng tôi, tôi ở một khách sạn nhỏ, lối vào là một hẻm nhỏ đóng bằng cửa sắt kéo.

Tôi dậy tới ngồi cạnh Hời, trong khi hời đang xếp và trang bài, mắt hời đỏ hoe, hời đã đánh phấn thoa một chút hồng lên hai gò má che được phần nào lớp da mặt rỗ. Tôi nhớ sáng hôm qua

lạnh, nước buổi sáng càng ra xa càng mát lạnh. Trước mắt tôi là một mặt phẳng mênh mông lấp lánh ánh nắng, nhưng lúc hụp đầu xuống tôi mở mắt trông màu xanh đục lẫn những vẩn vàng nhỏ li ti, tôi cử động một cách khoan thai. Lúc tôi quay nhìn vào bờ, Họi nhỏ hắt lại lẫn vào trong những đồ vật của bãi biển hình vòng cung, tôi chỉ nhận ra hắt nhờ ánh mặt trời phản chiếu trên mặt kính đen. Tôi bơi ra xa hơn nữa, tôi nghĩ nếu tôi cử cử động chậm chạp như thế này mãi cho tới khi tay chân cứng lại chìm xuống thì trên mặt biển rộng không phương hướng này tôi sẽ tới chỗ nào. Trong khoảng thời gian ấy đối với tôi vẫn có nghĩa là một đời tôi còn lại; đối với Họi là bao lâu, nửa ngày, một ngày, hai ngày...; đối với bà Georgieff, tôi hụp đầu xuống và bị sặc, tôi không dám nghĩ nữa: với bà Georgieff, tôi mất bây giờ, hay vài năm nữa, hay vài chục năm nữa, tôi cũng vẫn là cái thằng bất đắc chí buổi sáng nay, nếu tôi không trở lại gặp bà bằng cách này hay cách khác... Tôi quay người trở vào bờ tìm đích, nhưng không còn nhận ra chỗ ngồi của Họi nữa. Một ý tưởng lớn vờn; nếu bây giờ chuột rút, tôi chìm xuống giữa đường bơi vào bờ, làm tôi sợ hãi. Thời gian còn lại cho tôi được bao lâu nữa? Làm thế nào biết được, tôi chết trước khi vào tới bờ, tôi là kẻ mất tích và chỉ có một kẻ bị liên quan đó là Họi và hắt phải chịu đựng cái chết của tôi một cách vô lý đến thế ư? Tôi thả người bơi ngửa nhìn lên trời cao để quên sự ngọ nguậy lảo khoét trong đầu, làn nước mát ôm lấy tôi như da thịt rời rợi của Họi. Khi tôi quay xấp người tôi thấy tôi lạc hướng, tôi vội nhắm vào gốc cây lớn làm đích để bơi thẳng, tôi đạp mạnh soái dài tay như mở một cuộc thi. Tôi bơi thi một mình với sức lực của tôi, tôi không nghĩ gì nữa hết, xung quanh tôi là tiếng đập ồn ào của chân tay tôi và khi tôi bắt đầu bị uống liền vài ngụm nước mặn chát, chân đạp chìm dần sâu dưới mặt nước thì ngón chân tôi đụng xuống mặt cát nhão. Tôi dừng lại, nước ở ngang cằm. Tôi mệt mỗi bước lên bờ, bãi biển chỗ này hoàn toàn xa lạ, tôi ngồi trên một bộ đá xây ngăn mặt nước giữ lấy con đường ở trên, bên kia đường là những căn nhà tĩnh mịch như bỏ hoang trên những khoảng mô cao, tôi nghĩ cho đỡ rức đầu. Lòng tôi tự dưng buồn bã lạ thường, giống như lúc tỉnh cơn say rượu.

Tôi đi dọc theo bãi đến gần nửa cây số mới về đến chỗ Họi, hắt đang ngồi ăn quả của một cô hàng gánh. Hắt ngược cặp kính đen, mỉm cười hỏi: « Anh có ăn ốc không? » Tôi lắc đầu nằm xuống ghế, trong quán hai ba người đàn ông đang đánh bi-da, bà chủ quán ngồi sau cái quầy cạnh tủ lạnh đang rửa móng tay nghe âm nhạc. Ăn ốc xong, Họi ném cho tôi cái khăn tắm hỏi: « Anh ăn măng cầu nhé, em bóc cho. Anh đi đâu về đấy? » Tôi nói: « À... anh bơi vòng xuống cuối bãi. » Họi bẻ cho tôi một miếng măng cầu bắt tôi phải ăn, hắt đặt cái kính đen xuống bàn để nhìn tôi âu yếm cho sự săn sóc được đầy đủ.

khi thức giấc, cái ánh nắng lộ liễu của nửa sáng chiếu vào phòng đã phả ra trước mắt tôi một con người khác đêm trước, tôi hơi ngạc nhiên nhưng không thất vọng. Cái mặt rỗ của Hoi làm hân xấu hân đi nhưng tôi ưa cái xấu đó, cái xấu làm cho người ta trở nên tâm thương hân mơn và dễ yêu hơn. Tôi hỏi vợ : « Em buồn hả ? », Hoi đáp : « Ừ, em buồn, em nhớ nhà. Tự dưng có những lúc em buồn phát khóc vô cớ, nhưng chỉ một lát quên ngay — hân vừa nói vừa mỉm cười — anh đề em bóí cho anh một quẻ ». Hân bắt tôi đặt bàn tay trái lên bộ bài, hân bảo bàn tay ấy thông với quả tim và khi mình nghĩ tới điều gì thành thật nó sẽ hiện lên, kinh bài ra làm hai phần, nhặt lấy một cây bản mệnh. Hân bày bài ra xem một mình không giảng giải với tôi một lời nào, tôi hỏi thì hân xóa đi lắc đầu bảo : « Anh chẳng có chuyện gì cả, anh chẳng nghĩ đến chuyện gì hết ». Tôi nghĩ mình đã dại, chắc hân muốn tìm đọc trong bài đề hiệu tôi, tôi biết chắc rằng hân chẳng thể hiệu nổi tôi nhưng tôi không thích hân vẽ trong đầu hân bất cứ một hình ảnh nào về tôi. Tôi đứng lên bảo Hoi : « Thôi chúng mình ra biển chơi », hân mặc áo cánh trắng, choàng cái khăn mỏng lên tóc, mang cặp kính đen mắt sếch và xách cái túi đựng quần áo khăn tắm cho tôi. Hân bảo : « Anh đưa em ra chợ mua cho em mấy bản nhạc đề em ngồi hát cho đỡ buồn khi anh tắm. » Chợ trưa đã vắng người, những gian hàng, người mua bán không còn hoạt động náo nhiệt, mọi sự chuyển động như theo một nhịp máy đều hòa tất nhiên đến nỗi cho người ta cái cảm tưởng là một sự chuyển động tĩnh, chết. Trong khi Hoi đứng chọn nhạc trong một gian hàng bên hông chợ, tôi thơ thần dạo mắt qua những cuốn sách bày trong tủ kính. Tôi tự hỏi lần thần những người đọc tập thấy ý nghĩa gì khi nhìn những bìa sách đề có thể mua về vùi đầu vào đọc mê mải, đối với người viết thì đã đành hân có thể thỏa mãn lúc viết xong vì đã giải bày được những điều ảm ức trong lòng hay hân hãnh diện một cách lộ bịch là hân đã quan trọng vì đã làm được một công trình hữu ích cho đồng loại cho hậu thế, nhưng còn người đọc ? Tôi rất ít đọc sách bởi tôi coi thường cái tâm sự của người khác và tôi cũng không tin nốt cái hữu ích của sách vở văn chương đối với xã hội. Tôi tự ví tâm hồn tôi như tâm hồn của tỉnh lý, liên lạc với bên ngoài những gì cần thiết, còn ngoài ra sống trọn cho mình để quên, quên tất cả, tỉnh nhỏ không có trí nhớ hay chỉ có trí nhớ chết mà thôi, lạc giữa tỉnh nhỏ tôi là một người hoàn toàn tự do. Hoi còn mua thêm một trái măng cầu xiêm, hân nói : « Tắm xong anh ăn món này ngon lắm ».

Bãi biển vắng ngắt, cách chừng vài-trăm thước mới có một hai gia đình ra nghỉ hè còn lưu lại. Chúng tôi chọn hai cái ghế dưới bóng rợp của một cái *kiosque* có đặt bàn bi-da và máy hát điện. Tôi xuống tắm và Hoi ngồi trông quần áo cho tôi. Mặt biển phẳng

Lúc ấy một cô bé mang những xâu chuỗi ốc bán dạo đi ngang, tôi gọi lại mua cho Hoi một vòng và tôi đeo một vòng. Bất chợt, tôi nghĩ tới một cô gái rất nhỏ hồn nhiên ngây thơ, em gái của một người bạn, tôi sẽ tặng xâu chuỗi ốc tầm thường này, tôi gặp được một hạnh phúc. Tôi tròng xâu chuỗi vào cổ Hoi, làm bộ cúi xuống để hôn phớt lên mái tóc hắt kín áo che mắt người xung quanh, dù những người ấy chẳng thêm đề ý đến chúng tôi, Hoi sung sướng vung về, hắt nắm lấy bàn tay tôi đang buông trước ngực hắt hồi hộp và xiết mạnh. Tôi đi thay quần áo trở lại đã thấy Hoi đổi cho tôi cái ghế ngồi khô, kêu sẵn cho tôi một cốc cà-phê, tôi nói : « nằm nghỉ một chút rồi chúng mình đi ăn cơm ». Tôi nằm im nhìn mặt biển, Hoi đeo kính lên khoanh tay trước ngực. Tôi tưởng hắt sắp sửa kể lẽ tâm sự với tôi như đêm hôm qua khi chúng tôi ngồi trên xe ngựa chạy lạch vòng quanh những dốc núi, dưới biển sóng vỗ i ầm, thứ tâm sự nhấm mắt lại tôi cũng có thể bịa ra đúng với những chi tiết ly kỳ hấp dẫn hơn đời thực. Nhưng không, hắt nằm im một cách dễ chịu. Cho tới khi đi ăn cơm, hắt vẫn đi bên cạnh tôi ngoan ngoãn như một cái bóng, chỉ thỉnh thoảng sợ tôi quên mất sự hiện diện của hắt, hắt níu lấy cánh tay tôi và đôi lúc bấm những móng tay nhọn vào da tôi. Tôi cứ lặng yên xem hắt làm gì, một lần hắt ấn đầu mấy ngón tay sâu dần tưởng chảy máu được tôi vẫn điềm nhiên khiến hắt phải thỉ thảo : « Anh gan thật », chỗ bấm ấy thành vết bầm tím, tôi gan thật.

Trong bữa cơm, Hoi bảo tôi : « Chúng nào về Sài-gòn rảnh anh cứ đến em nghe không ? Chúng nào anh hết cả mọi chỗ đi chơi, anh cứ đến em, lúc nào em cũng có nhà cả. » Ngừng một lát, hắt hỏi : « Bao giờ anh định về ? » Tôi hỏi lại hắt : « Em muốn về hả ? » Hắt vội trả lời : « Em ở bao lâu cũng được, em muốn hỏi phần anh ấy. » Tôi bảo : « Lúc nào chán em muốn về cứ việc về, anh ở lại một mình cũng không chết ai mà sợ », hắt ân cần nói : « Chúng mình cùng về, em muốn cho anh biết nhà em. Hay là anh không thêm tới ? » Tôi gật gù đáp : « Được đề đó tính sau. Bây giờ anh có món tiền phải tiêu hết đã mới về được », tôi chờ vài giây đợi phản ứng của Hoi rồi mới nói tiếp : « Tất nhiên trừ phần của em không xuy xuyền ». Hắt cười tỏ vẻ biết ơn. Trưa nắng, gió biển vẫn thổi làm cho người ta choáng váng trong một cơn say trống trải. Về đến khách sạn, bước vào phòng chúng tôi trở nên hai kẻ thui thui bị nhốt chung. Chúng tôi tìm đến gần nhau trong vài phút để mong ngủ được nhưng sự trống trải của biển cả, của thành phố, của khách sạn, của gian phòng, của hai cơ thể hình như chìm tâm hồn người ta xuống sự tĩnh thức tráo trợn. Tôi ra ngồi trước bàn, tự nhiên lúc ấy tôi muốn làm lại những thí nghiệm mà bao lâu nay tôi bỏ dở. Bộ bàn ghế mộc, kê khít với tủ, một bên là cái la-va-lô rửa mặt với tấm gương, trên có một ấm nước một khay tách một chai nước lạnh, chắc chưa có ai

tôi đây ngồi vào đó để suy nghĩ, để viết. Và lại từ lâu tôi không dùng đến bút, cũng như không có giấy, nhưng tôi ngồi im và tôi biết chắc rằng tôi sẽ viết, tôi sẽ phải viết, tôi buồn đến phát khóc được. Hoi vẫn nằm ngửa trên giường, hắn gọi : « Anh đưa hộ em mấy bài hát trên đầu tủ với. » Tôi cầm mấy bài hát đưa cho hắn và nằm xuống bên cạnh. Dưới đường còi xe hơi đục dã, một chuyến xe đồ sắp rời bến. Hoi hát nho nhỏ lạc hết điện, tôi dang lấy bài hát bảo : « Hát sai toẹt, để người ta hát cho mà nghe. » Tôi cất tiếng hát và Hoi lắng nghe, hết bài hắn nói : « Anh hát hay lắm, anh dạy em đi. » Tôi bỏ bài hát , hát thuộc lòng, hắn hát theo dò dẫm. Hứng thú đến với tôi, tôi bảo : « Em yên lặng, để anh hát ru cho mà ngủ ». Chuyến xe rời máy chạy trả lại sự yên tĩnh cho tôi, tôi vỗ nhẹ vào lưng người đàn bà và bắt đầu hát. Một bài hát chắc hẳn Hoi chỉ được nghe một lần trong đời, bài hát xưa lắm, những người thích nó kẻ đã chết, người còn sống thì quên không nhắc lại, riêng tôi, tôi thường thì thầm với mình những phút cô đơn...

thanh tâm tuyền

TÔ THÙY YÊN

ba dấu chân trên một quảng sáu

THÁI ĐỘ

Rất nhiều con mắt ráo hoảnh mở trong hồn
Như sâu bọ lân tinh giữa bụi cỏ về đêm

Tôi nhìn qua ý thức thấy hư không

Mùa thu xẻ ngõ lầy vết xe thồ mộ
Hoa cúc mở toang những cánh cửa vàng
Từng giọt u hoài gõ xuống pha lê thánh thót ngày mưa
Cây tả tơi quờ quạng nhánh cành như người chết đói

Tình yêu là khuôn mặt dịu dàng nhất của cô đơn

Tôi sống dễ quên quên dễ sống
Chẳng thể đa mang tôi vốn tật nguyên
Vời một chân sa lầy tuyệt vọng
Chỉ còn một dùng đeo đuổi tương lai

Thiếu đau khổ người ta thành mùa rồi
Và cuộc đời một guồng máy vô công
Át lấy tiếng kêu linh hồn nát nghiền

Trong răng cưa xích sắt không ngừng

Tình yêu nâng đau khổ lên bình phương
Dù cỏ hoa không ngọt niềm ủy lạo

Tôi ngắt ngậy như đỉnh núi kiêu hùng
Mái đầu già băng tuyết vạn niên

Hung hãn như dòng sông khởi sự hành trình
Tôi đập nát những tĩnh từ sâu nhớ tiếc thương
Vời chiếc chày vồ hộ thân người khuyết sử
Cho chẳng còn cực hình tội lỗi ăn năn

Xin hoàn trả cuộc đời tất cả gia tài
Tôi làm đũa con mắt dạy đi hoang

Buộc phiến tâm hồn vào cổ cứng
Tôi gieo mình xuống đáy đau thương
Ăn dật làm thính như thủy quái
Khăng khăng ôm giữ khối u tình
Và mặc lòng kêu con vật đực
Cặp mắt lời hoen mãi lệ xanh.

VIE POSTHUME

Tặng Ngọc Dũng

Em đắp mặt anh mười ngón tay nhánh huệ
Anh biết anh đã trút linh hồn
Sống dậy từ đây đằng sau cái chết
Vốn công phạt tình yêu kết liễu kẻ cô đơn

Em vùi xác anh dưới lớp tro mùa thu
Khuôn mặt ủ ê em bật trận mưa dầm
Tâm thất xương anh lạnh lòng rã mục
Bùng nổ loài nấm độc tên bi thương

Anh kể kỷ niệm tuổi già chưa sống tới
Mà quên dĩ vãng của hôm nay.
Đến thấy em không còn trẻ nữa
Anh chết yểu anh từng trải trước đời anh

Anh ngu dân chiếc bị lũng không hay
Bao đồng xu thiếu thời đều lọt mất
Cuộc đời xúm lại khảo tra anh
Đưa bé trốn đi linh hồn râu tóc trắng

Em kiếm anh về em cũng ngu dân
Chúng ta thập thò ở ngưỡng tình yêu
Cửa độc nhất tiếp thu người hối lỗi
Xin làm người theo đúng tuổi khai sinh

Vô ích em anh nằm xuống trời trắng
Đôi mắt trừng trừng không chịu khép
Như mặt biển chi nam những đảo hoang
Tay em vuốt không đánh chìm được chúng.

PHƯƠNG

Khuôn mặt em thì dễ khóc. Khóc đi em. Người cha
đã tục huyền, tương lai tìm bắt em một mình trong căn
nhà vách gỗ như bức ảnh gia đình, quân ướp thời gian.
Đêm nào cơn ho trở dậy đánh thức em bỏ dờ chiêm

1
bao, em trả lại hăng búng máu tươi lần lượt hạn kỳ kiếp sống vội vàng, đôi mắt kinh hoàng lòng trứng bóng mun chọi phải đòn đau rã thành nước mặn xót xa, đời người ung rữa. Anh đau khổ khác em, theo ngã đường riêng về cõi chết chung và chúng ta thương nhau vì những đau khổ chẳng làm sao hòa lẫn vào nhau cho loãng dịu. Chùm hai trũng tay hứng đầy tội lỗi đen ngòm, chém mình xối xả máu me chẳng thấy tanh nồng là cuộc đời, cuộc đời, bis, bis. Trái đất tròn như con số không, trái đất muôn năm. Anh đứng lên như tiếng chửi thề, bỏ đi, xa lánh mọi người để giáp mặt cuộc đời, cắn vào trái cây độc địa khêu chảy thềm thường, gã đang tử bao giờ trở lại ấu thời, mắc vồng ngủ ngoài trời trong nếp trùng là lụa đêm trắng, đắp lên mình lời ru êm ái. Chắc anh sẽ không thức dậy cho thời gian quên khuấy để anh muôn đời vô tư. Anh đã qua bến bắc ấy nhiều lần, nửa khuya mắt vói tỉnh quê em, vũng ánh sáng thần bí trên sông như hừng đông e dè chớm hé. Anh đã yêu những chuyến đi đêm, đời sống chẳng nghỉ ngơi, những bến bắc như em không giấc ngủ suông trở sai oản mộng mị. Anh nhớ mãi những thị trấn anh chỉ ngủ đổ lại một lần, sáng tinh sương sau chia tay không hề rõ mặt. Nào anh có biết vì sao anh nhận chịu làm thân một phiến nam châm dính những đau buồn lân cận, vì sao anh khảo tra anh ngày đêm ra chữ nghĩa, khóc kể một mình đời người vô vọng, chết mòn như tiếng ca trong bát ngát không gian. Căn nhà em bây giờ đời chủ, quét lại nước vôi, trẻ con đùa giỡn trong sân và guồng máy xưởng cưa bên cạnh vẫn ngon tròn quay tròn tiếng thét. Anh sắp cưới một người con gái em không quen và tự nguyện sẽ làm một người chủ gia đình đức hạnh. Đau khổ như biển khơi trên mặt cuồng điên mà dưới đáy im lìm ; anh chìm xuống đó sâu thêm, càng ngày anh càng lạnh lẽ. Anh định ngày rất gần đây sẽ thôi làm văn nghệ, tôn giáo của những người anh hùng bất lực, xin đi dạy học trường

làng, già có tiền lương hưu trí, chết có quan tài, nước
mắt vợ con. Có thể nào em lành bệnh, lấy chồng và
hạnh phúc không em? Có thể nào giường máy xường
cửa ngừng lại? Anh mời em ngày đám cưới anh đến
dự cùng chồng và cháu bé, về sau kết nghĩa sui gia,
đau khổ nhân lên. Cuộc đời, cuộc đời, bis, bis. Khóc
đi em.

to. thủy yên

THÁI TUẤN

đứng trước giá vẽ hôm nay

NHÌN chung trong lịch sử hội họa, có thời kỳ người ta quan niệm muốn vẽ một bức tranh đẹp phải dùng một kiểu mẫu đẹp.

Họa sĩ Zeuxis ở thời cổ Hy Lạp khi muốn vẽ một người đàn bà đẹp đã phải đi tìm gặp hàng trăm người đẹp trong kinh thành để lựa chọn lấy năm người đẹp hơn cả làm kiểu mẫu. Trong năm người đó, họa sĩ lấy ra những vẽ đẹp riêng biệt của mỗi người, mong tạo được một cái đẹp như ý muốn. Không hiểu trong công việc tổng hợp các vẽ đẹp để tìm một cái đẹp lý tưởng, Zeuxis có được thỏa mãn hay không? Nhưng chỉ biết rằng: có nhiều người vẽ tranh thời đó cũng nghĩ và làm giống như vậy. Về sau này, khi họa sĩ Raphaël viết thư cho một người bạn; nhớ đến chuyện của Zeuxis, họa sĩ bèn viết đùa người bạn: « Để vẽ một người đàn bà đẹp, tôi cần phải gặp nhiều người đẹp với điều kiện là bạn phải cùng đi với tôi để lựa chọn lấy một người đẹp nhất. Nhưng nghĩ lại, ở trên đời này đàn bà đẹp thực là hiếm mà người lựa chọn đúng được cái đẹp lại càng hiếm hơn, cho nên tôi tạm dùng người mẫu trong ý tưởng của tôi. »

Có nhiều người đã hỏi: tại sao hội họa bây giờ không vẽ những người đàn bà đẹp? Tôi cũng muốn hỏi lại: thế nào mới là một người đàn bà đẹp? Và nếu ở cõi đời này đã tìm được một người đẹp trên hết mọi người đẹp, nghĩa là một nhan sắc lý tưởng, hoàn hảo, tuyệt đối, thì họa sĩ vẽ cái đó để làm gì? Một bức họa vẽ người đẹp cũng chỉ là một bức họa, đâu có phải chính là người đẹp.

Người họa sĩ không vì sự vật hữu hình mà tạo ra hình thể đường nét màu sắc. Nếu họ có sắp đặt, bố trí hình thể và màu sắc lên tấm tranh cũng chỉ với mong muốn nhờ thị giác làm trung gian, làm một khung cửa sổ, để người xem tranh có thể thu nhận những cái vô hình mà con mắt không thể trông thấy và cho đến cả lý luận của trí óc cũng

không thể giải thích. Tất nhiên là trong công việc sáng tác người họa sĩ phải vay mượn ở thế giới hữu hình những cần thiết tối thiểu — và chỉ tối thiểu thôi. Hẳn phải biết gạt bỏ những cái vô ích rườm rà; những cái hợp lý đối với cuộc đời nhưng sẽ trở nên phi lý trong bức họa, những cái có giá trị với đạo đức luân lý của con người trong xã hội loài người nhưng lại phạm tới « thuần phong mỹ tục » của thế giới nghệ thuật, những cái được hoan nghênh cổ vũ trong cuộc sống tầm thường nhưng lại bị bản chất của cái đẹp trong hội họa khước từ; vì thế giới của con người là của con người mà thế giới của nghệ thuật là của nghệ thuật. Người sáng tác chẳng bao giờ ý niệm một bức họa bắt rễ từ quăng không. Khởi điểm thì bao giờ cũng phải do sự vật trông thấy hoặc cảm thấy được. Những cái mà người ta thường gọi là trừu tượng không phải là những cái chặt đứt chiếc cầu liên hệ nối liền với thực tế. Nhưng là những cái gì bắt rễ từ trong thực tế để rồi còn vượt xa hơn thực tế. Khởi điểm bắt nguồn từ thực tế để rồi làm giàu sang cho thực tế. Thiên nhiên, tạo vật chỉ là một sự hỗn loạn mà thực tế là một mảnh nhỏ trong đó, người họa sĩ trong lúc sáng tác cắt rời mảnh nhỏ đó ra khỏi thiên nhiên. Không phải vì vậy mà nó không còn là một phần của thiên nhiên nữa. Công việc của người họa sĩ cũng không phải là dùng những hình thể đường nét màu sắc để diễn dịch một ý nghĩ, một tư tưởng sáng suốt hay một suy luận đã được cân nhắc kỹ càng. Không thể có sự phô trương trí thức nào có thể đạt tới mức của nghệ thuật. Một pho sách giá trị về triết học dù có viết bằng văn vần thì cũng chẳng phải là một bài thơ có giá trị. Nếu mục đích của các loại nghệ thuật và riêng về hội họa là phiên dịch những tư tưởng về triết lý sang địa hạt của thị giác, thì hội họa đã làm một công việc rất thừa và vô ích, chắc chắn nó sẽ thất bại. Trường hợp đó không phải là triết học mà cũng chẳng còn là nghệ thuật.

Gần đây, có một số người sáng tác hội họa đã nhầm lẫn. Họ nghe nói: sao chép lại thiên nhiên sự vật là một điều thấp kém, tầm thường bèn quay sang vẽ những loại tranh có thể gọi là « phá thể », bởi đường nét chưa thành đường nét và hình thể cũng chẳng phải là hình thể. Họ chạy theo cái hình thức diễn tả mới của lối vẽ trừu tượng một cách vô ý thức, không quan niệm nổi cái phần nội dung nào đã đòi hỏi đến hình thức diễn tả đó. Chẳng khác gì một người vừa bút chạy là có kẻ vùng chạy theo, chỉ khác nhau một điều là có người chạy biết mình chạy đi đâu, còn kẻ khác chỉ biết có mỗi một việc cầm đầu chạy.

Nếu hội họa không có nhiệm vụ tạo ra một trò giải trí thấp kém tầm thường, nghĩa là làm công việc giúp vui cho con mắt, thì công việc của nó cũng chẳng phải để làm cho trí óc đã mệt mỏi về những suy luận lại mệt mỏi thêm nữa. Giá trị của nó và sức mạnh của nó là phải gây được sự xúc động và thông cảm, nó phải khuấy động được tới những khu vực sâu kín nhất, những tầng bí ẩn nhất

trong tâm hồn con người. Và để đạt được điều đó, nó chẳng cần trình bày một luận lý nào. Cái việc chính yếu và trước hết cả mọi việc là nó phải đưa lại cho người thưởng ngoạn những cảm khoái tế nhị hơn hết mọi cảm khoái. Cái cảm khoái đó đến với người xem tranh phải nhanh chóng, bén nhọn như một tia chớp ngấn. Nó phải tới trước lý trí.

Đứng về phía người thưởng ngoạn, không bao giờ nên hy vọng chỉ dùng con đường suy luận để đi vào tác phẩm. Điều nhầm lẫn nhất ngày nay người xem tranh bước chân vào phòng triển lãm, cứ gắng sức tìm hiểu suy luận xem bức tranh này họa sĩ vẽ cái gì ? bức tranh kia gói ghém những tư tưởng cao siêu nào ? Có ai đứng trước người đẹp phải suy luận mới nhận ra được vẻ đẹp của họ đâu ? Nhan sắc là đề cho chúng ta chiêm ngưỡng và chúng ta có bốn phận chiêm ngưỡng, không phải đề cho chúng ta lý luận mà quên mất công việc chính là thưởng ngoạn. Cảm thông với cái đẹp là một cái gì đột nhiên chúng ta nhận thấy trong một khoảnh khắc nhanh chóng chứ không phải do sự kéo dài của suy luận. Nhưng để có được một khoảnh khắc nhanh chóng đó, là công việc của một sự trau dồi học hỏi lâu dài. Những người thưởng làm quen với những sinh hoạt hội họa là những người sẽ có nhiều may mắn để thu nhận được cái gì thuộc về nghệ thuật và cái gì không phải nghệ thuật.

Công việc tìm hiểu, nghiên cứu và suy luận về một tác phẩm nghệ thuật là công việc cần phải có, nhưng nó thuộc trong phạm vi khác và nó có những mục đích khác hơn sự thưởng ngoạn. Người làm công việc nghệ thuật tất nhiên cũng phải là những con người có nhiều thắc mắc, băn khoăn. Nhưng trong lúc hấn sáng tác thì con người khác trong hấn đã thay thế cho con người suy tư lý luận.

Sự suy luận của con người phải ngừng lại ở một chỗ nhất định, ở một giới hạn nào đó. Triết học không thể giải thích được tất cả. Có lúc phải đến một ngõ cụt của đêm tối. Và lúc đó phải nhờ những nạm hào quang chói lọi của màu sắc nghệ thuật tung ra soi đường. Vai trò của đường nét hình thể màu sắc không chỉ đóng khung trong một vai thông dịch hèn mọn cho tư tưởng. Nhiều lúc nó phải vượt trên sự thông thái qua cả biên giới của lý trí. Nó phải tạo ra được những ma lực có khả năng đi qua các giác quan để khuấy động tới cái bản thể sâu thẳm nhất của con người. Nó phải quay vào bên trong để nghe ngóng những chuyển động của tâm hồn và nói lên được những điều đó bằng ngôn ngữ của nó. Và chỉ bằng ngôn ngữ của nó thôi. Người thưởng ngoạn một bức tranh phải biết chờ đợi cho cảm xúc chín dần. Về phía người họa sĩ trong lúc đặt mình trước giá vẽ đề sáng tác cũng phải biết chờ đợi. Có lẽ cái nhầm lẫn lớn nhất của các nhà thẩm mỹ học cổ điển là khi nói về đường nét màu sắc bố cục họ đều cho rằng : đó là những yếu tố biểu dương một ý nghĩa nhất định không thể rời đổi. Ngày nay người

họa sĩ ngồi trước khung vải trắng không còn suy tưởng, nghĩ ngợi gì cả. Nét bút đầu tiên đặt lên nền vải kéo theo sau nó những nét bút khác vào một cuộc phiêu lưu mà chính người họa sĩ không thể suy đoán và toan tính từ trước. Cái phần của những áp lực bên trong dưới thể thức của sự cô đọng đã toát lên nền vải. Đó không phải là một tư tưởng riêng rẽ đã biến thành hành động, cũng chẳng phải là một sự xui khiến của bản năng đơn độc. Màu sắc đường nét hiện trên bức họa là tất cả những phóng thích của những chưa chấp nuôi sẵn bên trong để gọi ra những giấc mộng. Có thể bảo rằng người nghệ sĩ ngày nay sáng tác trong những cơn mê sảng. Có thể những cảnh tượng hằn hém lên khung vải chỉ gồm toàn những cơn ác mộng ; nhưng những điều đó nào phải do hấn hoàn toàn bịa đặt, tưởng tượng. Hấn chỉ thụ nhận ở cuộc đời đề rồi trả lại cho cuộc đời. Đằng sau hấn, đằng trước hấn và ngay cả bên trong hấn, biết bao nhiêu giây rề ràng buộc hấn vào cuộc đời. Chính những giây rề đó quấn chặt lấy hấn và bắt buộc hấn phải thét lên ; đó chỉ là một tiếng kêu, nhưng tiếng kêu đã là một ngôn ngữ vì nó có thể gọi ra những bấp bênh của hoàn cảnh, thân phận con người trong vũ trụ thiên nhiên căm lặng chẳng hề nghe biết đến những đòi hỏi những khát vọng của con người. Những lời ca, những bức họa linh động và êm dịu nhất há chẳng phải là những tác phẩm tiềm tàng trong đó những ý nghĩa buồn thảm và chua xót nhất. Nhưng dù vậy không phải là những nỗi bi thảm đưa con người đến hố sâu của tuyệt vọng, vì con người sẽ tìm được những an ủi ở chính ngay trong những nỗi bi thảm đó. Ngày nay, đứng trước giá vẽ, người họa sĩ sống trong tình trạng của một kẻ « nhập đồng » hấn « lắng nghe » hình ảnh từ những cõi siêu hình vô thức xa xôi nào đưa tới. Có thể bảo được thân phận hấn cũng gần giống như những sợi dâyăng-ten căng ra ở giữa bốn phương trời. Cũng bởi lẽ đó mà người thưởng ngoạn lúc đứng trước những họa phẩm của hấn vẽ ra đã nhiều lần sửng sốt ngơ ngác vì chẳng làm sao mà tìm thấy những hình thể quen thuộc ; còn tệ hơn thế nữa, có khi phải bàng hoàng kinh ngạc trước những hình thù khủng khiếp quái dị, những mảng màu sắc tựa hồ như ném vung vãi lên nền vải chẳng theo đúng quy luật trật tự cố hữu đã có sẵn từ ngàn năm. Ở đây là trận cuồng phong hỗn loạn mà trong đó màu sắc đạt tới những độ sáng chói gay gắt, hay lẫn chìm xám ngắt đến cái độ không còn là màu sắc mà chỉ gồm toàn bóng tối chấp chờn ghê rợn và toàn thể nứt rạn trong một thể chất sống sượng sần sùi, không một chút gọt tĩa vuốt ve. Nhìn về đường nét thì chỉ còn là những vết hằn nham nhở như cào xé, chia cắt mặt vải ra thành trăm nghìn mảnh, không còn phải những hình thù duyên dáng bay bướm. Người xem tranh bối rối như lạc vào trong một thế trận mê hồn ; tiếp theo sự kinh ngạc bối rối là những cơn thịnh nộ nổi lên khấp tịt, cho đó là một điều công khai phỉ báng, lừa đảo nghệ thuật. Những lời kết án có vẻ thông thái

hơn cho rằng hội họa ngày nay là thứ nghệ thuật của sự tình cờ, ngẫu nhiên, nổi loạn và phi lý. Sự thực thì hội họa ngày nay quả có dung nạp sự tình cờ nhiều hơn bao giờ hết. Nhưng là những sự tình cờ, ngẫu nhiên đã được lựa chọn ; người họa sĩ chỉ huy sự tình cờ chứ không để cho sự tình cờ điều khiển công việc sáng tạo của mình. Trong cái vẻ hỗn độn vô trật tự của bức họa ngày nay, người họa sĩ tuy không khuôn nắn theo cái trật tự cổ kính đã trở thành những ước lệ tầm thường nhằm chần nhưng tất nhiên đã đặt cho mình một nền nếp kỷ luật mới.

Người ta còn buộc tội cho những bức họa ngày nay là chủ trương tuyên truyền cho những sự phi lý, vì nó đã tạo thành bởi những yếu tố cũng những tư tưởng phi lý. Nhưng nếu công bằng mà nhận xét, trong cái vũ trụ bao la này, kẻ đầu tiên sáng tạo ra những điều phi lý chắc chắn không phải là cái anh chàng họa sĩ bé mọn. Còn có thể buộc tội cho hắn là đã xa rời thiên nhiên, hành hạ tạo vật bằng những cơn mê loạn điên cuồng. Nhưng đấy cũng là một điều mới lạ. Tác phẩm do hắn tạo ra chẳng phải vì mến thương thiên nhiên tạo vật cũng chẳng phải để ca tụng loài người ; nhưng thật ra là do sự hấn xót thương và yêu mến chính bản thân mình qua cây cỏ, ruộng đồng, qua những làn môi, những cặp mắt. Tác phẩm của hắn tựa như chiếc vỏ kén óng nuột tơ vàng, tạo ra chẳng phải dành cho nàng con gái đẹp may thành bộ cánh mỹ miều nhưng chính là để bao bọc che chở cho hắn khỏi sự trần trụi cô quạnh. Hành động của hắn chẳng phải là hành động của kẻ nổi loạn với mục đích hủy diệt phá bỏ tất cả những giá trị xứng đáng của con người đã tạo thành.

Khát vọng của người sáng tác ngày nay cũng còn là khát vọng tiêu biểu cho những phần tử tiến bộ và sáng suốt nhất trong xã hội con người. Và hành động của hắn, một hành động cách mệnh để xây dựng, nổi loạn để mong rửa sạch tất cả mọi thần tượng như thần và ngu độn.

Trong muôn trùng rộng lớn của không gian và ngàn vạn kỷ nguyên xa cách, hắn vẫn nhìn ra những linh hồn anh em, bạn hữu. Là một nhân chứng quan trọng của thời đại, hắn « sống » để diễn đạt và ghi lại bằng màu sắc. Tác phẩm sẽ nói thay cho hắn. Còn người thưởng ngoạn ? Là những kẻ được mời đón vào bàn tiệc của đường nét màu sắc, tất nhiên là được tự do tùy theo sở thích và tùy theo « tửu lượng » của mình. Người chủ tiệc chỉ dạy cho khách về cách ăn uống ngay trên bàn tiệc là một kẻ thiếu lễ độ và sự thô bỉ đó không thể tha thứ.

thái tuấn

DOÀN QUỐC SỸ

vỡ bờ

I

Lê được tuyển là nhân viên văn phòng ngành xuất nhập cảng tại Viễn Đông ngân hàng đã được một tháng. Trong hiện trạng nhộn nhạo ba bề bảy mối — (đó là vào năm 1955) — mà nơi đây vẫn tiếp tục khuếch trương và tuyển thêm nhân viên đủ chứng tỏ uy tín quốc tế của ngân hàng này.

Hàng ngày Lê phải liên lạc với Tân là chủ sự, hoặc nằng mang hồ sơ vào, hoặc nằng vào hỏi Tân cách giải quyết một vài vấn đề giấy tờ. Nàng mới hai mươi, kém Tân những mười hai tuổi. Tân coi nàng như người em gái nhỏ, có lẽ vì thế mà Tân thoát chỉ thấy là Lê xinh, xinh lắm, chàng chưa thật chú ý để thấy rằng Lê cả xinh lẫn đẹp. Tiếng Lê cười ròn — Lê cười luôn — giọng nàng thanh thanh — nàng nói luôn — từ ngày có Lê văn phòng bên ngoài như có thêm ánh sáng, những người trẻ thì hoạt động hơn, yêu đời hơn, người già — có một ông già — thì như trẻ lại. Với tất cả mọi người Lê đều tỏ thái độ vui vẻ, cởi mở thật dễ thương.

Tân ngồi làm việc ở phòng trong : Chàng tuy còn trẻ lắm nhưng đã già phong trần. Mỗi khi nói với Lê để chỉ bảo nàng điều gì giọng chàng dịu dàng che chở đúng như giọng người già nói với người còn trẻ. Chàng rất gần với các nhân viên văn phòng và thường khi vẫn nói đùa với họ, lời nói đùa lẽ cố nhiên cũng chừng mực chứ chẳng bao giờ xuống xã để họ nhờn. Từ ngày Lê đến làm việc, đôi lần vui câu chuyện Tân có nói đùa Lê, đùa nhẹ nhàng, nói rồi để đấy tịnh không có ý gì khác. Đặc biệt một lần nói đùa riêng với Lê trong bàn giấy, Tân ghép nàng với anh chàng thư ký lém lỉnh nhất của văn phòng tên là Phát. Lần đó Lê cười không thành tiếng và quay ra ngay. Tân

cảm thấy là Lê không bằng lòng nhưng không dám cãi. Chàng hối hận tự hứa về sau quyết tránh cách nói đùa đó.

Hôm nay, sắp đến giờ tan chiều, Tân lắng nghe tiếng cười đùa ồn ào bên ngoài. Tiếng cười ròn, giọng nói thanh thanh của Lê luôn luôn nổi bật lên như tiếng vĩ cầm chính trong dàn nhạc. Thốt nhiên Tân mỉm cười và muốn ra góp vui thêm vài lời. Chàng thu gọn các hồ sơ vừa toan đứng dậy thì Lê vào. Câu chuyện vui bên ngoài còn hiện rõ trong ánh mắt và nụ cười của nàng khiến Tân vui lây.

— Chuyện gì thế cô Lê ?

Lê chỉ kịp nói : « Dạ thưa không ạ » rồi che miệng quay đi, thân hình cao và thon của nàng rung động và ngã về phía trước như một cây còn non cả thân lẫn cành cùng mềm mại chịu dưới một chiều gió mạnh. Tự nhiên Tân muốn thoát xác, muốn nói một câu gì thăm thía, thân thiết với Lê. Câu đó đến ngay trong trí và Tân nói liền khi Lê đặt tập hồ sơ cuối cùng xuống trước mặt chàng :

— Ông giới tai ác thật nhưng duy có một việc làm khiến ông chuộc lại được hết tội lỗi.

— Thưa anh việc gì thế ạ — Lê hỏi, giọng nàng bao giờ cũng thanh thanh đượm vẻ âu yếm và tinh nghịch như vậy.

— Là... (Tân ngừng lại nhìn thẳng vào đôi mắt Lê, cười mỉm) là ông ấy bắt đàn bà con gái đẹp có thi. Nếu họ cứ đẹp mãi... nghĩa là ví dụ Lê cứ đẹp mãi thì chết tại đàn ông.

Thực ra Tân định nói câu đó dưới hình thức vui đùa, hoặc nếu vụng ra thì câu nói sẽ thành kiêu cách, khách sáo, nhưng trong khi nói, Tân chột nhìn thẳng vào đôi mắt Lê và Lê cũng nhìn chàng như vậy, Tân thấy tâm hồn chuyển động, thành ra câu nói bỗng nhuộm sắc thái quyết liệt của một lời trảm tình. Đồng thời Tân nhận thấy dáng điệu Lê có hơi luống cuống, chính vẻ luống cuống đó làm tăng vẻ quyến rũ của nàng lên bội phần. Tân thấy Lê sao mà đẹp — Lê vẫn đẹp !

Hôm sau Tân chú ý nhìn Lê kỹ hơn khi nàng mang tập hồ sơ đầu tiên vào. Tóc Lê rủ xuống ngang vai thành những *boucles anglaises*, làm nổi bật khuôn mặt trái soan, nước da trắng mát làm nổi bật đôi mắt đen bóng, đôi mắt như muốn chào đón như muốn tỏ tình với cả cuộc đời. Đôi lông mày dài được sửa cho nhỏ cong thành hình vòng cung. Màu lông mày hơi nâu và nước da trắng của Lê làm màu nâu đó chột đẹp mong manh như một cái gì tha thiết với đời mà sắp tắt. Khi Lê cúi xuống đặt hồ sơ lên bàn, những *boucles* tóc ở hai bên ngoài cũng xõa xuống và đu đưa như những yêu tinh nhỏ vừa lướt khỏi đôi vai xinh kia để xuống đánh đu trước mắt chàng mà trêu cợt. Khi Tân ngẩng lên mỉm cười tiếp nhận hồ sơ, lần đầu chàng chú ý nhận thêm bên vòng cung phía phải có một chấm nốt ruồi nhỏ cũng màu nâu nhưng thắm hơn một chút. Và Tân rung mình.

Buổi chiều khi nhìn gần Lê lần nữa, chấm nốt ruồi màu nâu đỏ và làm chàng rung mình. Tân mang mang cảm thấy chấm nốt ruồi đó làm vẻ đẹp của Lê khốc liệt lên bội phần. Tân liền tưởng đến một mối tình bên trời Âu giữa một chàng sinh viên cao, đẹp, hiền với một nàng *gitane* sắc sảo. Họ tiến nhau trên sân ga. Nàng *gitane* mắt hú trên đường thiên lý, chàng sinh viên ở lại ôm tương lai vỡ lở vào lòng. Chàng bỏ học. Để giải khuây chàng suốt ngày la cà ở các quán rượu và rất có thể chàng trở thành thi sĩ với những vần thơ khốc liệt làm nức nạo cuộc đời.

Nhưng Lê không phải là *gitane*, Lê không mắt hú trên đường thiên lý, Lê là nhân viên văn phòng Viên Đông ngân hàng và ngày trực tiếp liên lạc với chàng là chủ sự.

Khi Lê chưa vào trong bàn giấy, Tân thêm dẹt trong trí cuộc đối thoại hóm hỉnh và tinh tứ giữa hai người, những lời đối thoại mà chắc chắn sẽ xảy ra hết sức tự nhiên. Nhưng khi Lê vào, đầu óc chàng bỗng trống rỗng và « trắng tinh » như màn ảnh lúc vừa dứt phim, chàng chỉ còn biết mỉm cười như máy, lặng nhìn đôi lông mày vòng cung với chấm nốt ruồi xinh màu nâu sẫm hơn, lặng nhìn những cọng tóc vừa luột khỏi vai bung ra lững lững như những yêu tinh đánh đu, lặng nhìn nụ cười của Lê với hàm răng rất đều, trắng bóng. Bao nhiêu lần ý định tỏ tình đều lỡ dở như thế cả, Tân biết mình đã yêu Lê mất rồi.

Tình yêu làm cho Tân tính toán đối thủ. Văn phòng bên ngoài có một ông thư ký kế toán trạc năm mươi tuổi đã hai thứ tóc trên đầu; một cậu thư ký đánh máy chừng mười chín tuổi nghĩa là trạc tuổi em Lê và hai chàng thư ký trẻ tuổi nữa thì một chàng lại chỉ thấp bằng vai Lê. Người con gái nào chịu đi phở với một chàng trai đứng chỉ bằng ngang vai mình? Vậy thì địch thủ của Tân chỉ còn anh chàng khá cao, khá đẹp trạc hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi, nói năng hoạt bát, tức là anh chàng Phát đã nói trên, nổi tiếng là nhảy giỏi, rất nhiều vũ nữ mê hân.

Buổi sáng hôm đó Lê yên chuyển bước vào bàn giấy của Tân. Nàng đi đôi giày gót cao và nhọn. Nàng đặt hồ sơ lên bàn và đôi bên trao đổi nụ cười thân mật hơn nụ cười xã giao, nhưng vẫn chưa đủ tho thiết để Tân tỏ tình mà không sợ từ chối. Rồi Lê quay ra, dáng lạng chao, khêu khích. Tân nói lên một ý bằng giọng:

— Cô Lê nhảy giỏi lắm thì phải.

Lê đứng lại, bình như nàng chỉ đợi có tiếng nói của Tân để đứng lại.

— Em nhảy dữ lắm — Lê đáp — thư bảy vừa rồi anh Phát đến nhà em chơi và mời em đi Arc-en-ciel, em từ chối.

— Thư bảy này tôi sẽ đến thăm cô, nhà cô ở đâu? — Tân thân nhiên, hỏi vậy như thể không một chút chú ý đến câu Lê vừa nói trên.

Đôi mắt Lê sáng lên :

— Nhà em số 30 đường H. Thứ bảy anh đến thật nhé.

— Nhưng tôi cũng đến rủ Lê đi nhảy ở Arc-en-ciel.

Lê nhoẻn cười không thành tiếng nhưng dáng điệu vô cùng nũng nịu, rồi nàng bước vội sang văn phòng nơi làm việc của nàng.

Tân cảm thấy tâm hồn lâng lâng nhẹ nhẹ. Chàng vui vì mấy lời đối thoại rất thanh thoát vừa qua. Từ hôm cảm thấy yêu Lê, Tân vẫn tự dẫn vật về thái độ rút rè một cách quá ư lý tưởng của mình. Chàng thăm ôn lại mấy lời đàm thoại vừa qua.

Tại sao — Tân tự hỏi — Lê lại nhắc cho chàng hay chuyện Phát mời nàng đi Arc-en-ciel và nàng từ chối ? Phải chăng nàng gián tiếp muốn tỏ cho Tân hay là tuy nàng vui tươi với mọi người nhưng thái độ đắm thắm nhất thì chưa với ai cả. Tại sao đôi mắt Lê sáng lên khi nghe chàng hỏi số nhà, như thể việc Tân hứa lại thăm Lê tại nhà là một vinh hạnh lớn cho nàng. Dáng điệu nũng nịu của Lê khi bước vội sang văn phòng quả là ngấm chứa một sức mạnh đồ quân siêu đỉnh. Tân thành thực tự thú chàng hoàn toàn rơi vào vòng hấp dẫn lực của thứ nhan sắc ma túy đó như một lưu tinh — *bolide* — đương lao mình ngoài vũ trụ thênh thang chọt sa vào hấp dẫn lực của trái đất, tự thiêu hủy rất nhanh thành ánh sáng có lẽ sau cùng chỉ còn lưu lại một chút tro tàn khi rớt xuống khoảng đại dương hoặc núi rừng nào đó.

Thật là thiếu não — Tân tiếp tục nghĩ — sao lại ví mình là một *bolide* nhỉ. Quả thực tình yêu kia đương thiêu cháy lòng Tân.

Cúi xuống xét hồ sơ nhưng rồi luôn luôn Tân ngừng nhìn trần nhà, đôi mắt lơ đãng vừa ôn lại những hình ảnh đẹp khi nãy, vừa dàn xếp trước trong trí cách tổ tình với Lê.

Đã yêu thì đành tính chuyện tổ tình vậy chứ sao. Tổ tình bằng cách nào bây giờ ? Với Lê, một nữ thư ký trực tiếp dưới quyền chàng, nên chàng luôn luôn có thái độ tự tôn mặc cảm, chính mặc cảm này làm cuộc tổ tình gặp nhiều trở ngại vô hình vì Tân luôn luôn nêu nghi vấn : « Nếu chẳng may bị Lê cự tuyệt ? »

Tổ tình với Lê ! Tổ tình bằng cách nào bây giờ ? Hãy biết nhất định chiều thứ bảy này Tân đến nhà số 30 đường H. thăm Lê đã.

Nhưng rồi đến sáng hôm sau, sáng thứ sáu, khi Tân nghe tiếng Lê thanh thanh bên ngoài, từng chuỗi cười trong như suối của nàng len vào giữa những lời đùa cợt của phái nam thì Tân lại thấy bao hy vọng muốn thành đôi lứa với Lê bỗng biến đi một cách mĩa mai chua xót như một tàn lửa nhỏ rơi trên một miền băng giá mệnh mông, vì Tân thấy Lê tâm thương ở chỗ dễ dãi với tất cả mọi người. Khi Lê vào trình hồ sơ như mọi khi, Tân nhìn đi nơi khác (tuy trong lòng rất tiếc rẻ), vẻ mặt lạnh lùng.

Chàng cho rằng với ai Lê cũng tỏ cảm tình như vậy thì Lê còn

co cảm tình thực với ai ? Và Tân, chàng nhất định không chấp nhận một tình yêu hơi hợt. Tân chỉ tỏ tình với Lê — và có nghĩa là hỏi Lê làm vợ — khi Lê cũng phải tỏ thái độ đặc biệt say đắm chàng như chàng say đắm Lê.

Lê nói, Tân vẫn viết, thỉnh thoảng chỉ khẽ gật. Lê cúi đầu chào chàng thì phải, rồi quay ra, lòng Tân quặn lại. Chàng tiếc — và tự trách mình nữa — đã bỏ lỡ mấy phút được ngắm khuôn mặt người yêu, Tân bỗng cảm thấy mình khao khát tình yêu như đứa con đói khát sữa mẹ.

Tân bỗng hốt hoảng gọi :

— Này cô Lê ơi !

Tiếng Lê « dạ » ngoan và dịu làm tâm hồn Tân cũng dịu đi như mảnh đất khô cằn đón nhận trận mưa đầu hè. Lần này Tân đón Lê bằng tia mắt tràn ngập yêu thương ngay từ lúc Lê vừa xuất hiện ngoài cửa. Lê lật đật... vội vã... bước vào. Tân mỉm cười bình tĩnh, khẽ lắc đầu, như muốn nói : « Có việc gì cần đâu mà lật đật thế em Lê của anh ». Tân hỏi lại cho có chuyện về tập hồ sơ Lê vừa đưa trước đây một phút. Rồi ngừng nhìn Lê lần nữa Tân định nói : « Chiều thứ bảy tôi sẽ đến thăm Lê nhé » nhưng chàng kìm ngay lại không nói, e như vậy mình tỏ thái độ hơi hắt hủi quá. Và lại còn sớm quá, mới là sáng thứ sáu, câu đó nên để đến mai hãy nhắc thì hợp tình hợp cảnh hơn.

Lê nhìn Tân hơi lảng lơ một chút hỏi :

— Anh có định bảo em điều gì nữa không ?

Nhìn khoé mắt dong đưa một cách thăm kín của Lê, Tân tưởng như câu hỏi thực của nàng là : « Hình như anh định nói với em điều gì ? » và Tân đã khẽ gật đầu đáp Lê theo câu hỏi tưởng tượng đó :

— Cô nói đúng, tôi vừa định nói điều gì nhưng quên mất rồi.

Cả Lê lẫn Tân cùng cười, rất tự nhiên. Chỉ có sự dày dạn trong cuộc đời kháng chiến trước đây mới làm Tân giữ được vẻ tự nhiên như vậy, khiến mặc dầu là con người theo đuổi tình yêu lý tưởng chàng vẫn không hề bị ngơ ngê trước người đẹp giữa tiếng cười chan hoà và bất ngờ đó.

II

Ra khỏi phòng giấy của Tân, Lê đi thẳng tới bàn làm việc của nàng đôi mắt chớp nhanh. Lê biết là Tân bắt đầu yêu nàng từ hôm chàng nói đùa câu : « ... ví dụ như Lê cứ đẹp mãi thì chết tại đàn ông » (giác quan thứ sáu báo cho nàng biết ngay điều ấy) Lê cũng thấy rõ ở Tân một vẻ tế nhị đặc biệt hiếm có trong giới đàn ông ngày nay. Ở Tân toát ra một cái gì vừa hiền vừa kiêu hãnh. Lê cũng chú ý thấy từ cách ăn mặc đến cách chải tóc của Tân chỉ vừa đủ cho chàng giữ được vẻ thanh lịch mà không hề một chút diêm dúa.

Nhưng Lê quý nhất là cái nhìn của Tân, cái nhìn vẫn tha thiết mà vẫn tỉnh nghịch, tỉnh nghịch đến như dám coi nhẹ cả ái tình. Lê là con bướm bay nhõn nhõn, Tân chỉ đi vừa sát và không có đáng vội vã để bướm phải hốt hoảng, không có đáng lừ đừ nham hiểm để bướm phải gờm gờm coi chừng, chàng thanh thoi đứng ngay bên khoanh tay (đôi bàn tay chàng có những ngón thon dài, lẽ ra phải dài các lăm nhưng lại lanh chao và rất bình dân) nhìn theo bướm bằng đôi mắt ham muốn nhưng hiền lành như có ý chờ bướm tự ý đậu trên vai, trên tay. Chính bướm cũng cảm thấy càng bay tới gần càng xa vòng nguy hiểm và giả sử khi bướm đậu trên tay người đó, bướm đã đậu trên một thứ bùa hộ mệnh thoát mọi lo âu những mong manh, những phản trắc của đời. Lê thấy kính và mến thái độ điềm đạm đầy tự tin đó của Tân. Mỗi khi đứng đối diện với Tân để đặt hồ sơ lên bàn giấy, Lê có cái ao ước xa xôi cho thân thể mình được ép chặt trong vòng cánh tay của chàng.

Sáng thứ bảy, Lê vào với tập hồ sơ thường lệ. Lê nhớ hôm nay là ngày Tân hứa đến thăm nàng vào buổi chiều. Lê có ý đứng lại chờ thêm mấy giây xem Tân có nhắc lại lời hứa không. Nhưng Tân chỉ nhìn nàng mỉm cười mà không nói. (Sự thực Tân cũng nhớ đến lời hứa, có muốn nhắc, nhưng lại nghĩ để gần đến giờ tan sở hãy nói thì hơn).

Suốt buổi sáng thứ bảy đó Lê còn vào buồng giấy Tân thêm ba lần nữa, lần cuối cùng Tân giơ lên tấm *carte* của một người bạn mời chàng đi dự tiệc cưới em gái vào khoảng năm giờ rưỡi chiều. Đó chính là đám cưới Kha, Miên do Hiền đứng chủ hôn) Rồi Tân trao tấm *carte* cho Lê và nói thân mật như với người em gái :

— Trời ơi, cô Lê này, tôi biết mua mừng cái gì bây giờ?

Lê đọc lướt tấm *carte* rồi hỏi :

— Anh định mừng món quà với khoản tiền bao nhiêu?

— Khoảng trên dưới một ngàn.

Lê tròn tròn mắt :

— Bạn thân với anh đến thế kia à? Anh thân với ông anh hay...

(Lê cười) với cô em?

Ý nghĩ mãi theo dõi xem nên mua món quà nào thật trang nhã với giá trên dưới một ngàn đồng nên Tân không chú ý đến nụ cười hóm hỉnh của Lê xen vào câu hỏi. Chàng đáp giọng nghiêm trang :

— Tôi thân với cả hai anh em. Tôi gặp cô em trước tại một đơn vị hậu cần quân y chiến dịch.

Thấy đôi mắt Lê mở to ngạc nhiên, Tân hiểu chàng đã dùng những đánh từ rất lạ tại « đơn vị hậu cần quân y chiến dịch » với một cô gái không hề biết không khí kháng chiến miền Bắc. Chàng khoát tay tìm cách giải thích một cách giản dị hơn :

— Chả là... ngày ấy tôi làm việc ở quân y viện vùng kháng chiến,

May ấy tôi là sinh viên năm thứ ba trường Thuốc.

Lê thốt ra tiếng « à » hiểu chuyện. Miệng nàng hé mở, Tân thoáng thấy hai hàm răng trắng muốt, đều và khỏe của nàng. Chàng nói tiếp :

— Tôi vẫn coi Miên như cô em gái nuôi. Miên ngoan lắm, hiền lắm.

Tân hơi hốt hoảng nhận thấy câu khen đó như gián tiếp nói thêm rằng... « Chưa không sắc sảo như cô, » chàng vội hỏi tiếp để kịp xóa cảm tưởng đó trong trí Lê nếu có :

— À thế bây giờ cô bảo tôi nên mua gì nào ?

Lê cần mỗi một chút để làm dáng hơn là để suy nghĩ rồi nói :

— Em cho món quà hay nhất anh mua tặng chị... (Lê cúi nhìn tấm *carte*)... chị Miên là một hộp đồ trang điểm Paris.

Tân có vẻ suy nghĩ rồi khẽ lắc đầu :

— Tôi thấy Miên không hay làm dáng e rằng thức đó vô dụng.

Giọng Lê cương quyết :

— Không hay làm dáng đâu phải là không bao giờ làm dáng, anh cứ nghe em, người đàn bà nào cũng phải cần đến cái đó.

Tân gật đầu :

— Vâng tôi xin theo ý kiến của cô.

Vừa lúc đó tiếng chuông điện réo lên báo giờ tan sở. Tiếng chuông xao xuyến làm Tân Lê nhìn nhau cũng xao xuyến, luống cuống nữa. Rồi Lê cúi chào Tân đi ra. Khi Lê vừa ra khỏi Tân bỗng hỏi hân hoan cùng sao đã bỏ lỡ dịp may hiếm có là mời Lê cùng đi chọn với mình thứ quà biếu đo sáng kiến của nàng đề nghị (chàng biết chắc hẳn Lê sẽ không một chút từ chối. Mà rồi đến cả việc nhắc chiều nay sẽ đến thăm nàng, Tân cũng quên).

Buổi chiều hồi bốn giờ rưỡi, Tân đi qua nhà Lê dừng lại trước cửa, tay cấp đồ mừng Miên. Tân định lấy cơ đem đồ mừng đến cho Lê xem đề nàng phê bình đất rẻ.

Đó là căn nhà hai tầng kiểu cổ, bề rộng tới tám thước. Ngoài cùng là hàng rào sắt, hai cột trụ cửa ra vào xây theo hình vuông bằng đá, cao khoảng hai thước, trông rất thô. Qua khoảng vườn nhỏ, chừng mười thước có ít cây cảnh thấp, tới bậc lên thềm nhà. Thoạt là khoảng tiền đình nhỏ với bốn cột gạch vuông, đỡ lấy ban-công phía trên. Bốn cột gạch này tuy nhỏ hơn cột trụ ngoài cửa nhưng dáng thì cũng thô như thế. Cửa ra vào ở chính giữa, hai cửa sổ ở hai bên rất đăng đối. Trên tầng thứ hai cũng vậy. Các cửa đều sơn màu cánh gián đã cũ, tường quét vôi màu vàng cũng đã cũ nhiều chỗ loang lổ rêu, nên trông căn nhà càng có vẻ cổ kính. Vì nhà hướng Tây nên vào giờ này tất cả các cửa đều đóng kín mít. Ánh nắng siên khoai buổi chiều chói chang oi bức. Tân chợt nhớ đến một câu nói của Hăng trước đây : « Người đàn ông lịch thiệp đến thăm con gái bao giờ cũng nên đến vào buổi tối : dưới ánh đèn nhan sắc của họ sẽ ló lên rất

nhiều, lịch thiệp ở chỗ đó. » Thế là Tân quyết định ngay sau tiệc trà mới quay về thăm Lê.

Tiệc trà tan vào khoảng bảy giờ rưỡi, khi Tân qua nhà Lê thì vừa tám giờ. Các cửa trên ban-công, các cửa bên dưới đều mở tung, ánh đèn nê-ông xanh dịu từ trong chiếu ra thật chào đón. Thấp thoáng có bóng hai người con gái, một cậu nhỏ, nhưng không thấy Lê. Tự nhiên Tân ngần ngại, trong óc chàng thoáng một lúc biết bao lý do được nêu lên để tự khuyên rằng đừng nên vào thì hơn, trong số có lý do mạnh nhất là suốt buổi sáng nay Lê không hề một lần nhắc lại lời mời của nàng, như vậy mà chàng vẫn đến thăm có phải là đã theo đuổi ái tình một cách hăm hở quá, lộ liễu quá khiến giá trị của chàng vì thế mà có thể giảm đi khá nhiều không ?

Trên đường về Tân cảm thấy đôi chút hối tiếc nhưng chàng nêu ngay một ý nghĩ cương quyết để tự an ủi : Lê có cảm tình với mình thật, đôi mắt sáng với lời nói « thứ bảy anh đến thật nhé » tuy đáng cảm động thật nhưng trong tình yêu bước đầu người đàn ông không bao giờ nên vội vã quá, nhất là người đàn ông ấy lại ở cương vị như chàng. Giá Tân cũng làm việc ở văn phòng với Lê, chàng có thể suồng sã hơn một chút không sao, đằng này...

Tuy nghĩ thế mà suốt đêm hôm đó Tân vẫn trằn trọc. Khi chợp ngủ, trong giấc mơ thấp thỏm, luôn luôn chàng gặp khuôn mặt đẹp với nước da mướt mà của Lê. Khuôn mặt đẹp ấy nước da mướt mà ấy làm thất bại mọi ống kính của những nhà nhiếp ảnh tài ba nhất, làm thất bại mọi nét bút sơn của những nhà hội họa thiên bẩm nhất. Lê đẹp thật ! — Tân thiết tha lòng lại nhủ lòng như vậy và chàng hơi lấy làm lạ sao không nhận thấy điều đó ngay từ buổi đầu gặp Lê.

Ngày chủ nhật qua. Sáng thứ hai, khi Lê vừa bước vào phòng giấy, Tân ngừng nhìn Lê bằng đôi mắt âu yếm và sẵn sàng nhận mọi lời trách móc. Quả nhiên Lê trách :

— Làm sao anh để em chờ anh suốt chiều hôm qua ?

Tân đáp giọng xúy xoá :

— Cô quên rằng hôm qua tôi phải đi dự tiệc trà cưới ?

— Em đâu có quên ! Tiệc trà bắt đầu từ năm giờ rưỡi thì đến bảy giờ là cùng anh đã có mặt ở nhà em rồi mới phải. Em chờ anh đến chín giờ mới đi xi-nê, mất cả xem thời sự.

— Thôi đến thứ bảy tới vậy tôi sẽ đến thăm từ bốn giờ chiều — Tân vừa trả lời an ủi vừa nhìn đôi bàn tay xinh đẹp với những ngón tay thon dài của Lê tí trên mép bàn. Lê cũng đặt mắt chăm chú ngắm vào đôi bàn tay của Tân khi đó cùng xoe rộng và đặt chặn trên tập hồ sơ đã mở, đôi bàn tay lớn hơn bàn tay nàng nhưng với những ngón thon dài thật đẹp. Giá tự nhiên Lê thấy đôi bàn tay nhỏ bé của nàng được nắm vào giữa lòng đôi bàn tay ấy.

Khi Lê cúi chào đi ra Tân mới hối sao đã không nắm lấy một bàn

tay của Lê khi trả lời an ủi nàng. Nhưng rồi suốt tuần lễ đó biết bao lần đành đành nói chuyện với Lê, biết bao lần đôi bàn tay xinh đẹp của nàng tí trên mép bàn mà Tân không dám nắm lấy. Những lúc quyết định nhất thì tự nhiên Tân lại cảm thấy cử chỉ đó bỉ ổi, trơ trẽn, vô duyên rồi ý nghĩ chàng như bị ngưng đọng lại, chân tay chàng như bị đóng đĩnh lại. Chính tình yêu lý tưởng với Lê đã gây nên cho chàng trạng thái tê liệt cả về tinh thần lẫn thể xác như vậy.

III

Thứ bảy lần này Tân đến thăm Lê thật. Tới ngày đó Tân mới biết ba mẹ Lê đều đã mất được mấy năm nay. Nàng còn một em trai tên là Nhâm hiện theo học và nội trú tại một trường Pháp ở Sài-gòn.

Ba, mẹ Lê anh em bà con vẫn gọi là ông bà Thuật đều là người Bắc quê ở Hà-đông. Là con thứ trong gia đình, của nả cha mẹ khi thất lộc để lại cho chẳng được là bao, hai ông bà — khi đó còn trẻ, chừng trên hai mươi tuổi chưa sinh hạ được đứa con nào — bỏ quê vào Sài-gòn. Thoạt ông xin học bổng để được học trường kỹ thuật về đồ gốm ở Biên-hòa, bà ngược xuôi buôn bán từ Sài-gòn qua các ngã đường về lục tỉnh. Năm sau ông bỏ trường Mỹ Thuật đồ gốm Biên-hòa vào giúp việc cho một hãng thầu chuyên cung cấp đồ cho nhà binh Pháp. Việc này giúp ông kiếm được nhiều hoa hồng, bà sinh con gái đầu lòng — Lê — đã được một năm và không còn phải ngược xuôi nữa mà — do sự quảng giao của ông — vào giúp việc cho một cửa hiệu lớn đường Catinat chủ là một người Pháp chuyên xuất cảng cao-su. (Hồi còn con gái, bà đã đỗ bằng cơ thủy nên có nói được đôi chút tiếng Pháp) Hai năm sau ông trúng mỗi cao-su cao giá kiếm được món lời tới ngót một triệu bạc, và đứng tách ra buôn riêng. Rồi bà sinh thêm cậu con trai — Nhâm. Người Pháp chủ hiệu chậm tính mua hàng sau đúng lúc cao-su cao giá nhất và khi sắp cho xuất cảng sang thị trường bên chính quốc thì lại đúng lúc cao-su vừa bắt đầu hạ. Thất bại chuyển đó người chủ Pháp tính chuyển sang Nam Vang và nhượng lại cửa hàng tại Catinat cho ông bà Thuật với điều kiện để dãi là chỉ phải trả một nửa trước là một triệu còn một triệu nữa thì giả dần sau trong thời hạn một năm.

Anh ruột ông Thuật — ông cả Hoạch — được tin em vào Nam làm ăn phát đạt, cũng bán hết ruộng nương ở quê rồi mang vợ con vào Sài-gòn hùn vốn với em. Ruộng nương vùng Hà-đông cấy cấy hai mùa bán được giá nên số tiền của ông Hoạch mang vào Nam cũng được nửa triệu.

Khi gia đình ông Hoạch tới, ông Lâm bèn tậu thêm một căn nhà riêng ở phố vắng để hai anh em cùng ở. Đó là căn nhà hai tầng số 30 đường H. Căn nhà rộng tám thước này được sửa lại phòng ngoài

cùng dưới nhà là phòng khách chung cho hai gia đình, phòng ngoài cùng trên gác là phòng học chung cho lũ trẻ còn phân nửa bên trong là những phòng, ăn ngủ được ngăn làm hai với những cửa thông ngang. Như vậy hai gia đình tuy chung mà vẫn riêng. Ngày ngày tới giờ làm việc hai ông đến cửa hiệu, bàn giấy đặt ở đó. Việc buôn bán đương phát đạt thì ông Thuật bị bạo bệnh mất. Khi đó Lê mười bốn, Nhâm lên mười. Bà Thuật tiếp tục cùng anh chồng điều khiển cửa hàng. Mẹ góa con côi, lại giàu có lẽ cố nhiên bà thương và chiều hai con rất mực, nhất là Nhâm, cậu con giai độc nhất đề nối dõi mai sau.

Lê ngủ một giường riêng phòng, còn Nhâm lên mười tuy đã lớn vẫn được ngủ cùng giường với mẹ. Bà Thuật mỗi lần ngắm con giai lại khen đôi mắt con sáng, vùng trán con rộng và nói nựng :
— « Con giai mẹ chỉ hăm ba, hăm bốn đã ra bác sĩ nhé. »

Ông Thuật mất chưa đầy một năm, đến lượt bà Thuật thụ bệnh, cũng là thứ bạo bệnh bột phát bất ngờ như trường hợp ông Thuật. Ngày thứ ba sau khi đã được bác sĩ đến tận nhà thăm bệnh và tiêm thuốc, bệnh chuyển sang rức đầu như có búa máy bõ vào óc theo nhịp đập của trái tim. Tiếng bà rên khê nghe thê thảm như tiếng con vật đã bị cắt tiết, một tiếng động khê cũng làm bà co rúm người lại vì bà có cảm tưởng cả một tảng đá lớn vừa từ triền dốc cao lao tới nghiền rập nát đầu bà.

Buổi tối Lê dắt Nhâm sang buồng nàng đỡ khê :

— Tối nay em ngủ với chị nhé, mẹ mệt.

Nhâm lắng lắng lên nằm bên Lê im- thin thít, nửa giờ sau Nhâm đã ngáy khe khê. Trẻ con kể cả những trẻ nhỏ tuổi mới lên một lên hai đều được giới phú cho thứ linh tính đặc biệt biết lúc có gia biến, ngoan ngoãn bảo sao nghe vậy. Chính thái độ cam chịu đó làm đau lòng người lớn. Bà Thuật đau lòng, bà quẩn quại thân thể như muốn vắt kiệt cho chảy thành suối yêu thương trút sang tràn ngập cho hai đứa trẻ. Đó là thứ tình yêu thương tối hậu của người biết rằng mình sắp lìa cõi thế. Khoảng bốn giờ sáng Nhâm sực tỉnh ngồi nhồm dậy. Lê vẫn ngủ chập chờn, nàng tỉnh ngay và cũng ngồi dậy để đỡ em. Ánh ngọn đèn đêm đầu giường rất lù mù lúc chập tối, giờ đây sáng quắc. Nàng ôm em vào lòng và khó chịu vì ánh đèn sáng quá, ánh đèn mà lúc đó nàng thấy y hệt như cái nhìn soi mói nhưng điềm đậm lạnh lùng phi nhân tính của một kẻ mất hết cảm xúc trước những nỗi thống khổ mệnh mông và âm thầm của người đời. Lê cúi nhìn khuôn mặt em thoát ngờ ngác dưới ánh đèn đó, bỗng môi dưới của Nhâm căng ra, môi trên rúm lại hai mí mắt khép xuống, hai riềm lông mi đồ bóng kéo dài tới chấm giữa sống mũi, cả khuôn mặt Nhâm méo xệch với tiếng hỏi ảo 'nảo thấu hồn Lê : « Mẹ đâu ? »

Còn đâu cảnh mẹ ngồi ngắm Nhâm khen đôi mắt sáng, khen vùng

trán rộng và nói nựng « Con giai me chỉ hăm ba, hăm bốn đã ra bác sĩ nhé ». Giây phút êm đềm đó giờ đây Lê thấy xa xôi như hình ảnh tự kiếp nào còn rớt lại trong kỷ ức. Lê mới mười bốn, Lê chưa biết ví von, nhưng sau này lớn lên mỗi khi nhớ lại Lê thấy tâm trạng mình lúc đó như tâm trạng của người đi tàu ra khơi gặp bão biển, trong khi con tàu nhào lộn theo đường đáy vực cuộn xoáy của sóng biển thì hình ảnh đất liền mới dờn cách mấy ngày trước đây chỉ còn là hình ảnh đẹp muôn vàn xa xôi của một giấc mơ tiền kiếp.

Lê ôm lấy em, kéo em nằm xuống âu yếm xoa lưng..., bỗng Lê hốt hoảng bỏ em đấy, tung màn chui ra, chạy thẳng vào buồng.

Bà Thuật miệng há hốc, đôi mắt nửa nhắm nửa mở, đầu ngoẹo chênh ra khỏi gối, tóc xoã ra bốn bề.

Tiếng Lê hét lên trong khoảng đêm khuya ngày rạng :

— Bác ơi, me cháu chết rồi !

(còn nữa)

doãn quốc sỹ

MAI THẢO

về chuyên viên du bí mật cuối cùng

Bức điện tín báo tin cho tôi người ta đã đưa chàng vào một bệnh viện thị trấn miền núi được bốn ngày. Chàng bị thương nặng. Chàng muốn gặp tôi. Người phu trạm già đã bỏ đi trên chiếc xe đạp cũ kỹ của y, tai tôi đếm rành rọt từng tiếng một, nhịp chuông leng keng đồ hồi về phía cuối xóm, nhưng tôi không cử động được. Trong một khoảng khắc kỳ lạ không biết kéo dài bao lâu, tôi mất hẳn ý niệm thời gian, toàn thân tôi nhẹ hẫng như chơi vơi trên mây trên vực, đầu óc như có một mũi ê-the tiêm suốt thấu, ý thức vẫn sáng suốt mà cảm xúc thì sượng sần tê điếng. Từ thương vết đâm thủy tinh trong suốt, tôi trần trần ngó ra cánh đồng tuyết phủ — chúng tôi đang ở giữa mùa lạnh — mặt tuyết in lên những ô kính sáng trong, những tảng tuyết sạch sẽ đồng màu với những bức tường lát men sứ trắng tinh căn nhà bếp buổi sáng, tôi đứng đó, chết lặng như một pho tượng với bức điện tín báo tin dữ về chàng. Rồi chất tê tê của mũi ê-the tan dần nhường chỗ cho sự tràn ngập một cảm giác khủng khiếp ào ạt xâm chiếm cơ thể mảnh dẻ của tôi như một trận bão cuồng nộ hung dữ thời qua. Bàn ghế đồ đạc chung quanh cùng bảo nhau quay cuồng chóng mặt, những vòng quay hút xoáy xuống thành vực thẳm, trời đất bên trên đảo ngược, ngọn lửa trong lò bỗng nhiên bùng lóa thành một đám cháy cực lớn làm tối tăm mắt mũi, tôi lão đảo ngã vật xuống. Tôi ngã ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh. Tôi thẳng thốt kêu lên : trời ơi ! Bao nhiêu đêm dài cô đơn quý gối dưới chân tượng Đức Mẹ trên căn phòng ngủ lạnh lẽo, bao nhiêu buổi sáng lúi thúi một mình, gục đầu trên mặt nước ngọn suối ở cánh rừng thưa đầu làng — nơi tôi thường đến đó gặp chàng — chân thành cầu nguyện cho sự đó không xảy đến cho chàng, niềm xao xuyến âm thầm ám ảnh tâm trí tôi không phải chỉ là một lần nào, mà *tất cả những*

lần chàng đi, đã thành sự thực. Tôi nghĩ thế và tôi kêu lên: trời ơi! Đôi mắt đã giàn dụa của tôi ngó nhìn như một vật kỳ quái bức điện tín vô nát tự lúc nào trong lòng tay. Chàng bị thương nặng, chàng cần có tôi, nhưng tôi làm được gì bây giờ, em làm được gì bây giờ?

Em chỉ là đứa em bé nhỏ, yếu đuối của anh. Em chỉ có tình yêu tuyệt đối, lòng tôn thờ tuyệt đối hiện hình thành cái nhìn khẩn cầu van lơn những khi em chợt thấy cái ánh lửa kỳ lạ ấy cháy lên như một báo hiệu nơi cuối đáy trông mắt đột nhiên xa thẳm của anh, em chỉ có niềm đau âm thầm tuyệt vọng dõi theo những vùng biển trời xa khuất và hoang vu hải hùng, cái thế giới của anh đó, khi mà sự tách rời ấy đã đến với anh; em chỉ có những giọt lệ thồn thức những cử chỉ run rẩy lúc tiễn anh lên đường vào những buổi sáng cũng yên tĩnh như buổi sáng hôm nay, và những giờ phút trở về một mình đắm chìm vào cầu nguyện mê man thăm sâu bề trên che chở anh, em chỉ biết « xin thương để phù hộ cho chàng », em không có gì ngoài sự yếu đuối bất lực của em, em làm gì được. Tôi làm gì được. Tôi kêu lên. Tôi mở lớn đôi mắt tuyệt vọng như muốn gửi một lời cầu cứu thăm thiết đến những đồ đạc, bàn ghế chung quanh, căn nhà bếp với không khí trong sạch im lặng của buổi sáng này, cái thế giới bé nhỏ tôi sống từ những ngày thơ ấu cho đến khi gặp chàng, ngã vào con đường định mệnh của chàng. Nhưng tôi chỉ có một mình. Tôi hoảng hốt đến đại đột cùng người. Tôi níu chặt tay vào thành ghế, tôi khóc lên thành tiếng. Tôi òa khóc nức nở.

Khi tôi lên tới nhà trên, cha tôi vẫn ngồi ở chỗ cũ, trên chiếc ghế bành thấp gần cửa sổ, người vẫn ngồi đó tự bao giờ mà ngó đắm đắm ra cánh đồng tuyết với những hàng cây trụi lá giờ những cánh tay cành khẳng khiu lên nền trời mùa đông. Mẹ tôi ngồi đan áo cạnh lò sưởi. Người cúi đầu chăm chú một vẻ nhẩn nại quả cảm xuống những đường kim năm năm trở lại trên ngón tay run yếu của người mỗi khi mùa lạnh tới, chiếc áo màu xanh thắm người đang đan dở lần này, cho chàng. Tôi đưa bức điện tín cho cha tôi, người đón lấy. Tôi vùng chạy lại trước mặt mẹ tôi, ngã quỵ xuống lòng người và tôi lại bật khóc. Cha tôi chậm chạp đọc bức điện tín theo thói quen người vẫn đọc tất cả thư từ, giấy má nhận được cho mẹ tôi cùng nghe một lát, rồi tôi thấy bàn tay mẹ tôi đặt nhẹ lên đầu, tiếng người thở dài náo nuột và tiếng cha tôi hỏi: « Con định sao bây giờ? » « Con phải đến gặp chàng ngay ». Tôi ngàng đầu trả lời, vừa sợ hãi, vừa cương quyết. Mẹ tôi, do tấm lòng bao dung phúc hậu trời biển của người, đã nhận chàng từ lâu nhưng cha tôi vẫn tỏ ý không bằng lòng chàng. Tôi nghĩ trong thâm tâm, cha tôi đã gặp chàng ở một đức tính

nào đó của những người đàn ông. Nhưng điều đó cha tôi không bao giờ nói ra. Thương con, người chỉ muốn nghĩ đến hạnh phúc đời tôi qua hình ảnh những năm tháng bình yên bên cạnh một người chồng sống một đời sống hòa đối, tạo dựng được một mái nhà ấm, những điều mà người không tìm thấy cho tôi—với tất cả những bằng chứng hữu lý—ở tâm hồn cuộc sống kỳ lạ của chàng. Tôi sửa soạn một phản ứng bướng bỉnh trước sự phản đối sẽ tới. Nhưng người chỉ gật đầu với một giọng trầm trầm : « Cha nghĩ con nên làm như vậy ». Đoạn người chậm chạp bỏ vào buồng trong và đóng cửa lại. Mẹ tôi đề tay lên vai tôi, cử chỉ âu yếm tôi nhận được từ thuở nhỏ, người nói dịu dàng : « Cha con nói thế. Mẹ cũng nghĩ thế. Con sửa soạn hành lý ngay đi ». Tôi cúi xuống hôn tay mẹ tôi. Người lại nói : « Mẹ sẽ cầu xin Thượng đế cho chúng con mọi sự tốt lành », trong khi tôi bỏ chạy lên gác và mẹ tôi cũng đứng giậy lên theo.

Vật đầu tiên tôi xếp vào va-ly là tấm hình của chàng, tôi vẫn đặt ở trên đầu giường dưới vòm ánh sáng thu nhỏ của ngọn đèn ngủ. Tấm hình đã cũ, chụp cách đây nhiều năm ở một trong những chuyến viễn du đầy bí mật của đời chàng, khuôn mặt chàng trẻ thơ mỉm cười, và thân hình nhỏ nhắn nhưng dũng cảm, dũng cảm như tâm hồn chàng vậy, in lên một nền đại dương chập chùng lộng gió và có sương mù, chàng cất nghĩa là địa đầu Thái Bình Dương trên một kinh tuyến tiếp giáp vùng tuyết băng dưới không độ và những giòng nước ngầm quanh năm chảy siết. Tấm hình chàng cho tôi đứng một tuần lễ sau ngày chúng tôi hứa hôn với nhau. Sau đó chàng lại đã đi xa. Đặt tấm hình xuống đáy va-ly, lòng tôi thấy ấm áp được đôi chút. Mẹ tôi ân cần săn sóc bên cạnh. Trước sự bối rối của tôi, người đỡ một tay bằng cách nhặt nhanh và xếp theo vào đồng quần áo những đồ dùng lặt vặt cần thiết cho bất cứ người đàn bà nào, những đồ dùng thường vẫn khiến chàng mỉm cười ngộ nghĩnh những khi tới đây, nơi chàng thường gọi đùa là cái « tu viện trữ tình êm ái ». Tôi đóng va-ly đi ra. Tôi dừng lại ở nhà dưới xin phép cha tôi. Người đã trở ra ngồi ở chỗ cũ, trên chiếc ghế bành thấp gần cửa sổ. Vốn lo ngại cho sức khỏe mỏng manh của tôi, người dẫn tôi đi đường cẩn thận, đến nơi nhớ đánh điện tín về nhà. Mẹ tôi đưa tôi xuống đường. Lúc từ biệt, không cầm giữ được, tôi lại gục đầu vào vai người, nước mắt khóc. « Con cần phải tự chủ » Mẹ tôi nói. Người nhấc chiếc áo bành-tô xám người đang mặc khoác lên mình tôi : « Con mặc cho ấm. Đường xa và sương tuyết nhiều lắm ». « Con xin phép mẹ ». Tôi nghẹn ngào nói qua nước mắt. « Thôi con đi ». Mẹ tôi còn nhắc lại một lần nữa : « Mẹ cầu xin Thượng đế che chở các con » trong khi tôi gạt nước mắt bước xuống thềm. Chiếc xe ngựa vừa dừng lại trước cửa nhà. Con vật đập chân thở ra những hơi khói trắng. Không khí rét ngọt. Trời khô sân nhưng vẫn chưa nắng lên. Và tôi lên đường trong buổi sáng quê hương

vẫn hoàn toàn yên tĩnh.

Trái ngược hẳn với chàng, đây là lần thứ nhất trong đời tôi ra khỏi làng, tôi đi xa. Chiếc xe ngựa lắc lư chuyển bánh trên lối đi tuyết phủ, chạy qua cửa trường tiểu học. Trên nền bảng đen của lớp học tiểu tụy, tôi nhìn thấy người thầy giáo già đã từng giảng giấy tôi và chàng những ngày thơ ấu cũ. Rồi qua chợ, trạm bưu điện, tiệm thuốc, phòng hội đồng hành chính, chiếc xe phóng ra khỏi làng trong tầm mắt đột nhiên mở rộng, hướng về nhà ga sắp thiết lập giữa cánh đồng tuyết cách làng chừng năm cây số. Tôi nhòm giầy, nhìn ra. Chiếc xe đưa tôi vào một con đường nhỏ. Tim tôi thất lại. *Con đường của chàng đấy.* Con đường nhỏ này bây giờ tuyết phủ kín, hai bên đứng trơ vơ những hàng cây gầy guộc trụi lá, nhưng mùa xuân, mùa hạ, bóng mát dày đặc che nghiêng như một vòm mái xanh biếc, hoa nở chói chang hai bờ cỏ bông, mùa thu, những trận lá vàng rụng lả tả, con đường tĩnh mịch, lối đi thiên đường này tôi đã bao lần sung sướng nép vào chàng, tay luồn trong tay chàng, đầu ngả trên vai chàng, những buổi chàng đưa tôi đến tự tình bên bờ con suối nhỏ. Chiếc xe lăn lộc cộc, tiếng người xà-ích quất tháo, tiếng roi đập vun vút lên mình con ngựa già yếu, tôi lắng nghe những âm thanh lạ tai vang lên trong buổi sáng yên lặng. Đôi mắt tôi rung rung nhìn ra con đường nhỏ, những gốc cây, ngó xuống ngọn suối, tảng đá, dấu vết những ngày tháng thần tiên có chàng (khi có chàng tất cả đều thần tiên), dấu vết những thời khắc hạnh phúc quý giá chàng dành cho tôi giữa hai chuyến đi, những kỷ niệm bỗng trở nên hiếm hoi vô ngần bởi một linh cảm hãi hùng chợt đến là chẳng bao giờ tôi được sống lại.

Tôi thu mình, ngồi đợi ở thềm nhà ga sắp nửa giờ đồng hồ. Những luồng gió đập trúng băng qua cánh đồng xoáy vào những bờ tường long lở với những khung cửa vỡ kính. Không khí buốt lạnh thấu xương. Rồi con tàu đột ngột hiện ra ở chân trời phẳng tấp như một con thú dữ âm âm chồm tới. Tôi là người hành khách độc nhất. Sau đó, còi hú lên, con tàu lại rầm rộ chuyển đi. Cảnh vật hai bên đường buồn thảm. Làng xóm đồng ruộng tuyết phủ trắng xóa như những nắm mộ lớn. Cả một vùng đất trời tái ngắt căm căm trong tiết mùa đông. Bánh sắt nghiêng rầm rầm trên con đường thẳng tắp, con tàu lắc lư chuyển mình, tôi ngồi thu mình vào đáy toa và nhìn qua khung cửa thoáng thoáng những cột sắt lùi ngược chóng mặt, tôi lại nghĩ đến chàng.

Chàng giống giới một gia đình, phải nói một giọng giống, có nhiều lượng máu phiêu lưu chảy trong huyết quản. Chàng thường mỉm cười đùa nghịch kể cho tôi nghe về tổ tiên chàng, thành phần sót lại một bộ

lạc du mục thuở khai thiên lập địa xuất hiện ở những vùng biển lạnh phương Bắc, vùng có những mùa mưa tuyết quanh năm và đất đai chật hẹp chỉ có rừng hoang núi cấm, những cánh đồng lầy ngút ngàn lau sậy và một giống người mà sự thèm khát chinh phục những miền đất mới vừa do nhu cầu đời sống vừa do thiên tính tạo nên. Tổ tiên chàng thuở đó sống rải rác trong những làng mạc dựng trong hốc đá, những vùng biển khuất gió, mình mặc áo lông thú giầy, vũ khí là nỏ thuốc độc và đao ngắn, thờ thần mặt trời. Khi sương mù bắt đầu tan trên mặt biển tất cả bộ lạc lại ào ạt kéo xuống những đoàn thuyền chiến buồm đen, mũi thuyền khắc nổi những hình thù kỳ quái. Đoàn thuyền rời bến bờ hoang dã trong tiếng ốc xuất quân rền rĩ, tiếng la hét mọi dợ, tiếng chèo vang mặt biển sớm đưa cả một đoàn người mà lẽ sống là chinh phục xuống những vùng trời có nắng, những đất đai trù phú ở phương Nam. Chàng bảo đời sống ngang tàng tổ tiên chàng thuở đó nằm trong những viễn trình, những chân trời xa khuất những trùng dương mênh mông, những chiến trận không bao giờ chấm dứt, đời sống gắn liền vào đời dời vào vũ khí, kẻ chết muốn lên thiên đàng khi ngã xuống phải có gươm nỏ trong tay, những cuộc tàn sát khủng khiếp, những đêm liên hoan điên cuồng trên đồng chiến lợi phẩm và thây sác kẻ thù. Cuộc sống đó không có phần chỗ cho đàn bà. Qua từng thế kỷ — vẫn theo lời chàng — giống nòi anh dũng ấy như thuần dần với đời sống văn minh, cá tính ngang tàng cũng chìm lặn vào huyết quản. Về sau chỉ còn lại một niềm khát vọng luyến nhớ những vùng trời rộng những cuộc viễn hành. Rồi sự suy nhược tuần tự đến những thế hệ kế tiếp. Tới đời ông cha chàng, chỉ còn là những người di dân tầm thường tìm lập nghiệp ở những miền đất mới. Người đàn bà nhu mì thuần hậu là mẹ chàng bỏ mình trong một chuyến đi gian khổ từ núi xuống đồng bằng, khi đó chàng còn sơ sinh, cái chết của mẹ chàng gây một phiền muộn không bao giờ nguôi cho cha chàng, khiến ông bỏ dở hành trình dừng lại ở đây và sống những ngày thăm sầu cuối cùng trong nỗi nhớ thương người khuất. Chàng mỉm cười bảo tôi: « Bánh xe chở cha anh chỉ lăn thêm một đoạn đường nữa cũng đủ để không bao giờ anh gặp em ». Cửa cải cha chàng để lại thừa thừa cho cuộc sống độc thân của chàng. Người bố già nuôi dưỡng chàng từ thuở nhỏ tạ thế cách đây bảy năm, chàng mới 16 tuổi. Từ đó chàng sống hoàn toàn cô độc cho đến tuổi trưởng thành như một loài cây hoang kỳ lạ định mệnh tình cờ đem trồng xuống mảnh đất yên tĩnh của thôn xóm quê hương tôi.

Chàng có đôi mắt sâu như đựng chứa những hoang vu tiền sử, những đỉnh trời cao ngất không ngó thấy, những không gian buốt lạnh không có dấu chân và sự sống loài người. Đôi mắt phẳng phát niềm mơ màng khó hiểu, như những cửa ngõ mở vào một thứ thế giới hư

vô riêng biệt. Đôi mắt như hai vì sao trầm lặng buồn rầu ẩn chứa mọi phần tâm linh cùng thẳm, tất cả định mệnh chàng ủ kín trong đó, đôi mắt có một sức quyến rũ mãnh liệt, lúc ngủ, trông mắt yên tĩnh bao bọc lấy đời sống hàng ngày, lấy tôi, trong cái nhìn khoan dung thỏa thuận. Đôi mắt khi cháy lên, khi ánh lửa dị thường nói sự bất gặp của linh hồn chàng với niềm khát vọng tiền kiếp, đây chàng tách rời khỏi đời sống, mọi người chung quanh, đi vào những miền gió bão hoang vu, bí mật và xa xôi như khối lửa nghìn đời xa cách, nhưng vẫn còn đó, vẫn thẳm thẳm cháy trong lòng đất.

Ít nói, cách biệt, nhưng chàng không phải là một con người lạnh lùng, già nua, trái lại tâm tính chàng rất đổi thơ trẻ hồn nhiên. Chàng không có những điệu bộ phách lối, thứ cao điệu tầm thường giả tạo thường thấy ở những kẻ muốn đặt mình thành những bậc á thánh bị đầy đọa xuống cõi đời, chàng chưa từng một lần bất mãn, thù ghét đời sống. Nhưng tôi có cảm tưởng : ở phần cùng thẳm linh hồn chàng, có một tiếng gọi huyền bí nào. Khi tiếng gọi đó cất lên thì cái ánh lửa dị thường ngời thoáng trong đáy mắt. Tiếng réo gọi tâm linh ấy là giòng nước ngầm chảy siết dưới đáy biển sâu, cơn gió thoảng làm cho phiến lá muốn trở lại ngàn, cánh bướm chợt thấy âm thanh của thủy triều vĩ đại, căng rộng, tìm vào biển khơi. Tiếng réo gọi đến từ những chốn sơn cùng thủy tận của nghìn đời, nơi có sông nước trùng trùng, bờ bãi hoang vu, thứ thế giới tiền sử nhiều không gian và bí mật, cái thế giới chưa từng có dấu chân, tiếng nói, cái thế giới ban sơ ỉm lặng của những tuổi đầu trái đất, của đầu sông, đầu bãi, đầu ghềnh, của những thung lũng cỏ hoa hoang dại, những con đường mất hút vào thiên nhiên dưới một vòm trời trải đi không giới hạn.

Tiếng gọi huyền bí đó, tôi biết, chàng phản kháng, chàng cưỡng chống nhiều lần mà chẳng được. Nó là một ám ảnh ma quái. Nó là vực thẳm chờ rình chàng ngã xuống, niềm giải thoát cuối cùng. Nó biểu hiện sự lớn lao của chàng. Nó là sự sống, cái chết của chàng. Nó là định mệnh chàng, tiếng réo gọi trở về của một bản năng không hủy diệt và từ bỏ được, khiến đời chàng, ở phần nhận được của tôi, ở phần chàng đến, chỉ là hợp thành những trạm nghỉ một loài chim hiếm mỗi cánh, mà định mệnh là những thượng tầng buốt lạnh, sự di chuyển vĩnh viễn không ngừng trong không gian và thời gian.

Ánh lửa dị thường mỗi khi cháy lên trong đôi mắt chàng, là một lần làm tôi hoảng hốt. Đang cười nói, chàng thoát im bất. Chàng ôm tôi trong tay chàng mà linh hồn chàng đã ở tận đâu đâu, con mắt chàng đã nhìn một cái gì tôi không nhìn thấy. Qua một linh tính tinh tế bởi tình yêu muốn đấu tranh gìn giữ, lần nào tôi cũng cảm thấy tức khắc, khi sự tách rời ấy đã đến với chàng. Tôi về quỳ gối trước tượng Đức Mẹ. Nhưng mọi cầu nguyện đều bất lực. Thế nào chàng cũng bỏ

đi. Không biết bao lâu. Dăm bảy tháng, một vài năm không chừng. Có lần, mới ba ngày chàng đã về. Nhưng lần nào thì chàng về lúc đó tôi mới biết chàng còn sống, tôi vẫn còn chàng.

Tâm tính chàng, sau mỗi chuyến đi, thư thái, bình tĩnh hơn và chúng tôi lại sống những ngày êm ái thần tiên bên bờ suối. Những buổi sáng mát trong nhìn chàng và tôi cười lớn kéo tay nhau chạy trên con đường đầy hoa dại nở dẫn tới bờ suối, nhìn chúng tôi che vạt áo lên đầu hấp tấp ẩn trú trận mưa đột ngột dưới một gốc cây, hay nhìn chàng một mình đến tìm tôi trong phức sức đơn giản và điệu, đáng trẻ trung đặc biệt của chàng, lễ độ chào hỏi cha mẹ tôi, không ai có thể ngờ chàng vừa nhập đoàn thám hiểm quốc tế đã cắm ngọn cờ đầu tiên lên đỉnh Bắc Cực, vừa chia tay với những nhà bác học nghiên cứu tại chỗ, qua kiến trúc, những dấu tích cổ thời của nền văn minh Ai cập, vừa lang thang một mình suốt một tuần trăng dưới những đêm sao nhiệt đới, vừa dựng lều ngủ giữa những bầy sư tử một đêm rừng Phi Châu, hay vừa cùng với thổ dân ngồi độc mộc đi vào một nhánh sông Hoàng Hà vừa khám phá thấy. Chàng đi như thế làm gì ? Chàng muốn giải thoát cái gì chứa nén trong tâm hồn, trong tiềm thức của chàng ? Tôi mang máng cảm thấy điều đó nhưng không bao giờ định nghĩa được. Cũng không bao giờ giám, gắng hỏi. Tôi yêu chàng như chàng vẫn vậy. Tôi chỉ biết khóc. Tôi chỉ biết cầu nguyện Đức Mẹ. Trừ một lần. Chàng cũng bỏ đi biệt tích như thế gần hai năm, tôi tưởng chàng chết thật, khi chàng trở về tôi đang thập tử nhất sinh trên giường bệnh. Chàng ngồi ở đầu giường tôi ba đêm liền cho tới khi tôi tỉnh giấc. Vừa mừng vừa giận, tôi òa khóc. Tôi trách chàng không đoái tưởng đến tôi, tôi có thể chết mà chàng không hay biết gì hết. Chàng ôm lấy tôi xin lỗi và nói kỳ lạ : « Em phải sống. Em phải sống ít nhất một phút sau cái chết của anh » chàng nồng nàn ôm lấy tôi. Chàng hứa không bao giờ đi xa, chẳng bao giờ bỏ tôi nữa. « Anh có biết em thường cầu nguyện bề trên cho anh không ? » Tôi nói. Chàng mỉm cười hỏi tôi cầu nguyện thế nào. « Em cầu nguyện cho chuyến đi nào của anh cũng là chuyến đi cuối cùng ». Chàng gật đầu : « Em hãy cầu nguyện cho anh như vậy ». Sau đó chàng tặng tôi làm kỷ niệm một con ốc biển có hình thù kỳ lạ chàng nói lượm được ở một hòn đảo vùng hải phận Mỹ Châu, con ốc tôi đeo trong mình bây giờ như một linh vật. Tôi sung sướng uống từng lời hứa của chàng, nhưng tôi đã tha thứ cho chàng ngay từ phút đó. Tôi biết rồi một ngày, ngồi với tôi trên bờ suối, đi với tôi dưới bóng cây xanh, bất chợt cái ánh lửa dị thường ấy lại cháy lên nơi cuối đáy tròng mắt sâu thẳm, và chàng lại thoát đi, tôi lại mất chàng. Không có sức mạnh nào kìm giữ được chàng ở lại. Kể cả chính ý lực chàng. Những giảng buộc, những kỷ niệm với mảnh đất này. Kể cả tình yêu tuyệt đối của tôi, và sự thực tàn nhẫn đó là nguyên nhân niềm đau âm thầm tôi

nhận cho đời tôi như một định mệnh lạ lùng và khắc nghiệt. Nhưng tôi yêu chàng. Chàng là mặt trời rực rỡ. Chàng là mùa xuân ngây nga. Niềm kính yêu tôn thờ tuyệt đối. Chàng là niềm hạnh phúc ấy, đầm đầm nước mắt và trăm trăm lời kính cầu thăm thiết của tôi. Chàng là thế giới, chàng là vũ trụ. Chàng tạo nên tôi. Chàng là tôi tất cả. Tôi đón nhận tình chàng như một ơn thánh sủng, cái bình huyền diệu rót xuống cả thuốc thần êm ái thể chất, cả độc dược mê loạn thần kinh. Tôi yêu chàng như từng lần sống lại, như từng trận chết đi giữa một trạng thái tâm thần mê mê tỉnh tỉnh. Tôi yêu chàng đến đuối. Mỗi lần chàng đặt tay lên vai tôi, những ngón tay như có điện truyền cùng thân thể. Mỗi lần chàng hôn là một lần tôi muốn ngất đi

Nửa ngày về chiều, đoàn xe chạy qua một miền có bão tuyết lớn. Những luồng gió đập rào rạt vào hai bên thành tàu như ập đến từ hàng nghìn cây số. Con tàu lắc lư chòng chành như bơi trên mặt biển động sóng. Cảnh vật biến mất. Đầy vòm trời bão giông đen kịt chỉ còn ức triệu bông tuyết trắng xóa, phát phới, toả bay về mọi chiều hướng, rồi bất thình lình như bị những bàn tay khổng lồ vô hình hút chặt lấy và thẳng cánh ném thẳng vào khung kính trước mặt tôi. Từ đầu đến cuối sương sống tôi mỗi như, thân thể lạnh tê từng chỗ. Tôi ngồi thu hình vào đáy ghế trong khi bóng tối bắt đầu xâm chiếm toa tàu tôi tàn. Hàng ghế trước mặt tôi, cái gia đình quê mùa gồm một cặp vợ chồng trẻ và một đứa con nhỏ cũng vừa thức giấc. Họ ngủ mê mệt từ lúc tàu chạy. Đứa nhỏ, gò má còn hồng hào giấc ngủ thò cái đầu tóc tơ vàng ánh ra khỏi cái chăn dạ quần tròn lấy nó. Người vợ vạch áo cho con bú, trong khi người chồng bằng những cử chỉ vụng về, bày lên chiếc khay nhuộm nhỏ bữa ăn đồ nguội họ mang theo. Nhìn họ cặm cụi nhai dưới những ngọn điện đục yếu tỏa một thứ ánh sáng vàng khé, tôi nhớ đến những bữa ăn trên cỏ với chàng. Cảnh bờ suối. Những buổi sáng chủ nhật đẹp trời và có nắng. Chàng thường đến đón tôi thật sớm. Chàng huýt sáo miệng gọi. Khi tôi sách cái lẵng mây đựng đầy trái cây chạy xuống đã thấy chàng mỉm cười đứng đó với tấm khăn vải Lào sặc sỡ trong tay. Chúng tôi đi trên con đường mặt đất còn ẩm ướt hơi sương, đến bờ suối khi tiếng chim đã riu rít truyền cảnh và những ánh nắng thứ nhất đã rực rỡ chiếu xuống mặt suối trong vắt. Chàng thường ngồi lặng hàng giờ mà nghiêng khuôn mặt thư thái có những nét đẹp rộng rãi như cả một vùng trời cao trên đầu xuống mặt suối. Đôi mắt mơ màng, chàng thả thả nhặt từng hòn cuội trắng thả xuống lòng nước. Nhưng rồi chàng bất chợt nhìn lên và mỉm cười với tôi. Chàng kéo đầu tôi đặt lên ngực. Tôi nằm

êm ái trong cánh tay khỏe mạnh của chàng, nghe hơi thở ấm áp và nhịp tim đập sau làn áo. Tâm hồn tôi tỉnh táo lắng theo những tiếng động vắng êm đầu đó, trong cổ, trên cánh, mắt tôi nhìn lên những vệt nắng nhầy mùa trên đỉnh cây, nhìn lên những phiến trời thủy tinh, những tảng mây ngọc thạch trên kia, cho đến khi tâm trí tôi chìm dần vào một thứ biển hồn lâng lâng, một thứ mộng mị chập chờn bao phủ, một thứ thế giới hoa hương kỳ ảo, tiếng chim đột nhiên xa đi, tiếng suối chảy ngừng lại, hình khối màu sắc biến chất thành những hơi sương vờn mùa, đầu tôi nặng xuống, và trong một trạng thái ngà ngà thiêm thiếp, toàn thân tôi êm ái rụng xuống cái vũng hoa lớn. Chàng cúi xuống và tôi thiếp ngủ trên cánh tay chàng.

Tôi thiếp đi thật. Tỉnh giấc con tàu đã thoát ra khỏi vùng bão tuyết tự lúc nào. Chỗ nó vừa dừng lại là một nhà ga lớn. Những đường rầy trùng điệp đan vào nhau, tỏa đi nhiều ngã trên một diện tích rộng với những kiện hàng hóa đủ loại chất từng đống cao ngất, những đầu máy đen chũi, bóng loáng còn phi phi thở khói. Đèn thấp sáng choang sân ga. Những đoàn người đi lại nườm nượp. Kim đồng hồ chỉ đúng 9 giờ tối. Phía sau nhà ga, là thành phố. Vòm ánh sáng rực rỡ hắt lên nền trời đêm, loang loáng những vệt đèn xe trập trùng đuổi nhau, những hàng chữ điện đảo lộn, nhấp nháy như cả một rừng sao cháy. Một thứ âm thanh ầm ầm ran ran vọng lại từ cuộc sinh hoạt mãnh liệt.

Tôi được người soát vé cho biết đây là đô thị đồng bằng cuối cùng. Con tàu còn phải đi suốt đêm nay nữa sáng mai mới tới được cái thị trấn miền núi, nơi người ta đã đưa chàng tới. Nhìn về mỗi một cửa tôi, y ân cần khuyên tôi nên xuống ga ăn uống, đi lại một chút cho tỉnh táo thoải mái. Điều mà tôi nghe theo. Tôi gọi một ly cà phê nóng, một cái bánh sữa ăn vội vàng. Đến khi còi hú lên báo hiệu khởi hành, tôi trở lên thì cái toa tàu vắng lặng ban nãy đã đầy chật người:

Tốp hành khách mới lên đều là đàn ông. Những người trẻ tuổi này phục sức lịch sự. người nào cũng có vẻ thông minh, lanh lẹ. Mầu da, ngôn ngữ, dáng điệu họ tố cáo họ đến từ những thành phố xa lạ, những xứ sở khác biệt nhau. Người nào cũng đội mũ dạ, mặc áo bành tô, đeo lưng cũng đầy người nào là máy chữ, máy ảnh, bút giấy, và cả những thứ máy móc kỳ dị có chân đứng và ống kính lớn, tôi đoán là những máy quay phim. Họ hút thuốc lá, nhai kẹo cao su, đi đi lại lại, hoa chân múa tay, cười nói, tranh luận ầm ĩ. Nghe một vài mẩu chuyện nghề nghiệp giữa họ, tôi dần dần biết họ là những nhà nhiếp ảnh, nhà báo, những phóng viên ngoại quốc, và họ cũng

đáp tàu đề đến cái thị trấn miền núi như tôi. Sự họ cùng có mặt ở đây, cùng đi một lộ trình với tôi, đột nhiên gây xúc động và kích thích trí tò mò của tôi. Một người béo mập và một người gầy khảnh vừa ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh, tôi bèn lắng tai theo dõi câu chuyện họ nói. Người béo mập nói : « Chúng ta sẽ bầu họ là những người cao nhất thế kỷ này ». Người gầy gât gù : « Đúng, chúng ta sẽ tôn họ là những anh hùng đã chiến thắng ngọn Đỉnh Trời ». Người béo mập hỏi : « anh nghĩ sao về kỳ công của họ ? » « Tôi sẽ viết một bài tường thuật vĩ đại ca ngợi thành tích vĩ đại của họ ». Người gầy trả lời thế và tiếp theo một giọng đùa cợt : « Nhưng giá tôi, tôi chọn cái giường lò so có đệm êm và gối ấm, anh nghĩ sao ? Tôi sẽ chọn vợ con tôi ở nhà, hạnh phúc gia đình tôi. Có thể ngã chết mất sắc được lắm chứ ? » « Chuyện, họ là những con người phi thường » « Đúng và chúng ta chỉ là những kẻ tầm thường ». Người béo trầm ngâm nhìn ra cửa sổ con tàu chạy như lao vào bóng đêm giầy đặc, nói một cách văn hoa triết lý : « Đời sống chia làm hai loại người, những kẻ chinh phục và những kẻ chiêm ngưỡng sùng bái kẻ chinh phục » hần nhếch mép : « Tôi xin chọn làm loại sau, còn anh ? » Cả hai đều có vẻ thưởng thức câu nói trào lộng cùng vỗ vai nhau cười lớn. Họ cùng rút sổ tay hý hoáy ghi chép một hồi, đoạn người béo ngừng bút : « Bọn họ mấy người nhỉ ? » « Theo tịn tức nhận được và điện đài truyền đi, năm người » « Sáu chứ ? » người béo tỏ vẻ ngạc nhiên. « Không chỉ có năm người lên tới được ngọn Đỉnh Trời ». « Còn người thứ sáu ? » « Hần đã ngã xuống vực » « ai đó ? » Người béo mập hỏi và người gầy bĩu môi : « Một thanh niên trẻ tuổi vô danh ». Người béo ngâm nghĩ : « Chúng ta cũng phải nói đến hần chứ ? » Người gầy cười lớn : « Nói đến cái lối ngã lộn đầu xuống của hần sao ? » và y nghiêm trọng : « Chúng ta đến đây để tuyên dương và công bố cho toàn thế giới về sự đắc thắng rực rỡ của những anh hùng đã chinh phục ngọn Đỉnh Trời. Thế kỷ chúng ta dành phần sùng bái cho những anh hùng thực hiện những sự nghiệp lớn. Báo chí chúng ta dành chỗ cho những anh hùng đó và không có chỗ cho những phần tử bất lực đã thất bại ».

Câu chuyện giữa họ chấm dứt ở đây. Nếu họ có nói tiếp tôi cũng không nghe nổi nữa.

Trạng thái kinh hoàng, cảm giác của mũi ê-thơ tiềm suốt thấu — khi nhận được bức điện tín — lại đến với tôi. Người tôi ướt đầm mồ hôi lạnh, mắt tôi mờ lóa, thái dương nhức nhối như có cả một bầy ong vỡ tổ ào ào trong đầu. Ruột tôi thắt lại. Kẻ vô danh theo họ nói, người thứ sáu không tới được ngọn Đỉnh Trời, là chàng ? Câu chuyện họ vừa ném vào mặt tôi một sự thực tàn nhẫn. Tâm trí tôi như bị một vết chém chẻ đôi giữa những ngò vực, giả thuyết ghê gớm. Tôi bụm tay lên miệng giữ lại một tiếng kêu. Nếu đích thực « kẻ vô danh » đó là chàng, thì với nỗi đau thể chất, tâm hồn chàng còn ê chề đau đớn

ngần nào ? Tôi không muốn chàng một kẻ anh hùng. Không bao giờ. Tôi chỉ muốn chàng sống, tôi chỉ cầu nguyện một điều : chàng sống, chàng về cùng tôi. Nhưng bây giờ thì tôi không thể không đặt mình vào tâm trạng chàng để đo lường tất cả khối nặng trĩu buồn và thất vọng chàng đang âm thầm chịu đựng một mình. Ở cái bệnh viện miền núi kia. Nếu đích thực chàng là kẻ thù sáu, kẻ vô danh xấu số của đoàn người chinh phục ngọn Đỉnh Trời thì trước thành công hiển hách của họ, chàng đã đau đớn biết ngần nào khi nhận thực sự thất bại riêng biệt, chua chát đó ? Nếu chàng lại biết cả thế giới đang ca ngợi kỳ công của họ, tôn thờ họ như những vĩ nhân ? Hình ảnh lớp người tổ tiên tiền sử mà lý tưởng sống là vinh quang chiến thắng, sự phủ nhận mọi thất bại, trở lại như một ấn tượng hội hùng ám ảnh tôi. Người tôi bồn chồn như lửa đốt. Tôi muốn có cánh bay đến với chàng. Tôi muốn có mặt tức khắc cạnh chàng, để an ủi, vỗ về, chia sẻ tâm trạng buồn thảm với chàng, sự thất bại của chàng.

Rồi đột nhiên, một niềm uất ức vô cớ dâng lên nghẹn ứ cổ họng, tôi bỗng thấy thù ghét tất cả mọi người, thù ghét tất cả loài người. Bọn phóng viên ngoại quốc đang cười cười nói nói chung quanh, tôi nhìn chúng hằn học, tức tối, tôi ngó chúng như những quái vật. Chàng không may rồi mà những kẻ tàn nhẫn còn muốn đập sấp chàng xuống hàng kẻ vô danh, đánh chìm vào lãng quên người đã thất thế. Sự tức giận làm tôi ứa nước mắt. Thiếu một chút kiêu hãnh, tôi đã òa khóc. Tâm hồn tan nát, rối loạn, tôi úp mặt vào cánh tay thồn thức trong khi con tàu vẫn lao đi trong đêm tối.



Thị trấn miền núi nằm giữa thung lũng. Nhà : những biệt thự nhỏ nhắn, mái thấp, ống khói cao, nặng. Đường phố bậc thang. Ở đó người ta chỉ đường cho tôi lên bệnh viện, thiết lập cách thị trấn chừng nửa cây số. Chiếc xe ngựa chở tôi qua mấy khu phố tấp nập người đi lại — bọn phóng viên, nhiếp ảnh với dụng cụ cồng kềnh lẫn giữa lớp người sở tại đi ủng cao, mặc áo lông thú — rồi bắt đầu leo lên một con đường dốc vắng vẻ. Hai bên đường, những hàng cây khởi đầu thưa thớt, già cỗi và xanh đậm dần mãi về một triền núi xa. Người mã phu chỉ cho tôi thấy ngọn núi cao ngất trước mắt, ngọn núi dựng lên hùng vĩ như muốn vươn tới nền trời, đỉnh núi nhòa chìm trong tuyết trắng vây bọc như một cái tán khổng lồ, và nói đó là ngọn Đỉnh Trời. Sau đó, chiếc xe dừng lại trước bệnh viện. Đó là một căn nhà sơn trắng nằm ở lưng chừng một sườn đồi thấp. Trái với tưởng tượng, dự đoán của tôi, nó nhỏ bé và im vắng như một tu viện. Không khí cô tịch, cảnh tượng hoang vu của một nơi ít người lui tới.

Một nữ tu sĩ già tiếp tôi ở cửa vào. Kế đó bà đưa tôi đến gặp vị bác sĩ trẻ tuổi ở căn buồng cuối cùng hành lang bệnh viện. Về người trầm lặng nhưng không thiếu niềm nở, vị bác sĩ hỏi tôi đến thăm ai. Tôi nói tên chàng. Tôi nói tôi là vợ chưa cưới của chàng, bức điện tin gửi từ đây báo tin chàng bị thương nặng và tôi đến đây. Vị bác sĩ tỏ vẻ hài lòng. Ông nói chính tay ông thảo bức điện tin, chàng đã yêu cầu ông làm việc đó ngay sau khi chàng tỉnh giấc. Tôi ngỏ ý xin phép được gặp chàng ngay nhưng ông lắc đầu nói hiện chàng còn đang ngủ, và giấc ngủ rất cần thiết. Tôi ngồi xuống ghế chờ đợi trong khi ông kể qua loa cho nghe về bệnh tình chàng. Khi người ta khiêng chàng đến bệnh viện, chàng mê man đến ngày thứ hai mới tỉnh. Sau đó, chàng lại ngất đi. Người ta tìm thấy chàng ở đáy vực sâu. Chàng ngã xuống đó. Sương sương gãy, một bên đầu đập vào đá tảng, chàng mất nhiều máu. Rất nhiều máu, bác sĩ nhắc lại. Tôi định hỏi ông câu hỏi nung đốt tâm trí tôi từ mấy hôm nay, là: chàng có qua khỏi được không? Nhưng tôi không có can đảm. Chứng bác sĩ cũng đoán thấy điều đó. Ông cho tôi biết bệnh viện đã cứu chữa chàng với tất cả tận tâm và phương tiện đã có. Nhưng bây giờ thì tính mệnh chàng do chính tay chàng nắm giữ, ông không dám tiên đoán kết quả cuộc chiến đấu giữa chàng với tử thần. Ông nhìn đồng hồ nói chắc chàng đã tỉnh giấc. Trước khi đi ra, ông giữ lấy vai tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi, khuyên tôi hãy can đảm. Vì, theo lời ông, ông chưa từng thấy ai can đảm như chàng.

Chàng nằm đó trên chiếc giường sắt nhỏ. Vai, cổ trở xuống chìm lấp dưới lớp chăn đệm, chỉ có cánh tay trái thò ra, buông thẳng trên nền vải trắng. Những lớp băng giầy quấn nhiều vòng, che kín hết mái tóc, một nửa trán, vòng qua tai xuống cằm, chỉ để hở phần giữa của khuôn mặt. Đôi mắt nhắm lại. Hai đường mí một nhọc. Gò má xạm trũng, hốc hác làm nổi thêm sống mũi thẳng và cao, cặp môi tái nhợt mở hé. Hơi thở đều và yếu. Tôi cúi nhìn khuôn mặt yêu dấu, mà đau yếu không làm mất được những nét vừa cương quyết rắn rỏi, vừa thơ trẻ hồn hậu, khuôn mặt mỗi lần nghiêng xuống gần tôi như mặt trời hào quang rực rỡ, mà không cảm được nước mắt. Tưởng như tất cả những thống khổ nghìn đời cùng kết đọng lại, những mẩn thương và thâm sâu nghìn kiếp cùng dồn đổ về tôi lúc đó. Tôi cố hết sức can đảm. Chàng thường bảo tôi là phải sống phải chết can đảm và kiêu hãnh. Nhưng tôi không cảm giữ được nữa. Nỗi thống khổ như một giông sông tràn bờ, toàn thân tôi biến thành một niềm ghen ngào rưng rưng và bật lên thành tiếng khóc.

Tiếng khóc đã làm chàng thức giấc. Một thoáng cử động chìm

lặn chạy dưới làn da trên suốt phần khuôn mặt đê hờ, lông mày nhích lên, cặp môi mím lại, đôi mắt chàng mở ra từ từ.

Tôi có cảm tưởng chàng vẫn tỉnh táo, khối sống nguyên vẹn, rục rở dưới làn vải băng. Chàng đã thấy tôi. « Em đấy ư? » giọng nói yếu nhưng ấm áp, chàng ra hiệu cho tôi lại gần. Tôi cúi xuống hôn nhẹ lên khuôn mặt yêu dấu. Chàng mím cười nghịch ngợm, nói rằng lời cầu nguyện của tôi thế là đã thành tựu rồi đấy, chuyến đi này của chàng tất là chuyến đi cuối cùng. Cậu nói đùa làm tôi ứa nước mắt. Tôi chỉ mong chàng bình phục, chàng có thể đi nữa, đi mãi, nếu sự đó là một cần thiết, tôi nói, và những cầu nguyện của tôi chỉ đọc bởi tình yêu, ý muốn ích kỷ chiếm giữ chàng trọn vẹn đấy thôi. Nhưng chàng phải sống, tôi cần sức mạnh, sự che chở và tình yêu trời biển của chàng. Vẫn không bỏ được giọng nghịch ngợm, chàng gật đầu : « anh sẽ sống vì bác sĩ đã bảo thế. Anh sẽ sống mãi mãi với em ».

Sau đó theo lời chàng yêu cầu, tôi kể lại một vài việc chính xảy ra ở làng, về con đường, ngọn suối, sự đổi thay của khí hậu thời tiết, về cha mẹ tôi, trong những ngày chàng đi xa. Tôi cũng không quên kể cho chàng nghe về cuộc hành trình. Người phóng viên, nhiếp ảnh, câu chuyện của họ chung quanh đoàn thám hiểm ngọn Đỉnh Trời. Chàng nghe chăm chú, điều khiến tôi lạ lùng khó hiểu là suốt câu chuyện, chàng chẳng một lần tỏ vẻ buồn rầu, ngượng thẹn, bực tức về những điều người ta ám chỉ, riêu cợt chàng. Danh từ « kẻ vô danh » trái lại chỉ làm chàng âu yếm mím môi. Bao tôi, vẫn với giọng nghịch ngợm cố hữu : « Kẻ ngã xuống vực chính là anh ». Thấy tôi lặng im, chàng lại nói : « Em không thất vọng về anh đấy chứ? ». Tôi lắc đầu, thiếu thành thực. Chàng nắm lấy tay tôi : « Em không bao giờ phải thất vọng vì anh về chuyện đó ». Thái độ thư thái, bình tĩnh của chàng sau mỗi chuyến đi, tôi vừa bắt gặp lại. Tưởng như điều quan trọng đối với chàng vẫn chỉ là một giải thoát kiếm tìm trong di chuyển, và kết quả của chuyến đi này, như mọi bận, không đáng kể, chẳng hề bao giờ khiến chàng quan tâm.

Chúng tôi không nói gì nữa. Bệnh viện tĩnh mịch. Tôi nắm chặt lấy tay chàng, nghe ngóng không khí êm ái chung quanh, ngoài hành lang đôi khi dội lên tiếng giầy người nữ tu sĩ già, tiếng cánh đập một con chim núi bay qua, tiếng sỏi lăn ngoài đầu dốc cho đến khi cúi xuống thì chàng đã lại thiếp đi.



Và chính trong thời gian chàng thiếp đi, tôi đã tìm thấy sự thực về chàng. Không phải toàn thể — đời chàng vẫn ẩn dấu cái phần bí mật tôi không bao giờ thấu hiểu — nhưng tôi đã khám phá được một phần sự thực. Một mảnh, một phần sự thực, ở đó đã phơi bày trạng thái tâm

hồn ký lạ của chàng. Trong ý định thu xếp lại quần áo, đồ đạc của chàng trong cái bọc-đá để ở góc buồng, tôi tình cờ nhìn thấy một cuốn sổ tay nhỏ nằm dưới đáy. Một cuốn nhật ký. Lăn giở một vài tờ, bút tích của chàng, những điều chàng ghi trong đó đã kích thích dữ dội trí tò mò của tôi. Tôi mang cuốn nhật ký lại gần cửa sổ. Nó là sự gồm thành, theo thứ tự ngày tháng, những điều ghi chép của chàng về chuyến gia nhập đoàn thám hiểm ngọn Đỉnh Trời. Những trang đầu không có gì đặc biệt. Chàng ghi ngày giờ khởi hành từ quê hương, những ngày lưu trú ở thị trấn miền núi, trường hợp gia nhập đoàn thám hiểm, những sửa soạn trước khi tiến đến ngọn Đỉnh Trời. Cảm tưởng của mỗi độ cao, sau từng đoạn nghỉ. Duy có mấy trang cuối cùng là đột ngột. Chúng gây xúc động trong tôi như một ý niệm kỳ lạ, một khám phá bất ngờ kinh dị. Những trang ghi những giờ phút cuối cùng của chàng trên ngọn Đỉnh Trời. Và đây là những giòng chữ đã được chàng ghi lại trên thượng đỉnh :

7895 thước trên mặt biển. Thời tiết : 28 dưới không độ. Lạnh khủng khiếp. Giòng già bảy ngày leo núi, ngày đi đêm nghỉ, sau một trận bão tuyết khiến chúng tôi phải ăn nán trọn một ngày ở khoảng 5500 thước, chúng tôi đã lên gần tới ngọn Đỉnh Trời. Gần lắm. 100 thước, 200 thước gì đó. Nhưng đã rất gần. Đoạn đường cuối cùng này là một khoảng dốc thoải thoải rất rộng, không còn trở lực đáng kể, và có thể coi từ đây như chính sự chinh phục ngọn Đỉnh Trời này là một điều chắc chắn. Tôi đứng lặng người nhìn lên đỉnh núi. Nó gần quá, ngay trước tầm mắt chúng tôi và cái đích xa thẳm thẳm của ngọn đỉnh mơ tưởng từ khởi đầu chuyến đi lên, cái đích ấy bây giờ gần gũi, ngay kia, đột nhiên gây cho tôi một cảm giác kỳ quái. Lần thám hiểm cái vực sâu gần 2000 thước dưới lòng đất ở vùng núi đá Mỹ Châu, khi gần tới đáy huyết, tôi đã có cảm giác kỳ quái này. Nhưng không rõ rệt, mãnh liệt bằng lần này. Cảm giác kỳ quái vì là một sự thất vọng. Phải, thất vọng. Đáng thế, tôi đã thất vọng. Thất vọng một cách kinh khủng. Đúng là như thế đó. Cái đỉnh bí mật ẩn kín từ khai thiên lập địa trong mây tuyết và không gian, vượt khỏi nhỡn giới loài người như một niềm kiêu hãnh tuyệt đối của thiên nhiên, tôi nhìn nó, thấy nó không còn kiêu hãnh. Sự tầm thường, vẻ cúi đầu thần phục của nó làm tôi thất vọng. Tôi thấy ghét nó, ghét lạ lùng. Ngọn Đỉnh Trời cao ngất, ghê gớm, huyền bí, khủng khiếp, bí mật như một thách đố chỉ có thể này thôi ư, chỉ là thế đó thôi ư? Tôi muốn nó phản ứng lại. Tôi muốn thấy nó trong một vươn mình huyền diệu vượt tới đỉnh mây cho không bao giờ chúng tôi đuổi bắt được nó. Nhưng nó đứng đó nặng nề, trơ trẽn, tầm thường, hàng phục. Nặng nề. Trơ trẽn. Tầm thường. Thần phục. Và dẽ hèn.

Mấy người cùng đoàn với tôi chắc không nghĩ như tôi đâu. Nhìn họ đủ biết. Vừa gỡ bọc đá, dụng cụ xuống mặt tuyết — chúng tôi đứng

trên một khoảng phẳng nhỏ nhỏ khỏi triền núi như một cánh tay trần giữa thiên nhiên — họ đã ôm choàng lấy nhau, họ hét điên cuồng với tất cả sức mạnh của lồng ngực. Tôi đứng lặng, chứng kiến nỗi vui sướng vô biên của họ mà lòng tôi thì đứng đưng. Họ đã đạt tới đích, họ mãn nguyện, nhưng tôi thì không. Tôi thấy họ tầm thường. Những kẻ đã tới đích đều tầm thường, những cái đã đạt được đều tầm thường, tôi thấy thế. Chắc họ cho tôi điên. Họ bỏ nhau ra, họ ôm lấy tôi, họ bỏ tôi ra, họ ôm lấy nhau, họ nhẩy căng lên như những đứa con nít. Tôi không hiểu được. Tôi hoàn toàn ở ngoài niềm vui sướng của họ. Và họ thì đã bàn tán ồn ào đến cái thành tích vĩ đại sẽ được đón nhận thế nào ở thế giới dưới kia, trong khi tôi nhìn lên, sự cao cả không còn đối tượng nào nữa là vòm trời, là vũ trụ xanh thẳm. Tôi muốn ngã vào vũ trụ, vào cái biên trời vô cùng vô tận. Tôi muốn tan đi trong ấy. Rồi một cái chết rộng lớn nào đó chiếm cứ dần mãi phần cùng thẳm của linh hồn tôi, cái chết của một niềm khát khao không thỏa mãn, những lượng máu không gian không còn nữa, và con người thì trở về những kích thước tầm thường tù ngục. Suốt một tuần leo núi lên, qua những vực núi sâu thẳm, những tường đá dốc ngược, những mỏm đá nhọn hoắt, người tôi bưng bưng một niềm đam mê mãnh liệt, cái sức sống đầy tới không ngừng, bây giờ cái sức sống ấy như tan biến, như trút khỏi cơ thể tôi và tôi mệt nhọc muốn ngã xuống, ngã xuống dưới ấy. Ngọn Đỉnh Trời khốn nạn, thảm thương đáng sợ như một đứa con gái thất thế chờ phút ô nhục cuối cùng. Trong tôi bỗng nảy ra niềm ước muốn kỳ quái: mọi người chúng tôi cùng ngã xuống vực, cùng chết một lượt, cho không ai lên tới được nó. Cho nó vẫn được là một thần tượng, một cái gì không bao giờ đạt được. Cho nó vẫn là một bí mật. Một tuyệt đối. Một sự thật. Nhưng đoạn đường chỉ còn trên dưới 100 thước, và không có chướng ngại nào nữa. Thế nào họ cũng leo tới nó. Không thể tránh được. Rồi tôi lại có cảm giác kỳ lạ là sự thất thế của ngọn Đỉnh Trời cũng là sự thất thế của chính tôi. Nó là tôi. Niềm thất vọng của nó chính là niềm thất vọng của tôi.

Khi mọi người đứng giây sửa soạn lên đỉnh là lúc tôi đã quyết định. Tôi quyết định ở lại. Họ kinh ngạc nhìn tôi. Họ bỏ tôi ở đấy và bắt đầu leo lên. Tôi không nhìn họ nữa. Tôi nhìn xuống cái vực sâu hút dưới kia, ngay dưới chân tôi. Cái vực cuốn hút tôi như một chiều cao mới, một cái đích mới, một cái đỉnh mới, tôi muốn ném thân thể, linh hồn vào đó. Tôi nghĩ rằng con đường về của tôi phải là về bằng cách đó. Vào vô tận. Như một giọt sao rơi. Khi mà sự hướng thượng không còn vô tận.

Chàng tắt thở nửa giờ sau khi tôi đọc đến giòng chữ cuối cùng của tập nhật ký. Những trang cuối cùng này đến với tôi như những tờ di chúc, chàng tự ký thác lại. Trước khi về. Chàng ngã xuống vực hay chàng tự ý đi vào cái chiều cao mới ấy, tôi không bao giờ được biết.

Trái đất này nhỏ quá, cuộc sống này nhỏ quá với tâm hồn chàng? . không bao giờ được biết. Chàng trở về với tổ tiên chàng trên những vùng biển lạnh hoang vu có sương mù để khởi những cuộc hành trình đến những bến bờ xa lạ khác? Tôi không bao giờ biết được. Lúc lâm chung chàng tỉnh giấc. Chàng ra hiệu cho tôi mở cửa sổ. Chàng nằm nghiêng mình trên cánh tay tôi mà nhìn ra ngọn Đỉnh Trời. Ngọn núi bấy giờ phủ kín dưới làn tuyết trắng, đỉnh núi lặn vào biển mây. Tôi cúi xuống, tôi nhìn vào đôi mắt của chàng. Đôi mắt xâu thẳm bao lần bất chợt cháy lên cái ánh lửa dị thường như một niềm khát khao và kiếm tìm với vợi, đôi mắt ấy chỉ còn là một niềm mơ màng yên tĩnh như hai cánh cửa vừa mở rộng vào một thế giới vô tận nào, bát ngát nghìn vạn lần hơn cái thế giới này, mà tôi không nhìn thấy. Cái thế giới của chàng. Quê hương chàng. Nguồn gốc, khởi điểm, trạm nghỉ cuối cùng cuộc hành trình gió bão của đời chàng. Tôi đỡ chàng trên tay và chàng nhìn ra ngọn Đỉnh Trời như thế cho đến khi chàng trở mình quay lại. Chàng vòng tay ôm lấy người tôi. Chàng mỉm cười âu yếm ngó tôi. Đôi mắt chàng từ từ khép lại. Chàng úp mặt vào vai tôi và tắt thở.

Vị bác sĩ và người tu sĩ già giúp tôi trong việc chôn cất chàng trong cái nghĩa địa dưới chân ngọn đồi bệnh viện. Tâm hồn yên tĩnh, chàng nằm đó đầu hướng về ngọn núi Đỉnh Trời, và tôi có cảm tưởng như chàng và ngọn núi, hai tâm hồn cao lớn ấy sẽ kết bạn và sẽ kính trọng nhau muôn đời qua không gian. Chàng nằm đây mà chính là chàng nằm trên đó, trên cái đỉnh cao ngời ngời tuyết băng bao phủ, cũng kỳ lạ như con đường chàng đến, chàng đi, kỳ lạ như sự có mặt, sự mất đi, như định mệnh của đời chàng. Tôi rời khỏi bệnh viện, cái thị trấn miền núi đang tung bừng tiếp rước đoàn người chiến thắng, vào buổi sớm hôm sau. Nắng đã lên và tuyết bắt đầu tan trong thung lũng. Khi vị bác sĩ tiễn tôi ra xe, ông an ủi tôi. Nhưng tôi chắc con người thấu hiểu đến từng tế bào, từng mạch máu, từng đường giây thần kinh trong cơ thể con người này cũng không thể nào—thấu hiểu được sự đổi khác lớn lao đã đến với tâm hồn tôi. Chàng chết đi, tôi lại thấy bớt cô đơn hơn khi chàng còn sống, gần chàng muôn nghìn lần hơn khi chàng ở bên tôi. Chàng chết rồi, nhưng chàng đã ở trong tôi. Tôi biết tôi sẽ khởi một cuộc sống mới từ đây, không bằng những bóng hình kỷ niệm chàng để lại mà bằng sự hiện hữu thường trực của chàng.

THẠCH CHƯƠNG

thơ, thơ dịch

—MÂY BIỂN

của V. H.

êm đêm quê hương thì thầm lay gọi anh trong giấc ngủ
bởi hôm nay trưa mùa thu mây nặng trời mắt hoe ử rữ
mây bao vây thành phố bao vây lâm hồn
mây ử dột mây buồn thiu mây rưng rưng sắp khóc
sắp thủ thi cho một mình anh nghe

— mây rủ nhau về đã lâu thăm anh cuối tuần lễ
mây gọi âm âm ngoài cửa sổ mây buồn lặng lẽ
mây gõ cửa đòi mở khóa lên vào tim anh
mây thì thầm mây quảng tay mây kẻ lẻ
adagio sostenuto — sostenuto — sos-te-nu-to

anh chưa bao giờ nói quê hương trong giấc mơ
anh chỉ thấy những con đường vắng xuyên qua tim
anh tỉnh cờ
những buổi hẹn hò chưa nói và tóc môi gần gũi
hai cánh tay ngà yếu đuối cổ nồn vai tròn
và quyến luyến và thơm tho những buổi chiều hôn

anh gọi TO những tên góc thành phố
không — không to — chỉ *sos-te-nu-to*
chỉ đủ mình anh nghe với em mây mùa thu

đừng đi sớm bỏ anh một mình cuối tuần lễ
đừng để phòng anh trống trơn tim anh vắng vẻ

má áp trên gối anh thì thầm gọi tên những con đường
chỉ những con đường ôm dấu vết em đi
chỉ những công viên tình tự cỏ hoa mơ ngủ
những lá vàng mong manh hắt hiu hơi thở
tình cờ bắt được trong tay em quyến rũ

mây giở vào mắt anh những viên ngọc lỏng lánh sương
mai

anh thấy mỗi viên ngọc ôm hình một góc phố
một mảnh vườn hai bờ cây song song viền đại lộ
mỗi viên ngọc thăm rung động một hòa âm rung rung
anh thốt nhớ truong chi thuyền ca quyến luyến lời vô
cùng

mây rủ nhau về đã lâu thăm anh cuối tuần lễ
mây nằm cuộn tròn trong tim anh mây thăm kẻ lẻ
mây bao vây tâm hồn anh mà hòa âm óng ánh như tờ
chim họa mi thăm ca trong huyết quản *adagio — sostenuto*
và mây biểu mắt anh những viên ngọc sương bắt được
trong rừng

từ quê hương

thạch chương

LỄ MI XA

Cuối đường một cuộc giao tranh,
khi người chiến binh đã chết, một kẻ tiến đến anh
và nói : «Đừng chết ! tôi yêu anh bao nhiêu ! »
Nhưng than ôi ! thế xác vẫn bản bật.

Hai người tiến đến anh và nhắc lại :

« Đừng rời bỏ chúng tôi ! Hãy can đảm ! Xin trở lại cuộc đời ! »

Nhưng than ôi ! thể xác vẫn bản bật.

Hai mươi, một trăm, một ngàn, năm trăm ngàn người tiến đến anh,

la gọi : « Bao nhiêu tình yêu, và vẫn bất lực để chống lại sự chết ! »

Nhưng than ôi ! thể xác vẫn bản bật.

Rồi hàng triệu cá nhân đến bao vây lấy anh,

đồng thanh van xin kêu gọi : « Anh ơi, hãy ở lại ! »

Nhưng than ôi ! thể xác vẫn bản bật.

Rồi mọi người trên trái đất

bao vây lấy anh ; thể xác buồn thiu ngó nhìn mọi người, rồi chuyển mình ;

rồi từ từ đứng dậy,

ôm hôn người thứ nhất ; và bắt đầu bước đi...

césar vallejo

THƠ

Hãy để ngỏ cửa
đêm nay, chờ xem
kẻ nào đã chết
đêm nay, xin đến.

Hãy mở ngỏ tất cả,
để xem ta có giống
thể xác người ấy ; để xem
ở một chút nào ta là linh hồn kẻ ấy,
bởi đã hằng giao chuyển qua không gian ;

để xem vô cực vĩ đại kia
sẽ ném cho ta những gì, pha trộn
ta vào ta; nếu ta có thể chết
nơi đây một chút, và sống
nơi kia một chút, bên trong người ấy.

Hãy mở ngỏ

toang mọi cửa sổ, hãy coi như
người ấy đã có mặt bằng thể xác
trong đêm xanh,
cùng với chúng ta như máu,
cùng với trăng sao như hoa !

Juan Ramón Jiménez

PHƯỢNG HOÀNG

Phượng hoàng, là một cặp vợ chồng — Adam và
Ève — vừa là vừa không là kẻ đầu tiên.

Tôi là kẻ cuối cùng trên đường của người
Mùa xuân lần cuối trận tuyết sau cùng
Cuộc giao tranh lần chót để không còn chết

Và đây chúng tôi thấp hơn và cao hơn bao giờ hết.

Đủ mọi thứ trong dân hóa thiếu chúng tôi
Nhưng quả thông những cành nho
Cũng có những bông hoa mạnh mẽ hơn nước
Có cả bùn và sương.

Lửa ở dưới chân chúng tôi lửa bao vây chúng tôi
Ở dưới chân chúng tôi loài còn trùng chim muông những
con người
Sẽ bay đi mất

Những kẻ bay đi ngày mai sẽ đậu.

Trời thì trong đất thì xăm
Nhưng khói bay lên trời
Bầu trời mất đi mọi ánh lửa

Lửa còn lại trên trái đất.

Lửa là mây của trái tim
Là mọi nhánh của máu
Lửa hát bài ca của ta

Lửa làm tan hơi nước mùa đông của ta.

Nỗi sầu thương ban đêm bùng cháy kinh hoàng
Tàn tro đã nở hoa vui đẹp
Chúng tôi luôn luôn quay lưng lại xăm chiều
Mọi vật có sắc màu bình minh.

TUẦN LỄ

Sóng ngoài sông
Sớm tối trên trời
Gió là cánh chim
Mắt nhìn lời nói
Và sự anh yêu em
Thấy đều là chuyển động

2
Một tin lành
Đến sáng nay
Em nằm mơ thấy anh.

3
Tôi muốn liên kết tình yêu cô độc của chúng tôi
Tôi những vùng đông nhất trên đời
Tôi muốn tình yêu chúng tôi nhường chỗ
Cho những người yêu nhau như chúng tôi
Những vùng đông thì nhiều những người yêu thì ít.

4
Tôi phá tim tôi phá thân thể tôi
Nhưng tôi không làm người em tôi yêu đau đớn.

5
Hôm xưa chúng tôi là hai chúng tôi vừa sống
Một ngày ái ân đầy ánh nắng
Chúng tôi cùng nhau ôm hôn mặt trời
Cuộc đời nguyên vẹn ra mắt chúng tôi
Khi đêm về chúng tôi nằm yên không hình bóng
Cùng trau chuốt ánh vàng giòng máu chung đôi
Chúng tôi là hai trong lòng kho vàng duy nhất
Mà ánh sáng không bao giờ đi ngủ.

6
Sương mù pha ánh sáng
Vào thảm xanh bóng tối
Em pha da thịt ấm
Vào đục vọng lòng anh.

7
Em quàng áo em soi đèn
Em đi ngủ em trở dậy
Suốt những mùa chung thủy

Em xây một căn nhà
Và tìm em làm căn nhà chín mồm
Như chiếc giường như trái cây

Và nơi ấy thân thể em nướng nấu
Và nơi ấy giấc mơ em triền miên
Đó một căn nhà của những ngày êm đềm

Và của những nụ hôn ban đêm.

paul éluard

SAO TRÊN RỪNG

ngàn khơi

TH E O lối mòn len dưới hai hàng dương, Sơn đưa xe đạp ra biển. Nhìn bóng những tàn cây cuối cùng chưa đổ ra bãi, nó tựa xe và người vào một thân cây thẳng nhất, mắt lim dim mơ màng dõi theo hai làn bánh hôm qua còn mờ trên cát, có hằn theo cách khoảng đều nhau ở giữa dấu chân thon nhỏ của một đứa con gái. Nắng chiều nhấp nhói làm Sơn hoa cả mắt. Nhưng nó thích thế. Thích đến nỗi có những ngày không đi biển được nó đâm ra thèm nhớ như người ta thiếu vắng một sự gì quen thuộc cần thiết. Nắng mai không đẹp lắm vì chói chang. Song cũng có những sáng trời thanh dịu nó đã mê nắng và nước. Còn nhớ những lần nó chạy dài theo sát mé biển đá tung cả bọt nước lên như một đứa trẻ giam mình lâu ngày trong cô nhi viện được các di phước cho về hóng gió. Kia nắng nhấp nhói bay nhanh. Đôi lúc bất chợt Sơn thấy rất nhiều màu sắc tinh vi bay trong nắng như đỏ, trắng, xanh, vàng, tím và nhiều biến thái mà Sơn tin rằng chưa dễ có họa sĩ nào pha trộn được. Đẹp nhất là tím sẫm của nắng như chợt tắt chợt sáng chen lẫn vào trắng thanh của trời mây nhảy múa từ bờ cát bay ra ngoài khơi xa. Sơn mê dại. Nó lao mình đuổi theo nắng, quên mình đã bỏ khá xa những ngày thơ dại. Bao nhiêu kỷ niệm cùng những viễn ảnh cuộc đời này và, nếu có, của một cõi siêu linh nào khác, như đang hòa bay trong những màu sắc thiên thể của nắng. Nhìn nắng bay nhanh tự nhiên có lúc nước mắt Sơn ứa ra. Nó khóc, không phải do sự khơi dậy một tình cảm đau buồn hoặc vui cái vui không ngờ, cũng không phải vì ánh nắng chói gắt. Nó khóc thật, chỉ biết thế. Vì ai mà hiểu khi chính nó cũng không rõ lòng nó. Để tự dò xét, nó chỉ biết so sánh trường hợp xúc động này với nhiều trường hợp khác. Như tâm trạng chợt buồn rười khi tình cờ cũng đi chung một đường với một người con gái đẹp nào và chợt tà áo ấy rẽ sang con đường khác. Chỉ có

thế. Và Sơn tin rằng chỉ có những tâm hồn sâu xa, cảm nhạy tinh vi mới biết được. Nhưng không đời nào Sơn nhìn con gái theo cách hầu hết những đứa con trai khác. Những đứa bạn con trai con gái cùng lớp cho nó khinh người hay làm bộ... khắc kỷ Họ làm. Vì sự thật thì Sơn cũng nhìn con gái như bất kỳ đứa con trai nào mới lớn lên. Và hơn thế nữa, nếu ai len vào được ngõ ngách cuộc sống nội tâm của Sơn thì chắc hẳn cho Sơn là một đứa mê gái không ai bằng. Có điều là Sơn nhìn con gái rất mau và thường khéo tạo ra những trường hợp như là tình cờ. Và chỉ trong thoáng nhìn đầu tiên, Sơn có thể thu ngay được nhận thức chung xấu hay tốt về đối tượng. Nếu là đẹp thì mái tóc huyền, hai cánh tay áo hơi rộng, màu guốc trắng đã bay vào hồn Sơn. Đôi khi sau cái nhìn thứ nhất Sơn cũng sửa soạn cho cái thứ hai, thứ ba, một phần vì ngại hình ảnh mới thu nhận sẽ mờ phai, một phần vì muốn chu toàn cái ấn tượng đẹp kia bằng những yếu tố khác như mắt, môi. Trên quãng đường dài bảy năm trung học cộng thêm ba năm thi rớt đi lang thang, không biết bao nhiêu hình ảnh đẹp đã thoáng qua hồn Sơn. Có cái thời gian tan biến, có cái lúc ẩn lúc hiện, có cái thành bất biến. Tâm hồn Sơn thu nhận tất cả, gạn lọc để cuối cùng biến thành một hình ảnh đẹp tích lũy mà Sơn biết không thể nào tìm thấy nơi một người con gái nào, nhất là với mãnh lực tàn phá âm thầm của thời gian. Có điều kỳ ảo là Sơn nhiều lần như bắt gặp nó hòa theo những màu sắc thiên thể nhấp nhô bay theo nắng biển. Cho nên Sơn sẵn khoái chạy dài theo sóng nước đuổi bắt thần tượng vào những ngày mây trời nhẹ như tơ bay.

Nắng mai thì đẹp nhưng nắng chiều đáng yêu hơn vì nó đang tiếp dần vào cái dịu mát yên tĩnh ngàn đời của hoàng hôn.

Sơn vẫn tựa trên yên xe, chưa chịu ra xóa mờ những lần bánh xe cùng dấu chân thon nhỏ của đứa con gái mới đề lại chiều qua, trước khi dẫn xe đến chỗ ngồi quen thuộc. Chỗ ngồi quen thuộc của Sơn là nơi một mớ cát trắng mịn, không xa lắm những bụi dứa dại tiếp liền những đám ma dương, bồn bồn căn cỗi hoang vu. Sơn có cái thú vạch lên cát tên những người Sơn đem lòng yêu mến. Như tên một đứa con gái nhỏ ở cạnh nhà, một người bạn gái thân yêu cùng lớp, một người chị hay em trong họ hàng xa gần lâu ngày mới gặp nhau, một người đàn bà tài sắc của một nước nào đã nằm yên trong văn học sử, hoặc, buồn cười và vô ý thức, tên một ông triết gia bên tây phương đã thuộc về một thời đại nào xa thăm thẳm. Ngồi chờ gió mang những hạt cát trắng mịn về rây mờ nhạt dần trên những nét chữ được cày sâu bằng những ngón tay hay những gai cổ do những con sóng lớn khuya nào mang tấp lên bờ, Sơn cảm buồn mênh mông. Cách xa nơi đây đến gần hơn hai cây số ngàn, Sơn có thể nhìn

thấy những điểm đầu người lăm chắm di động ở ngoài bãi hay bao quanh những quán giải khát ở khoảng biển gần thành phố. Sơn sung sướng cảm thấy nơi mình ngồi vắng vẻ tịch liêu, thẳng hoặc mới có mấy người ở những biệt thự gần đó, một vài du khách hay ông cố đạo già quen thuộc đã thành cái bóng mờ ra nhìn trời mây. Sơn có thể nằm đọc sách hay làm gì tùy ý mà không ai buồn đến gần. Chỉ có loài công vốn nhát nhát mà ý chừng đã lớn mặt với Sơn. Chúng thân nhiên mang cát hất vào người Sơn, thân nhiên rượt nhau qua lại trước mặt Sơn. Có lúc tức mình, và thật ra cũng đùa, Sơn thỉnh thoảng hét to lên một tiếng thì, nhanh như chớp, một vài con thụt nhanh xuống hang, một vài con bối rối nhưng khôn ngoan bay nhanh xuống bờ nước, tất cả như chìm vào hư ảo. Vậy mà chỉ trong chớp lát, xem chừng đâu ra đó rồi, chúng lại ngoi đầu lên khỏi hang hoặc lênh nhễnh bỏ lên khỏi mặt nước, rủ nhau làm lại cái công việc để lại từ ngàn kiếp.

Ở đây không có ai phiền rầy Sơn. Vậy mà Sơn đã tự ý tạm ngưng cái việc đọc sách là một việc làm rất thuận lợi nơi khung cảnh thiên nhiên này tuy Sơn vẫn kín đáo mang theo cho có lệ. Đó là lúc Sơn thấy một gia đình chiều nào cũng từ trung tâm nghỉ mát ra chơi đến chiều gần tối mới chịu về. Trung tâm nghỉ mát là cơ sở chính phủ dành riêng cho những công chức từ những tỉnh xa về đổi gió. Thường thì họ về đây khá đông vào khoảng thời gian mới bắt đầu bãi trường. Gia đình này đến vào lúc cuối hạ nên trông họ có vẻ lẻ loi. Họ gồm ba người, cách ăn mặc và lối đi đứng chứng tỏ họ quý phái tuy họ không giàu. Người cha và người mẹ đã đến cái tuổi người ta không buồn thắc mắc gì về kiếp sống và cõi đời này nữa. Hai người vẫn kháng khí với nhau nhưng không vì vậy mà có vẻ già lẳng lơ như bao nhiêu cặp vợ chồng khác. Người đàn ông chăm chú đọc một tờ báo ngoại quốc. Thỉnh thoảng người đàn bà ngừng tay đan ghé mắt vào xem. Người đàn ông hơi nghiêng mình bên vợ ra chiều tìm cách giảng giải cho vợ hiểu một vấn đề gì mới hoặc khó khăn. Có lần người đàn ông chỉ tay cho người vợ nhìn một cánh bướm trắng nhỏ bằng cánh hoa ngọc lan hay cái vẩy ốc trắng ngoài khơi xa. Chắc hẳn họ đang mang hoài cảm một chuyến viễn du nào xưa. Cái vẻ âu yếm trăm trăm của hai vợ chồng già làm Sơn tin rằng ngày trước họ đã yêu nhau bằng cả một chân tình và cuộc sống chung hài hòa lắm. Ừ, thì kiếp người ngắn ngủi như phù du song ít ra ta vẫn tìm thấy một chút nghĩa lý gì chứ. Như tại mọi có đuôi cũng biết từng đôi rủ nhau lên ngàn hái trái cùng ăn, chặt cây rừng đốt lửa để cùng sưởi trong đêm thời gian lạnh hàn trên mặt đất này.

Sơn chăm chú nhìn về phía hai vợ chồng kia, có lúc giật mình cảm thấy mắt day. Nó đoán chắc rồi trong đêm tối hai người vẫn còn áp má vào nhau. Sướng. Nó lại chăm chăm nhìn quên mình là mắt day, đầu sao cũng là mắt day. May mà lúc đó không ai theo

dối nó. Hai vợ chồng thì bận đọc báo không thêm đề ý gì xung quanh. Đứa con gái thì chơi một mình với mấy cái vỏ ốc mới lượm được. Đứa con gái mới thật là dễ thương. Sơn đoán sức học lối đệ tam, xê xích đâu gần khoảng ấy, cũng không biết sao mà nói nữa. Nó có vẻ thông minh, tinh nghịch nhưng phải là hiền thực lắm. Mà hiền là bản tính quý giá và đẹp ngàn đời của người đàn bà. Có lẽ nó giống mẹ nó. Nó đang bước vào giai đoạn nhiều ước vọng nhất nhưng vẫn giữ được tính hồn nhiên của tuổi thơ. Nó đi đứng điệu bộ như một con chim sơn ca hay con bướm nhỏ, thứ bướm trắng mát thường ở đâu bay về đâu trên một cành lá nhỏ nào rồi chợt bay đi mất trong khu vườn nhỏ của Sơn hồi nhỏ. Với hai con mắt to đen trên khuôn mặt trái xoan đóng khung linh động bởi mái tóc huyền chảy êm xuống bờ vai như ánh sáng lùa trên nhung, không hiểu do kinh nghiệm hay sự hiểu biết nào, Sơn tin rằng trời sẽ giữ lại nơi nó mãi mãi cái vẻ đẹp hồn hậu, trẻ con nhưng vô cùng quyến rũ. Buổi chiều đầu tiên đến đây, nó đã say mê đi lượm những chiếc vỏ ốc bị sóng đưa tém vào bờ. Song nó khác hẳn với những đứa con gái khác là nó chỉ lượm những vỏ ốc đẹp thôi. Biết phân biệt được đẹp với xấu, đừng tưởng là dễ, nhất là đối với con gái, dĩ nhiên là với cả những con gái đẹp. Sơn biết được điều đó nơi đứa con gái xa lạ kia bằng nhiều cách quan sát và cũng bằng một cuộc thử riêng. Sơn lượm rất nhiều thứ vỏ ốc dồn thành một nắm nhỏ làm dấu để gần chỗ Sơn ngồi. Sơn đề ý đến mấy con ốc có hình dáng và màu sắc thanh đẹp trộn lẫn với hàng chục con ốc màu sắc sỗ và hình thù xấu. Sơn biết nó muốn đi xa hơn chỗ cha mẹ nó ngồi và đến chỗ Sơn. Sơn phải đi để nó khỏi ngược. Chiều đó Sơn dẫn xe đạp lên lối khác lối cũ, về sớm. Chiều hôm sau Sơn đến kiểm điểm lại kỹ thì thấy những con ốc đẹp đã biến mất.

Về sau Sơn còn thú vị khi khám phá ra một cuộc trêu giỡn hồn nhiên của đứa con gái. Nguyên là từ cây dương cuối hàng trên lối mòn đến chỗ ngồi quen thuộc, Sơn phải dắt xe đạp theo. Sơn có thói quen điều khiển sao cho hai bánh xe trước và sau hẳn lên cát hai đường song song rõ ràng, đẹp. Bây giờ giữa hai lần song song đó, cách khoảng đều nhau, có in gót chân thon nhỏ của đứa con gái cũng rõ ràng, đẹp. Biết là của đứa con gái vì mỗi lần Sơn nhìn những dấu chân đó vừa nhìn đến nó thì bất gặp nó mỉm cười e thẹn quay mặt đi hướng khác.

Cuộc chơi đơn giản, âm thầm, hết sức trẻ con và không hẹn mà nên này mang đến cho Sơn một niềm vui thanh nhã. Để đền đáp và cũng để tăng thêm ý nhị, mỗi chiều Sơn đến sớm hơn gia đình đứa con gái một chút và, sau khi dẫn xe đạp cày sâu hai lần song song mới khác đến chỗ ngồi, thế nào Sơn cũng đi tìm một vỏ ốc thật tuyệt cầm vào chóp một nắm cát vun cao. Chiều hôm sau, Sơn sung sướng thấy tặng phẩm đã có người nhận.

Dần dần hai người như quen nhau. Nhưng cả hai như thừa đủ

thông minh để chỉ đứng yên ở vị trí mình, vị trí một đứa con trai và một đứa con gái mới lớn lên. Ở hai vị trí, người ta chỉ nhìn nhau qua màn sương thu huyền hoặc mơ ảo : tình yêu mới chớm. Cả hai đều không muốn đi xa hơn như sợ có gì tan vỡ, dù lòng họ trái ngược. Cả hai đều cạnh chừng nhau, trách nhau bằng những ánh mắt rất buồn. Vậy mà đứa con trai đã đi xa vị trí mình một chút, bởi nó là con trai, và cũng bởi, tuy mới chừng ấy tuổi, nó đã trải qua vài mối tình đầu.

Một bữa kia, Sơn đến từ trưa, chạy dài theo bờ biển tìm mang đến chỗ ngồi quen thuộc một số vỏ ốc lớn. Nó sắp thành mấy chữ xếp hàng, gãy gọn, vừa đủ nghĩa trên một khoảng đất bằng phẳng hơi cao. Muốn biết tên. Hôm sau nó nhận được hàng chữ trả lời, không phải bằng tên thật như ý Sơn muốn mà chỉ bằng một tỉnh từ mang nhiều ý nghĩa : Ngân Khơi. Từ đó hai người thật đã có cảm tình với nhau nhưng chưa có dịp nào gặp mặt gần nhau và nói chuyện với nhau. Không tìm thấy lý do nào chính đáng, Sơn vẫn giữ thái độ nhút nhát, tự trọng. Còn đứa con gái, nó mới lớn lên và nó thông minh, làm sao nó đi xa hơn được. Dù sao, như đã nói, hai người đã có cảm tình với nhau và cuộc chơi nên thơ vẫn tiếp diễn.

Có buổi chiều Sơn và đứa con gái không ai rủ ai cùng hướng mắt đắm đắm nhìn về phía bờ cát có một đôi én biển vừa đến đậu. Loài én này thật lạ. Làm tổ tận ngoài đảo mà chiều mát vẫn chưa chịu về. Một con đứng trên bờ chờ một con bay vòng ra khơi ném mình xuống nước như con bói cá gấp nhanh mỗi bay về. Đúng đó là con được. Cũng như đứa con trai đi tìm vỏ ốc cho đứa con gái chơi. Hai con chim xoắn xít bên nhau, rửa cánh cho nhau. Nhiều lúc con được xoè xoè hai cánh như muốn diu con mái nhảy qua một làn nước nhỏ khi sóng liếm vào bờ. Đôi chân nhỏ xíu trắng muốt trông đến thương. Sơn mơ ước ngày nào kia nó cũng được nắm tay đứa con gái, vén nhẹ chiếc quần trắng toát của nó, diu nó qua một cái lạch nhỏ trên rừng khi hai đứa đi chơi trong tuần trăng mật. Chiều xuống thấp dần, thấp dần. Hai con én biển đưa nhau bay vút ra đảo xa. Những chiều ~~đó~~ Sơn không tiện lượm vỏ ốc cho đứa con gái. Sơn ở lại lâu hơn. Đứa con gái hơi buồn lững thững theo ba mẹ nó về trung tâm. Còn lại một mình. Sơn đến chỗ đứa con gái ngồi, mân mê dấu những lần tay thấp bút còn để lại, xoè cả bàn tay thoa nhẹ lên nơi chỗ cát thung xuống hẳn rõ những nếp hẳn mỏng nhẹ. Sơn bỗng nhớ đến Thục, đứa con gái Sơn đã yêu si dại khi còn học một lớp gần cuối cùng bậc trung học. Lớp học của Sơn trên lầu. Mỗi chiều tan học, Sơn thường tìm cách ở lại để về sau cùng. Hồi đó nó tưởng chỉ biết một đời có mình Thục. Vậy thì còn ngại chi. Nhưng thời gian làm họ xa nhau. Thục thì đẹp và đi lấy chồng. Rồi bao nhiêu Thục nữa cũng đi thoáng qua

đời Sơn như những đợt sóng thời gian từ từ đắp lên bờ cát, để lại mỗi ngày mỗi thêm một chút mặn chát của biển ngàn. Nhiều lúc đọc lại thư một vài người cũ, nó khóc thầm. Lớn lên mới biết cuộc đời vốn buồn. Vậy mà bây giờ nó vẫn còn nghĩ ngợi xa xôi khi nghe tin một người bạn gái cũ lấy chồng, cả những người trước kia nó không có cảm tình mấy. Nhiều lúc phiền muộn nó muốn đốt tất cả thư từ hình ảnh hay bất cứ gì thuộc về dĩ vãng. Phải thoát vòng vây những đề nặng đó. Nhưng nó yếu thật, nó không đủ can đảm. Chỉ cái việc đốt Tờ đi một ít thư từ cũng làm cho nó đau đớn. Nó cố gắng loại đi, một ít thôi, để dễ dàng mang theo cuộc đời. Vậy mà mỗi lần một cánh thư bất lửa, tìm nó sẽ thất bại. Nó lại nghĩ đến việc dập tắt và nghĩ đến những loại thuốc hóa học có thể làm giấy tro hiện nguyên hình chữ trên cánh thư đã đốt. Ý nghĩ về những gì mất đi vĩnh viễn luôn luôn ray rứt nó. Một du khách đứng trên bao lơn tàu đi giữa đại dương rồi có đánh rơi cái chìa khóa thì dù không bao giờ tìm lại, dù là có thể có phương tiện, người ấy cũng như ở trong một trạng thái tinh cảm yên tâm. Còn những cánh thư đã đốt đi bay ra tro bụi thì sẽ mất vĩnh viễn, nhất định sẽ mất đi vĩnh viễn dù người viết còn trơ trơ. Tụi con gái thì không nghĩ như Sơn. Trước khi họ định đóng khung cuộc đời và trước khi căng thẳng chân tay trên chiếc nệm trắng tinh êm đềm đêm tân hôn, họ đốt sạch hết những gì thuộc về dĩ vãng, cả những đứa tốt phước đã leo được lên chiếc ghế trường đại học. Sơn không biết như vậy là họ khôn hay là ngu. Song Sơn cho những đứa đó phải tội lắm.



Trong lúc Sơn đang nghĩ ngợi mông lung thì nó chợt nhận thấy bóng những tàn dương đã nằm dài đến tận bờ nước từ hồi nào. Linh tính báo cho nó biết một việc buồn : gia đình kia đã từ giã đây rồi. Bởi cũng đến gần ngày khai trường, người con gái kia đã trở lại một thành phố nào xa để tiếp tục việc học và ngày kia đi lấy chồng. Trời bỗng như sụp tối đè lên hồn Sơn. Tự dưng nước mắt nó ứa ra. Và ý nghĩ xót thương sau cùng là thân phận những chiếc vỏ ốc Sơn đã thu lượm cho đứa con gái.

Buổi chiều thê lương đến nỗi người. Vẳng theo hơi gió, Sơn nghe được cả tiếng con rùa biển đang tấp bọ nước trước khi lên bờ đẻ trứng. Sơn thần thờ dấn xe ra về, không làm sao còn có cái thú, lần cuối cùng, theo dõi những dấu chân thon nhỏ tinh nghịch mới chiều qua còn in trên cát, vì Sơn biết chúng sẽ dẫn đến hư vô.

sao trên rừng

DUY THANH

lớp gió

G I A N phòng trống trơn. Xác người đàn bà nằm trên mặt đất trần trụi. Bức tường trắng đục. Ngọn đèn vàng ngủ cò độc, giá lạnh. Trong một góc nhà con mèo đen ngồi im đôi mắt xanh thao láo.

Hãn nhìn thẳng phía trước mặt. Xung quanh là cái vắng lặng của đêm dài. « Mình phải bắt đầu bằng cái gì. Một xác chết đã được hay chưa. Hay là còn cần gì gì nữa. Tôi cần phải hoàn thành nó. » Một sự cần thiết dày vò lấy tâm hồn nhưng Hãn ngừng bút. Cái đau xói, bắt lực u tối nằm trên trang giấy trở trên đến vô cùng. Cả thề xác của Hãn bỗng đứng cũng thấy trở trên như những hàng chữ viết. « Hay là ta chết » chàng cảm thấy linh hồn của mình cười to. Vô duyên và ngớ ngẩn. Như tối hôm ấy Hãn đã cười to tiếng thật sự khi thấy cái mồm của Lựu há ra để ca bài hát Mỹ trong một trà thất. Tại sao cái mồm đầy môi và cái giọng đầy lưỡi đó lại đem ra một chốn công cộng như thế nhỉ ? Hãn hỏi Ngạc : « Cậu thấy Lựu thế nào ? » — « Vẫn con người cũ, nhưng có phần đẹp hơn trước. » Có lẽ, thì ra từ cái buổi mà Lựu tự tử hụt đến giờ có đến một năm trời Hãn không gặp nàng. Chẳng giận đối gì cả, có nhiều khi mà những người thân nhất cũng tự dưng thấy bớt sự cần thiết gặp nhau. Hãn cho là một điều thường. Chứ sao. Cuộc đời thường thay đổi. Con người thường thay đổi. « À thằng Đại hồi này ra sao nhỉ. Đã lâu quá tôi không gặp hãn ! » Ngạc đáp : « Thằng ấy thì muốn năm vẫn vậy chứ gì. » « Lựu bây giờ vẫn đẹp tuy hơi già hơn trước. » Hãn bâng khuâng nhắc lại ý nghĩ của mình. Hai ngón tay chàng vờ vẽ củ lạc tròn nhẵn. Lựu mặc chiếc áo tím. Trông điệu bộ vui vẻ của nàng khi hát vẫn có một sắc thái buồn buồn. « Hay chỉ có mình cảm thấy vậy ? » Hãn đưa mắt nhìn xung quanh. Trong bóng sáng mờ mờ của những

ngọn đèn mắc trên tường những hình người ngồi dưới đều quay cả về phía Lựu. Giọng người con gái vút lên, tất cả dáng điệu của Lựu đều có một vẻ kèn kiêu lạ thường. Qua làn phấn mỏng Hãn thấy thoáng hiện một vài nếp nhăn rất mỏng. Vì tháng năm. Vì những cuộc tình duyên qua đi trong đời Lựu. Trong số đó có Hãn, có Đại. Nhưng tất cả đã xa quá rồi còn gì. Ngạc bảo : « Cậu thấy không, Lựu nhìn thấy chúng mình rồi nhé. » Hãn gật gật cúi đầu không đáp. Đôi mắt Lựu lim dim nhìn chàng qua cái không khí ngọt ngào của căn phòng đầy khói thuốc. Đôi môi Lựu vẫn tròn và cái giọng của nàng ngọt đến độ ăn được như một trái chín. Hãn chẳng có thể tưởng một con người như thế mà có lần thất vọng về tình duyên đến đôi tự tử. Lựu đã uống hết hai ống thuốc ngủ. May mà người nhà biết kịp chở vào nhà thương. Hãn nhớ dáng điệu hốt hoảng của Đại lúc đến báo tin dữ đó. Hãn chỉ hơi ngạc nhiên, chàng không thấy xúc động nhiều. Cái chết cũng như cái sống đối với chàng chỉ là một điều dĩ nhiên. Trước và sau. Thật ra Hãn không phải là kẻ ghét bỏ cuộc sống. Nhiều khi say mê, nhiều khi thật ghê lạnh với những gì chàng không thích nữa. Ngạc thường cho rằng Hãn là một kẻ dễ đổi tính, dễ lung lạc. Hãn cười gật đầu. « Lựu không chết chứ ? » Đại mặt nhợt nhạt như người chết trôi. « Có lẽ không, tôi được tin vừa đến nhà thương rồi đến báo cho cậu ngay ». Hãn bảo : « Ờ rồi tôi sẽ vào thăm, cậu cho tôi biết số buồng nhé. » Rồi mấy hôm sau chàng cũng không đến. Chàng chỉ thăm căn bệnh của Lựu qua lời thuật của Đại. Lựu không chết. Thế là được rồi. Hãn thấy Đại chăm chút đến Lựu cũng thấy thương hại. Chỉ mấy hôm trời Đại gầy mấy kí. Mặt chàng cũng tái đi như mặt của Lựu vậy. Có đêm Đại lên cửa nhà thương vào ngồi cạnh bên giường Lựu. Về sau nghe kể như vậy Hãn thấy Đại cũng khá chung tình. Ít ra cũng hơn chàng. Hãn nghĩ rằng nếu chỉ vào thăm Lựu lúc nàng mê mẩn thì chẳng ích gì, trái lại còn thêm bận rộn những thân nhân của nàng. Nhưng thâm tâm Hãn cũng biết rằng đấy chỉ là cái lý lẽ bội bạc của mình. « Ta cần phải yêu say mê như Đại, chung thủy như Đại mới phải. » Khi Lựu bình phục hẳn, Đại lên tự động rút lui ra khỏi cuộc đời của Lựu không kèn không trống. Còn Lựu sau khi đẻ xong một đứa con trai, nàng nghỉ một thời gian rồi đi hát. Từ đó nàng thấy yêu đời hơn. Đã có lần cái chết chừng gang tấc, Lựu thấy lẽ sống của được đời là quý. Nàng lại bám vào cuộc sống phản bội mà ca hát.

— Anh Hãn hồi này ra sao ? Lựu kéo ghế ngồi vào bàn.

— Vẫn thế, Lựu biết anh Ngạc đấy chứ ?

— Biết. Đã gặp anh mấy bận rồi. Hồi này anh ra sao ? Hãn lắc đầu cười đáp : « lãng nhãng ». Chàng cảm thấy mình lười lười vô chừng. Sống giữa những tình cảm sơ bỏ những cái lắt léo của cuộc sống thường nhật chàng thấy mệt mỏi hết sức. Nhiều khi Hãn

cảm thấy ở đáy tâm hồn mình những âm hưởng hằn học : « rồi mày sẽ chết không để lại gì đâu. » Không để lại gì. Vậy thì cuộc sống đây làm sao không hưởng thụ, làm sao không sống, làm sao không yêu. Chàng thấy phân vân, chập choạng trong đời như một gã say. Trong phút giây cái đau xót của gã lính chiến trở về già lại bùng cháy. « Mình sẽ tạo một cái gì. » Ngọn lửa đầu thuốc lá của Ngạc vẫn cháy. Giọng người ca sĩ thay Lựu hát lên. Và tà áo tím của Lựu vẫn ôm gọn lấy thân hình mảnh dẻ ấy. Bàn tay Lựu trắng xanh dưới ánh đèn, Lựu nói : « Hồi này anh thấy em có gầy không. Em lại bắt đầu ho mới khở chứ. Vậy mà vẫn chưa có thì giờ đi khám bác sĩ. » Nhưng Hãn còn bận nghĩ tới tấm thân của Lựu đã có lần nằm gọn trong cánh tay chàng. Và Hãn thấy nhớ, nhớ tràn đầy hương vị của làn da Lựu. Ngạc nói : « Tôi vừa bắt đầu mê giọng hát của cô. » Lựu cười chua chát : « Anh quá khen, hồi trước trẻ đẹp hát mới có người mê. Nay thì lỡ thời rồi còn gì. » Nàng tính thầm : Mới 4 năm trời, mà đã như 40 năm. Mình mới 22 tuổi, 22 năm trên vai, một cuộc tình, một cái chết dở.

— Em không ngờ lại yêu Yên ghê thế. Anh có biết Yên không nhỉ. Nhưng bây giờ thì thật hết. Em chỉ còn một kỷ niệm của y là thằng nhỏ 5 tháng. Hồi đầu em đâu có mê hãn. Thấy y làm bộ chung tình lại có vẻ quỳnh nên dần dần em thấy thương rồi yêu thật đến nỗi tưởng một hai lấy nhau cơ đấy. Nhưng mà em nhầm. Y bỏ rơi em cũng dễ dàng như lúc y quý xuống chân em khóc mà bảo rằng yêu em. « Nhưng anh thì cũng vô tình như thằng cha Yên của em chứ gì. May mà Lựu chẳng yêu mình. Nhưng biết đâu tôi lại chẳng đã yêu nó. Biết đâu. Và cũng chẳng bao giờ mình lại có thể khóc để ăn mày một tình yêu. Chẳng bao giờ. »

— Thế rồi sao mà Lựu tự tử ? — Ngạc hỏi :

— Vì em thất vọng quá khi thấy tình yêu của mình bị sụp đổ tàn nhẫn quá. Anh có biết rằng em đã xây bao nhiêu mộng đẹp không. Nhưng may mà em không chết. Nếu chết thì linh hồn em còn oan ức biết bao nhiêu.

Lúc ra đường Ngạc và Hãn cả hai đều không nói với nhau câu gì, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ. Đi một hồi trong mấy phố vắng Hãn chợt bảo : « Tôi muốn về bây giờ » — « Làm gì ? » — « Chẳng làm gì cả. Ngủ. » Ngạc gật đầu. Hãn vẫy taxi, đi.

Bóng đêm dài ngun ngút, chán chường kéo dài trên mỗi bước chân. Ngạc bỗng mong muốn một trận mưa. Và như thế thì mặt đường sẽ nhẩy bóng như một tấm gương lớn. Nghĩ tới Lựu, Ngạc thấy thương hại, chàng cho rằng mình đã có chút lần ác khi nãy đã khen Lựu đẹp. Thật ra Ngạc không rung cảm trước Lựu. Chàng hình dung một nàng ca sĩ khác : Tương Chi. Đôi môi ấy mới thật là ngon. Lúc hát đôi mắt Chi xa xăm có khi nhắm lại. Ngạc thấy gọi cảm hết sức.

.

Sáng hôm sau trở về nhà Ngọc nhận được hai lá thư gửi cho chàng từ chiều hôm trước. Một của Triệu ở Ba-Lê. Một của Uyên. Thư của Triệu có những đoạn như: « Các cậu ở nhà hoạt động ra làm sao, hồi này làm những gì? Tôi ở bên này đang đọc nhiều về những tác giả mới, và cũng tiếp xúc với một số trí thức trẻ tuổi — Tôi lại mới quen một cô đẹp lắm — à la manière de Brigitte Bardot — nàng học ở Đại học. Tôi đang bắt đầu sửa soạn một chương trình tấn công ». Ngọc cười gằn: « ở ít ra đời của nó cũng có nghĩa lý hơn của mình. Vì nó được đi xa ». Chẳng bao giờ Ngọc muốn viết thư cho Triệu. « Chỉ chúng nó đi xa mới có chuyện viết cho tại mình ở nhà chứ mình sống ngó ngàng như thế thì làm gì có chuyện đề viết ». Ngọc thường nói với bạn hữu như vậy. Tuy nhiên Triệu hàng tháng cứ viết thư gửi về nào là chuyện học hành, chuyện tình duyên đến bốn, năm trang giấy pơ-luya. « Cái thằng ở nhà thì mình chẳng coi ra gì vậy mà xuất dương cũng có vẻ lắm. » Ngọc với tay rót một ngụm nước lọc uống rồi vo viên lá thư bỏ vào túi với ý định sẽ đưa Hân, đưa Bản đọc chơi. Lá thư của Uyên ngắn ngủi, từ Nha-trang gửi vào đại khái nói nàng bị ốm muốn gặp Ngọc. Chỉ có thế.

Ngọc bâng khuâng gấp lá thư trong một cuốn sách để đầu giường. Uyên cần nhờ chàng có việc gì? Hình ảnh người đàn bà gặp trong chuyến xe lửa ngày Ngọc từ bỏ Hà-nội xuống Hải-phòng để di cư vào Nam bỗng hiện trong trí nhớ. Uyên mặc chiếc áo dài đen, cái màu mà Ngọc thích nhất, đôi mắt ướt mở to. Nàng ngồi trên chiếc ghế dài trước mặt Ngọc sau những đồng hàng hóa bày la liệt dưới sàn tàu. Thỉnh thoảng Ngọc bắt gặp đôi bàn tay búp măng đưa lên vuốt mấy sợi tóc rối xòa trên khuôn mặt trái xoan và những lần đó đôi mắt đen láy lại thấy nhìn Ngọc qua những búp tay trắng nõn. Vốn sẵn cái rung cảm trước mọi đàn bà hướng chỉ lại là một người con gái đẹp nên Ngọc cảm thấy có thể yêu Uyên. Tàu bắt đầu đi qua vùng đại trắng rồi đỗ lại. Chỗ này là biên giới giữa hai khu vực khác nhau. Hành khách bắt đầu nhón nháo sửa soạn giấy tờ. Ngọc quay sang Viên đập vào vai bạn đánh thức dậy. Viên bỏ tờ báo che mặt quay nhìn ra ngoài khung cửa ngáp, nói: « Qua vùng đại trắng rồi đấy rồi à. Mấy hôm không ngủ bây giờ thấy muốn ngủ quá. Có thể quên cả trời đất. » Rồi quay sang Đỉnh ngồi cạnh. « Có phải không ông bạn? » Đỉnh lại là bạn của Viên nhưng không quen Ngọc, nhưng trên một chuyến tàu và lại là bạn đồng hành người ta có thể quen nhau dễ lắm chứ. Nhưng thật ra từ lúc rời cầu Long Biên, Ngọc chẳng có thì giờ nói chuyện với Đỉnh mặc dù có sự giới thiệu sơ sơ của Viên. Chàng mãi nhìn người con gái áo đen không nói không rằng ngoại trừ một vài câu nói vờ vẩn. Thành thử Ngọc rất ngạc nhiên khi thấy Đỉnh bảo cô gái bằng giọng thân mật: « Chị Uyên có cần ăn uống gì không. Chỗ này tàu thường đậu vào khoảng nửa giờ hay hơn nữa cơ đấy. » Uyên gật đầu

lặng lẽ đứng dậy : « Đề chị đi mua mấy thứ gì ăn. » Ngạc nhìn theo dáng của Uyên len qua những thùng mủng rồi bước ra phía cửa. Bấy giờ ánh nắng lên to xuyên qua lớp quần áo của Uyên làm gọn một vài đường thật gợi cảm, và tai Uyên ửng đỏ qua làn nắng giống như một miếng than hồng. Uyên đẹp mà Uyên lại là chị của Đỉnh. Thế mà từ khi ở sân ga Hà-nội chàng lại không để ý. Thật là điều không thể dung thứ được. Ngạc tự trách mình. Chàng cố lấy giọng tự nhiên hỏi Đỉnh : « Cô Uyên có họ với anh ? » — « Vâng chị ấy là chị họ của tôi. Gia đình đã vào Nam từ trước, chỉ có chị ấy ở lại lo liệu công việc còn lại đến bây giờ mới đi được. Còn tôi thì vì bạn bè giữ lại đến nay mới quyết định xuống Hải-phòng. Vì thế chị ấy đi cùng cho vui » — « Thế mà tôi không biết. Anh chẳng giới thiệu từ trước. » — « À có khó gì, đề chốc chị ấy quay lại tôi sẽ giới thiệu đôi bên » Viên khôi hài : « Có lẽ ông bạn tôi lại bắt đầu thấy xao xuyến con tim sắt đá rồi chăng ? » Đỉnh cười bảo : « Điều ấy thì hơi khó đấy nhé vì theo chỗ tôi biết chị ấy đã có *fiancé* rồi », Ngạc bỗng thấy đau nhói trong tim. Chàng quay nhìn đi chỗ khác. Bên ngoài các hàng quà bánh rao nhộn nhịp. Và người ở cái vùng đai này buôn bán mới sầm uất. Những khách trên tàu bước xuống đông đảo, kẻ đứng người ngồi bên cạnh đường rầy. Lớp cổ của dọc dài hai bên đường tàu ủa vàng. Ngạc cùng Viên và Đỉnh bước xuống đứng ở cạnh toa xe. Chàng để ý tìm bóng Uyên. Một lúc sau chàng thấy Uyên hiện ra giữa đám người đông đảo đó, tay cầm mấy gói quà to tướng. Trông má nàng ửng hồng vì nắng gắt lại lấm tấm chút mồ hôi Ngạc thấy Uyên đẹp lạ. « Chả có hàng quà gì ra hồn cả, đành mua mấy thứ này vậy ». Vừa nói Uyên vừa đưa cho Đỉnh một gói bánh mì cặp chả và gói bánh giò. Nàng đưa mắt nhìn Ngạc và Viên giọng dần đo : « Mời cả các anh xơi nữa, tôi mua nhiều lắm. » Đỉnh vội giới thiệu hai người với Uyên, chàng tiếp : « Tôi cũng đăng trí không giới thiệu chị với các anh bạn này ngay từ lúc khởi hành. Nhưng thiết tưởng bây giờ vẫn chưa muộn. » « Thật ra chưa muộn lắm. Và lại còn may mắn cho mình là đang khác. » Ngạc tự bảo thầm. Chàng nói : « Thành thử mấy tiếng đồng hồ ngồi trên xe mà bây giờ mới được quen cô, thật tôi rất bằng lòng. » Uyên giơ tay vuốt mái tóc mắt chớp khẽ. Ngạc lại được thấy những ngón tay nhỏ trắng ngần và những sợi tóc nâu vương trong ánh nắng.

Lúc tàu chuyển hành thì Ngạc đã được biết đôi chút về Uyên. Nàng là chị trong một gia đình có ba người em nhỏ, cha nàng mất sớm. Gia đình Uyên đã vào miền Nam. Uyên nói chuyện tuy dè dặt nhưng rất hồn nhiên. Ngạc thấy sự tương phản đó rất thú vị. Chàng nhìn miệng Uyên rất có duyên, nói : « Tôi muốn biết địa chỉ của cô đề sau này vào Nam tôi sẽ có dịp liên lạc chăng ? » Uyên đáp : « Vâng ».

Gần tới ga Hải-phòng, Ngạc đã cảm thấy cái chuyển động của những con người đang giao động trước những tâm sự khác nhau. Ở

hay đi. Viên nhìn ra cửa sổ nói bằng quơ : Hải-phòng. Khi mọi người bước xuống sân ga thì Ngạc giúp Uyên mang mấy thứ đồ của nàng. Uyên hỏi chàng : « Thế anh không mang theo thứ gì khác hay sao ? » Ngạc vỗ chiếc cặp lớn : « Không, tôi chỉ có mang quần áo thay đổi, một vài cuốn sách mà thôi. Cô còn định ở Hải-phòng chừng mấy hôm nữa mới vào Sài-gòn ? » — « Có lẽ chừng dăm hôm nữa anh ạ, vì tôi còn bận một vài việc riêng và lại cũng cần xin giấy tờ nữa mới đi được. » Ngạc đặt va-li xốc lại cổ áo sẽ bảo : « Biết đâu chúng ta lại sẽ cùng đi một chuyến tàu một lần nữa. » Uyên cúi đầu không nói.

Lúc ra từ giã Uyên, Ngạc bắt tay Đình rồi nhìn theo hình ảnh Uyên xa hút đi mới thôi. Chàng xách cặp bảo Viên : « Tôi đi bộ một chút ngắm thành phố cậu nghĩ sao ? » — « Thì hãy về nhà bà chị tôi ở đường Cát Dài cất các thứ rồi muốn đi đâu thì đi. » Và trông dáng điệu thần thờ của Ngạc, Viên nói : « Lại si rồi hở ? »

Đứng trên chuyến tàu đêm đi Nha-trang, Ngạc cảm thấy như chàng đã làm một việc gì đáng kể. Với số tiền hai ngàn đồng mượn của Bản, của Hãn và của chàng còn lại Ngạc nghĩ thầm ít ra chàng cũng ở chơi Nha-trang được vài hôm để thăm Uyên và để nhìn lại cái quá khứ nhỏ mọn đó xem ngày nay nó đã ra sao. Tiếng bánh xe chạy trên đường rầy. Những hình người nhấp nhô trong toa xe. Sao những chuyến tàu đó có những tâm trạng giống nhau như thế. Bóng Uyên ngồi đấy, với mái tóc cắt ngắn đôi mắt mở to trầm lặng. Rồi Viên, Đình, Hải-phòng, phố xá. Rồi Ngạc. Sao lại không — « Chúng mình đi dạo phố một lát chứ, Viên » — « Anh chàng này chả cần nghĩ ngợi chi cả à ? » — « Cần gì, còn khoẻ chán. Tôi không buồn ngủ. Lại muốn xem thiên hạ sửa soạn ở lại hay vô Nam ra làm sao. » Ngạc nhìn những khu chợ Giời đông đảo. Người bán kẻ mua tấp nập hiện lên cả từ bước chân từ dáng điệu từ tư tưởng những con người trước ngã ba thời đại. — Thế ra chỉ có mình còn là rảnh rang, ít nghĩ ngợi nhất. — « Tôi sẽ ở Hải-phòng dăm bữa để xem xét thế nào rồi mới lấy giấy đi. » Ngạc bảo. — « Còn tôi thì chưa chắc đã đi. » Viên nói giản dị và sắc như một cái tăm vót nhọn. — « Vì ? » — « Vì tôi không định. Tôi muốn thí nghiệm ở lại với Cộng sản xem thế nào dù phải trả bằng một giá đắt » — « Thế thì tại sao cậu lại xuống Hải-phòng ? » — « Có lẽ là để tiễn một người bạn và nhân tiện cũng để nhận xét cảnh vật con người. » Ngạc đã đứng sững lại vì giận. Chàng ghét cái giọng ngán ngủi và sắc của Viên. Nó dội vào lòng Ngạc như những giọt nước rơi trên vũng bùn. — « Nó nói thế nhưng nó vẫn thương mình. Nó là bạn của mình ». Lúc ấy Ngạc thấy Viên chỉ ra phía đằng sau, chàng quay đầu lại. — « Có

Uyên », Ngạc nói. Trông thấy hai người Uyên bước lại. Nàng xách một cái làn mây. Chiếc áo dài nâu cũng gọi cảm như màu đen mà buổi sáng Uyên còn mặc trên xe lửa. — « Các anh đi dạo phố thôi chứ. » — Viên cười : « Vâng, và chúng tôi đương thảo luận về sự đi hay ở. » Uyên mở to mắt ngạc nhiên : — « Tôi tưởng các anh xuống đây để đi chứ còn thảo luận nổi gì. » — « Tôi thì có — Ngạc đáp — còn anh bạn tôi thì không, mỗi người một ý kiến mặc dầu chơi với nhau » — Uyên nói : « Các anh lạ lắm nhỉ » Viên đổi giọng : « Chắc cô Uyên bạn đi đâu. » — « Vâng, — má Uyên đỏ hồng — tôi cũng cần đi mua bán mấy thứ. » Mắt Uyên nhìn vào cổ áo của Ngạc, chàng thấy có một sự xao xuyến trong trái tim. « Không may không hề yêu, may chỉ rung động trước một nhan sắc đó thôi ». Lúc Uyên quay đi, Viên chỉ bảo Ngạc : « Cậu là một người có nhiều tình cảm, dễ yêu dễ ghét. Có phải lúc nãy cậu đã có ý nghĩ thù ghét tôi đấy phải không? » Ngạc không trả lời. Chàng mãi theo đuổi một ý nghĩ : non, je l'aime.



Ngã người trên thành ghế Ngạc nghe những tiếng bánh xe lăn đều đặn trên đường sắt. Gió lạnh phía ngoài lùa vào. Chàng lơ đãng nhìn khắp toa xe, ai nấy đều có vẻ mệt mỏi, người thiu thiu ngủ với đàn trẻ, người còn khe khẽ nói chuyện với nhau về gia đình, công việc làm ăn. Ngạc ti má vào đầu gối. Tiếng Uyên : « Anh Ngạc suy nghĩ điều chi mà đắm chiêu thế? » — « Tôi nghĩ đến những thằng bạn còn ở Hà-nội. Những điều họ nghĩ về tôi ra sao. Sự thật tôi không cần về điều đó nhưng nếu muốn biết là vì tò mò. Một thói quen. » — « Con người anh nhiều sắc mầu quá. Anh có bạn hữu nào hiện đang ở Sài-gòn? » Ngạc lắc đầu : « Gần như không có. Chỉ một anh bạn, anh ta vào Nam ngay sau hiệp định Giơ-neo. Còn ai nữa thì tôi chưa rõ. Cách đây ít bữa tôi nhận được lá thư của hân. Bây giờ làm ăn dễ chịu. Nhưng tôi đã trả lời cho hân bảo rằng tôi ở lại » — « Mà rồi anh lại đi? » — « Người ta thường thay đổi. Vả tại tôi cũng hay đổi tính. Còn cô có hay đổi tính không? » Uyên lắc đầu nói khẽ : « Không, Uyên không hay thay đổi! » Ngạc nhìn những tầng mây bay trên trời, phía dưới là những bọt nước biển trắng chạy dài theo thân tàu. — « Chúng mình đương lênh đênh trên đại dương. Ngày hôm nay là ngày thứ hai. Còn một hôm nữa là tới Sài-gòn. Một thành phố xa lạ chưa quen biết. Không biết Uyên nghĩ gì? » — « Uyên nghĩ đến những người thân mà Uyên sắp gặp. Đến ngày mai không biết sẽ ra sao. »

Chúng ta đã chọn một con đường tức là đã chọn một số phận mới. Ngạc nằm thanh sắt lạnh ở boong tàu. Trên những cột sắt sơn trắng chàng đọc thấy nhiều tên khắc ngang dọc. Phía dưới ghi những ngày tháng, nơi ở. Những chuyến đi. Những chuyến trở về. Những

tên người yêu : Isabelle, Anna. Chàng nghĩ đến những nét mặt bằng khuôn của những người thủy thủ trẻ tuổi, những nỗi buồn, những hân hoan, đợi chờ hiện trên những nét khắc khổ không đều đặn. Chắc chắn rằng trong mớ tên tuổi này có những kẻ đã chết. Có những kẻ hiện đang đi trên hệ đường Nữ Ước, Chicago. Những cuộc đời đã tắt đi, đã bắt đầu. Như chúng ta. Ngạc quay nhìn Uyên, nàng trở nên lạ lùng như một pho tượng thuở nào. Gió thổi lạnh phất phất những sợi tóc trên khuôn mặt trái xoan. Mặt nước một màu xanh thẫm. Bọt trắng chạy theo lườn tàu. « Đây là đại dương. Đã nhiều lần ta mơ những chuyến đi những đại dương xa tấp. Thi đây một chuyến đi. Ta có cảm xúc gì. Cũng chỉ một nỗi buồn vô duyên cớ. Ồ tại sao nàng lại đi ». Ngạc tự hỏi đó có phải là thói bướng bỉnh của chàng hay không. « Tao đi để làm cho phía bên kia bớt chênh lệch phần nào. Vì mới có một thằng Hân — Chàng nhớ đã bảo với Thạch như vậy — Còn chúng mày ở đây nhiều quá rồi cần gì thêm một tao nữa. Nào là thằng Lang, thằng Thiệu thằng Trinh và mày và vân vân. » Trong lá thư để lại cho Trinh, Ngạc viết những dòng này trước khi lên tàu xuống Hải-phòng : « Tao lại đi tìm một lối thoát nữa và tao biết chắc có ở lại cũng không tìm thấy một chân lý nào thêm hơn cả. Tao đã sống với Cộng sản mấy tháng trước khi họ tiếp thu Hà-nội, họ cũng đưa ra nhiều lý lẽ vững vàng lắm, để sống cho tương lai. Kề ra thì lắm khi lý lẽ họ cũng phải. Nhưng cứ suy xét tao lại thấy một cái gì thật sai lạc. Tao nghĩ rồi. Tao không muốn làm một viên gạch nung đều đặn như trăm ngàn viên gạch khác cùng được luyện trong một cái lò. Tao muốn trở nên một cái gì khác. Đây cũng là một lý lẽ để tao đi. Dù chúng mày chửi tao cũng mặc. Dù chúng mày chửi tao suốt một đời người. » « Nhiều khi ta đã chửi ta mãi rồi còn gì nữa. » Ngạc nhìn Uyên : « Sao Uyên không xuống ca-bin kéo lạnh » Uyên xốc cò áo len choàng ngoài bảo : « Bây giờ thì lạnh thế, mai kia vào Sài-gòn lại nóng phải biết » Nàng nhìn ra ngoài khơi. Có một sự im lặng từ bề xa thắm vào buổi chiều. Tiếng máy gầm gừ đều đặn. Ngạc gật đầu : « Đây là sự thay đổi của trời, hay là của hai miền Nam Bắc. » Nhiều gia đình giải chiếu lên boong ngồi hóng gió bắt đầu sửa soạn đi xuống phía dưới hết. Ngạc nghĩ tới những chiếc couchettes chồng lên nhau dưới hầm tàu. Hơn một ngàn năm trăm mạng nằm chồng chất lên nhau như những con cá hộp. Trong thời gian làm cá hộp đó họ đã ăn cá hộp, thịt hộp, cơm hấp và những món canh không có chút muối nào để sống. « Để cho nó thay đổi một phần nào lối sống hằng ngày. » Ngạc bỗng bật cười. Mười năm chiến tranh ngu xuẩn. Một cuộc di cư. Hai mươi năm triệu tâm trạng hiện hình bằng bao nhiêu sắc thái khác nhau. Còn mình ? Trên một con tàu chiến. Đi, đi, đi. Một nơi nghỉ ngơi của tâm hồn : Uyên. Một người con gái, một niềm yêu bỗng chớm nụ như hư vô. Mais c'est tellement compliqué.

đó làm gì? Nó muốn chiếm chỗ của tôi? Nó muốn ăn cắp? Nó muốn xin tôi? Nó muốn đến với tôi?... Nhiều câu hỏi cùng đến một lúc. Sao nó là con gái mà lại ngồi ở đây? Sống ở ngoài đường giữa khuya? Sao nó không về nhà mà ngủ hay tìm một chỗ nào đó mà rúc cho yên thân tôi. Khoảng mái hiên này có tốt đẹp gì. Khu phố này hồi hám tôi đã làm quen. Nếu tôi không coi chừng thì họ đã tìm cách tống đi — hay gọi xe cây nhặt về tập trung một chỗ. Chắc nó tưởng chỗ này tốt đẹp lắm. Nhưng nó cũng phải biết tôi chỉ quen khu này, nếu nó chiếm của tôi thì tôi sẽ đến đâu? Nó muốn ăn cắp? Tôi thì còn gì để nó móc nữa ngoài cái quần lính, chiếc áo sọc đen và đôi giày ba-ta cộc cạch, có một chiếc ví da nát với ảnh một cô gái ăn mặc hở hang tôi bỏ trong túi với tấm thẻ kiểm tra thi đưa nào đã móc mất từ lâu. Quần áo tôi mặc trong người làm sao lột được. Tôi có gì để nó xin. Còn gì để nó đòi đến với. Lạ thật. Nhưng sự có mặt của nó làm tôi không thể nằm im.

Tôi ngồi dậy và thu mình ngồi về phía đầu hiên đối diện với nó. Ánh đèn mắc ở trên tấm bảng hiệu hắt xuống cho tôi nhìn đứa con gái một cách rõ ràng. Cả hai đứa ngồi im bất động, cùng đưa mắt nhìn từ đầu đến chân. Tôi lấy tay kéo lại chiếc quần. Nó cũng chỉ tuổi tôi hay ít hơn. Dáng người bé nhỏ mặc quần áo bà ba đen tóc bỏ xõa xuống vai bù rối. Mặt nó tròn xoe và bầu bĩnh. Đôi mắt lớn. Nước da có vẻ đen đui và trên mặt nổi mụn sần sùi, đôi chân bầu bĩnh của nó để đều đặn dưới hiên, nó ngồi bó gối rất gọn gàng. Tôi tức bực nhìn đôi mắt mở lớn của nó như dò hỏi thách đố tôi. Tôi mệt mỏi, đôi mắt mờ và như hoa lên một lúc. Tôi úp hai tay lên mặt và dụi gan bàn tay vào mắt cho tỉnh táo. Những câu hỏi rất vu vơ lại tìm đến. Tôi chán nhìn đứa con gái đảo mắt ra ngắm phố đêm như không quan tâm đến người ngồi trước mặt. Nhưng tôi không im lặng được lâu. Tôi quay lại nhìn nó. Hình như nó hơi mỉm cười. Tôi nói lớn:

— Muốn gì vậy?

— Muốn ngủ.

— Thì ai cấm, nhắm mắt lại ai ta thêm ăn thịt.

— Không ngủ ngồi được.

— Nằm xuống.

— Thế còn mày?

Tôi lặng thinh. Hóa ra nó muốn được nằm vào chỗ tôi để ngủ. Nó bé sao khinh tôi. Mày. Nghe hay thật. Tôi lăm bầm — quân xâm lăng khốn kiếp, giang sơn người ta khốn nạn thế này còn dòm đến. Sao những chỗ cao sang to lớn không đến. Thật khốn kiếp với nhau quá. Mình chịu thua rồi.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

tiếng động trên da thú

TÔI thức dậy sau một giấc mơ ngắn. Tôi nhớ xem người đàn ông đến hỏi tên tôi đó là ai — Tôi cố gắng tìm tôi một người cao dong dỏng, chân thấp chân cao và đôi tay dài xuống quá đầu gối nhỏ như một thân sậy khô. Thân dáng có vẻ ngây ngô ấy mặc một chiếc áo dài màu xám. Tôi cố nhớ khuôn mặt, nhưng tôi không nhớ một nét nào — đó chỉ là một khuôn mặt tối đen không rõ mắt mũi — ngoài một vài sợi tóc hơi lay động. Tôi thấy người đó cầm lấy tay tôi rất lâu, một cảm giác ấm áp mơ hồ — người đó nói với tôi rất nhiều, giọng nói nhỏ nhẹ chỉ gây lên một chuỗi âm thanh trầm trầm — nhưng sau rốt tôi nghe rõ ràng người ấy hỏi tôi tên là gì. Tôi ấp úng tìm kiếm để trả lời nhưng không được. Người đó chừng như cáu giận nên quát lớn làm tôi thức dậy. Giấc mê có vẻ lạ lùng. Từ nhiều đêm nay tôi cứ nằm xuống chợp thiếp đi là mê sảng, những giấc mê đó mang đến tôi những kỷ niệm về quá khứ, nhưng giấc mê tối nay hoàn toàn tôi không tìm thấy dấu vết. Có lẽ đêm đã khuya lắm. Tôi không thể biết giờ giấc, khung cảnh đường phố vẫn như nhiều đêm. Tôi nhìn về những cột đèn đứng im, hàng giấy thép chẳng từng vệt ánh sáng, những đỉnh cây chụm vào nhau thì thầm, một chút một, khoảng trời với mấy ngôi sao hiện ra. Mấy chiếc xe vận tải còn đỗ ở mé bên kia đường. Không còn một bóng người nào thoáng hiện.

Tôi cựa mình trên khoảng hiên gạch úp mặt vào hàng cửa sắt muốn giấc ngủ tìm đến. Tôi duỗi chân cho đỡ lạnh cóng và rời rã, bỗng tôi đập phải một vật gì êm và ấm. Tôi ngàng cổ nhìn lên: một đứa con gái ngồi đó nhìn tôi.

Tôi bỏ đầu xuống nằm im. Khoảng mái hiên nhỏ đủ cho một người nằm tôi đã chiếm từ nhiều đêm không có ai lai vãng tới. Tôi thấy yên thân. Sự có mặt của đứa con gái làm tôi khó chịu. Nó ngồi

đó làm gì? Nó muốn chiếm chỗ của tôi? Nó muốn ăn cắp? Nó muốn xin tôi? Nó muốn đến với tôi?... Nhiều câu hỏi cùng đến một lúc. Sao nó là con gái mà lại ngồi ở đây? Sống ở ngoài đường giữa khuya? Sao nó không về nhà mà ngủ hay tìm một chỗ nào đó mà rúc cho yên thân tôi. Khoảng mái hiên này có tốt đẹp gì. Khu phố này hơi hám tôi đã làm quen. Nếu tôi không coi chừng thì họ đã tìm cách tống đi — hay gọi xe cày nhặt về tập trung một chỗ. Chắc nó tưởng chỗ này tốt đẹp lắm. Nhưng nó cũng phải biết tôi chỉ quen khu này, nếu nó chiếm của tôi thì tôi sẽ đến đâu? Nó muốn ăn cắp? Tôi thì còn gì để nó móc nữa ngoài cái quần lính, chiếc áo sọc đen và đôi giày ba-ta cộc cạch, có một chiếc ví da nát với ảnh một cô gái ăn mặc hở hang tôi bỏ trong túi với tấm thẻ kiểm tra thì đưa nào đã móc mất từ lâu. Quần áo tôi mặc trong người làm sao lột được. Tôi có gì để nó xin. Còn gì để nó đòi đến với. Lạ thật. Nhưng sự có mặt của nó làm tôi không thể nằm im.

Tôi ngồi dậy và thu mình ngồi về phía đầu hiên đối diện với nó. Ánh đèn mắc ở trên tấm bảng hiệu hắt xuống cho tôi nhìn đứa con gái một cách rõ ràng. Cả hai đứa ngồi im bất động, cùng đưa mắt nhìn từ đầu đến chân. Tôi lấy tay kéo lại chiếc quần. Nó cũng chỉ tuổi tôi hay ít hơn. Dáng người bé nhỏ mặc quần áo bà ba đen tóc bỏ xõa xuống vai bù rối. Mặt nó tròn xoe và bầu bĩnh. Đôi mắt lớn. Nước da có vẻ đen đui và trên mặt nổi mụn sần sùi, đôi chân bần thỉu của nó đều đặn dưới hiên, nó ngồi bó gối rất gọn gàng. Tôi tức bực nhìn đôi mắt mở lớn của nó như dò hỏi thách đố tôi. Tôi mệt mỏi, đôi mắt mờ và như hoa lên một lúc. Tôi úp hai tay lên mặt và dụi gan bàn tay vào mắt cho tỉnh táo. Những câu hỏi rất vu vơ lại tìm đến. Tôi chán nhìn đứa con gái đảo mắt ra ngắm phố đêm như không quan tâm đến người ngồi trước mặt. Nhưng tôi không im lặng được lâu. Tôi quay lại nhìn nó. Hình như nó hơi mỉm cười. Tôi nói lớn : —

— Muốn gì vậy?

— Muốn ngủ.

— Thì ai cấm, nhắm mắt lại ai ta thêm ăn thịt.

— Không ngủ ngồi được.

— Nằm xuống.

— Thế còn mày?

Tôi lặng thinh. Hóa ra nó muốn được nằm vào chỗ tôi để ngủ. Nó bé sao khinh tôi. Mày. Nghe hay thật. Tôi lăm bằm — quân xâm lăng khốn kiếp, giang sơn người ta khốn nạn thế này còn dòm đến. Sao những chỗ cao sang to lớn không đến. Thật khốn kiếp với nhau quá. Mình chịu thua rồi.

— Cái gì làm bầm vậy ?

— À tao bảo mày là một nàng tiên.

Đứa con gái rú lên cười ròn tan, nó cười hồn nhiên, tôi nghe tiếng cười nhọn thanh như những thỏi kim khí đụng vào nhau.

— Im không chừng nó thức dậy lại tống cổ đi bây giờ. Đấy tao nhường cho đấy. Tao hết ngủ rồi. Tao ngồi cũng được. Nhưng mai đừng làm thế nữa.

Nó không nói thêm cầm lấy một gói nhỏ thu trong lòng bỏ ra làm gói rồi nằm đè đầu về phía tôi. Nó ngoảnh mặt ra đường. Tôi nhìn vẫn thấy nó mở mắt.

— Một nàng tiên hiện đến đủ sung sướng rồi, ngồi suốt đêm cũng được.

Nó nhắm mắt và ngủ. Tôi ngồi nhìn ra mặt sông chờ mặt trời hé lên.

Khi mặt đường bắt đầu rộn tiếng xe chạy, người ta trở dậy với sinh hoạt một ngày sắp khởi đầu tôi lại đau đớn. Tôi không biết làm gì sau khi ở nhà thương ra. Trước khi bị bệnh, tôi làm kẻ rửa xe hơi cho một ga-ra lớn — nhưng bệnh thương hàn tim đến khiến tôi phải vào nhà thương — khi bệnh sốt khỏi hình như trong thân thể tôi manh nha một nguồn bệnh khác tôi không tìm ra tên. Tôi không còn đủ sức khỏe để làm việc. Ở bệnh viện không cho tôi điều dưỡng vì những người bệnh nặng hơn tôi quá nhiều cần được cứu chữa ngay. Còn tôi đã có hy vọng sống sót nên không được dung nhờ nữa. Tôi muốn bệnh nặng tái phát nhưng không được và tôi lang thang ở ngoài đường xin xỏ, nhặt nhạnh, ăn cắp để sống tối về mái hiên nằm ngủ cho qua đêm.

Tôi thường la cà vào nhà ga, vào những trạm thông tin đọc các tin tức, thông cáo lật vạt — những hình ảnh trong nước và ngoại quốc. Nào là những tin tức về phát minh khoa học, về hỏa tiễn, bom nguyên tử. Những thứ thuốc mới công hiệu. Phương pháp canh tác mới. Nào tin hội nghị này hội nghị khác liên tiếp. Rồi những dự định về tương lai của con người. Đồng thời với những tin tức tiên tri về số phận nhân loại, ngày tận thế. Tôi coi những hình ảnh về động đất ở Chili, về những cuộc dấy động ở Nam Phi. Người chết, nhà đồ... Nhưng tuyệt nhiên tôi chưa hề được xem một hình ảnh nào, tin tức nào nói đến những kẻ lang thang nhỏ bé như tôi. Số phận nhỏ nhoi khốn kiếp của tôi thật không can dự gì đến ai cả. Và tôi thấy họ có lý. Tôi đi giữa đám đông để thấy mình tách rời khỏi đám đông ấy. Tôi tự cho đã là vua, là quan, là lính, là dân, là tù, là nô lệ ở một thế giới mà tôi đóng tất cả các vai đó. Còn thế giới đám đông kia thì họ chia nhau mỗi người một vai để hành hạ, đánh đập lẫn nhau. Như vậy tức họ thua tôi và khốn nạn hơn tôi.

Tôi đi lang thang cùng khắp, nhớ từng tên đường, tiệm ăn, trường học, những xóm anh chị. Tôi có thể làm kẻ hướng đạo cho bất cứ người khách lạ nào đến thăm thành phố này. Tôi nghĩ đến một ngày tự nhiên tôi khỏe mạnh. Tôi chưa hiểu tôi còn sống như thế này đến bao giờ. Mặt trời bắt đầu hé lên khỏi mặt sông. Chuông nhà thờ đổ hồi. Người ta đã đi ra ngoài đường. Căn nhà cửa sắt đã bật đèn trở dậy. Đứa con gái vẫn ngủ say. Giấc ngủ như thế tôi chưa bao giờ tìm thấy. Tôi thấy thương hại nó.

Tôi để bàn tay lên vai và lay nó, mới đầu còn nhẹ, sau tôi phải lay rất mạnh nó mới cầu nhàu thức dậy.

— Dậy mà đi không chừng nó mở cửa thấy lại ăn đòn con ạ... Dậy, dậy mau sáng rồi đấy.

Nó ngồi dậy, cầm gói vải thu vào lòng một dáng điệu quen thuộc như đã làm nhiều lần. Nó dụi mắt nhìn tôi. Nó đứng dậy vươn vai chiếc áo co lên để hở một vòng da bụng. Nó lấy tay vuốt vuốt mớ tóc rối bù như mớ cỏ khô. Tôi thấy thương hại nó. Đứng ra một đứa con gái như nó phải được sống trong một mái nhà với một người mẹ, một người bà, một người chị — hay với một đứa bạn — một tình nhân. Để có thể có một tấm gương lớn soi hết người — hay một mảnh gương vỡ mà soi mặt vào đấy — và chải đầu bằng một chiếc lược. Nó không có. Nó không được sống như một đứa con gái. Nó là một con vật như tôi. Tôi buồn bã để nó ngồi đó. Tôi đi về phía tiệm ăn ở đầu phố. Tôi nghĩ đến đôi mắt lớn của đứa con gái nhìn theo.

Suốt một ngày lang thang không lúc nào tôi không nghĩ đến đứa con gái của tối hôm trước. Khi thành phố lên đèn, tôi trở về mái hiên cũ. Cửa tiệm mười giờ mới đóng. Tôi ngồi ở góc đường nơi cửa tiệm ăn, có một hàng thuốc lẻ. Tôi tìm kiếm thật nhanh những mẫu thuốc lá còn lại, tôi nhặt bỏ vào tờ giấy rồi mang ra cột đèn xổ bỏ giấy. Đủ các loại thuốc khác nhau vàng, đen, thơm, hơi lẫn lộn — tôi có một thứ thuốc đặc biệt để cuộn vào giấy báo mà hút. Tôi cuộn lấy một điếu lớn và dài châm lửa rồi ra ngồi bên mấy người phu xích lô đang hát vọng cổ. Họ tụ tập bốn năm người và thay phiên nhau hát đủ điệu với tiếng đàn buông từng quãng.

Khi thấy cửa tiệm đóng tôi tìm về mái hiên, đứa con gái đã ngồi ở đấy. Tôi khó chịu nhìn nó hồi lâu.

— Sao không kiếm chỗ khác. Con gái gì lại ngủ ở ngoài đường?

— Ờ, thế sao con trai lại không ngủ ở trong nhà — Nó nói hơi chột nhả rồi cười thành tiếng như đùa cợt với tôi.

— Thế bắt tao nhường cho mày ngủ nữa sao?

— Chia ra, hay là nằm chung?

— Không, mày là con gái.

— Thì thay phiên ngủ — bây giờ mày ngủ tao thức, rồi chút nữa mày thức tao ngủ.

— Điên, sao không tìm chỗ khác.

— Chỗ nào ?

— Tao không tin. Con gái gi... thế mày ngủ ở ngoài đường lâu chưa ? Chuyên nghiệp à ?

— Từ lâu, nhưng cũng có khi không, mày tưởng chứ cũng có khi tao vào nhà lâu, rồi nhà lá, ngõ hẻm, hoặc trên xích lô, dưới găm xe, thường chỉ một đêm — cũng có khi vài đêm nhưng ngày thì người ta đẩy ra đường.

— Thế ăn uống ?

— Làm một đêm thì đủ ăn một ngày. Có khi vài ngày tùy khách. Có khi chỉ được một miếng thuốc, hoặc mẩu bánh mì — nhiều là bốn năm chục. Có khi còn bị hành hạ đủ thứ mà không được gì, chỉ ốm xác. Nhiều kẻ khốn kiếp lắm. Giá tao đẹp thì kiếm được nhiều tiền. Chứ xấu thế này. Khốn nạn thật. Nhiều lần tao gặp cả những đứa trạc tuổi mày nữa. Tụi trẻ súc vật hơn hết. Thế mày ?

— Hừ, Tao không kham nổi ? Tao quen sống một mình.

— Thôi đi đừng làm phách. Hay là trăm con. rồi. Tao chán đạo đức lắm.

— Này cầm, nếu không tao bóp cổ chết. Thật chưa bao giờ tao nghĩ đến.

— Tao nhìn vào mày và tin là thật. Mày phải kiếm con vợ cho khá mới được. Phải có chí thì sau thế nào cũng được. Tao thấy mày ngủ đây thì buồn lắm. Làm thân con trai...

Tôi bỏ dở câu chuyện nằm xuống hiên. Đưa con gái lấy thuốc của tôi cuộn mà châm hút. Nó nói làm tôi đau nhói. Làm thân con trai phải cần bơ cầu bất thế này. Tôi nằm ngoảnh mặt ra ngoài và nói tiếp :

— Chỉ tại tao bị đau mới ở nhà thương ra nên thất nghiệp. Rồi tao phải kiếm ra tiền. Tao sẽ mua một cái nhà.

— Mày thích nhà thế nào ? Biệt thự à ?

— Không cần lắm. Một nhà nhỏ có mái, có cột, có hiên, có một khoảng vườn nhỏ, có giếng nhỏ...

— Nền trồng cây vú sữa, bóng mát lắm.

— Đúng đó, mình trồng ổi, na... rồi hoa nữa.

— Nhà lát gạch. Rồi cưới vợ. Rồi có con. Rồi mỗi buổi tối đi làm về nhìn vợ bế con làm lụng, chồng đọc báo.

— Chà hạnh phúc quá ta.

— Rồi con lớn lên, mình có cháu sẽ nuôi bộ râu, sắm bộ ấm Thủ Đức — mỗi buổi sáng sai cháu đích tôn pha trà cho ông nội ngồi rung đùi ngâm Đường thi.

— Thôi ngủ đi cha nội, toàn chuyện đầu đầu.

— Thế mày không nghĩ đến tương lai à, con gái thì phải ở với bố mẹ chứ.

— Mày làm như tao không có bố mẹ. Nhưng thôi đừng nhắc nữa, mày im đi mà ngủ.

Tôi yên lặng theo nó. Tôi nhắm mắt và quay mặt vào cửa sắt. Tôi bắt đầu nghĩ lan man từng quãng không liên lạc gì với nhau. Tôi tự nhiên thắc mắc về đời sống của nó. Tôi rung mình như mảnh chai vỡ vừa chạm vào sống lưng. Tôi quay trở ra :

— Thế tên mày là gì ?

— Còn hỏi tên tuổi nữa à ? là Chín.

— Thứ Tám đấy.

— Chỉ đoán liều, đó là tên tao tự đặt ra, chứ mẹ tao đặt tên tao là Hường.

— Tên hay đó. Sao lại đổi tên ?

— Bởi vì Chín không phải là Hường. Còn mày ?

— Tao không có tên. Vì tao không rõ sinh ở đâu ra, bố mẹ là ai, đặt tên là gì. Chắc người ta đã nhặt tao ở một đồng rác nào đó rồi vứt vào Viện cô nhi cho lớn lên. Tao đã trèo tường bỏ ra. Tao vẫn cho là tao sẽ làm được một đời sống. Tao nghĩ những đứa như mày thật đáng trách : hoặc nhẹ dạ theo trai vì tiền, vì bộ cánh... Rồi bị tống ra đường phố đầy đọa thân xác. Cũng chỉ tại bỏ quên lời cha mẹ.

— Thôi đi ông, đừng dạy đời. Tao bỏ nhà vì bố chết sớm, mẹ lấy chồng. Tao về ở với dượng. Mày có biết hẳn làm sao không ? Hẳn có một chân, đêm cởi quần áo mò vào giường tao. Mày tao chạy thoát. Nhưng rồi tao lại mắc ca khác, người ta đẩy tao vào đường này. Và tao không làm khác được.

— Kiếm việc làm. Sống như thế chịu mãi được sao ? Mày ngày nay làm gì ?

— Không có khách. Mấy thằng xích lô ở dưới kia có mấy đứa khác đến chiếm mất. Nó đánh đuổi tao nên tao phải lên đây.

Tôi nằm nhưng không ngủ được. Hường ngồi kể tâm sự và chúng tôi qua một đêm. Tôi lâu không đối diện với một người thứ hai. Tôi đối diện với một đám đông câm điếc vô tri giác. Tôi mang đám đông ấy đề ở bên kia một giòng sông, tôi ngồi một mình ở bên này nhìn xuống bóng mình mà giòng nước xuôi chảy thản nhiên tàn nhẫn. Tôi như chờ đợi đám đông đó. Tôi nghĩ chúng sẽ xô nhau sang bên này khi ấy tôi tàn sát cho không còn một đứa. Nhưng đám đông vẫn đứng đờ chờ thân thể tôi ẩm mốc mục nát. Hường đến đánh thức những tế bào còn sót bắt tôi đối diện với một khuôn mặt, mang đời sống giáp mặt thân phận. Tôi phải nghĩ đến quá khứ, tôi phải thay đổi quá khứ tôi với quá khứ kẻ đối diện.

Hường hỏi tôi ý kiến sẽ làm thế nào khi bình minh bắt đầu. Tôi khuyên nó kiếm một việc làm, một chân hầu hạ và nó nghe theo. Nhưng đối với chính tôi thì tôi lại không có ý kiến. Nó hỏi, tôi đề

tay vào túi quần và nhớ đến chiếc ví bị mất nên bảo tôi phải đi xin giấy căn cước.

Hai đứa mang nhau đến ngồi ở đầu con đường, nơi những người thất nghiệp tụ họp và những người cần người làm đến đó mượn. Có hai mẹ đàn bà dặt mối hỏi, tôi trả lời cần việc làm. Chúng bảo nếu muốn có việc thì phải đề chúng dẫn, ăn hoa hồng, nếu không phải đi chỗ khác. Tôi tức giận không trả lời và tụi chúng không thêm nói nữa.

Khoảng gần đứng bóng có một đôi vợ chồng đứng tuổi đến nhìn chúng tôi. Tôi đứng dậy nói muốn đi làm và cả Hường.

Người đàn bà nhìn tôi từ đầu đến chân như đi mua một con vật rồi lắc đầu. Tôi nghĩ chắc tôi không được béo tốt, tự nhiên tôi nài nỉ :

— Thưa bà con khỏe lắm, làm gì cũng được và con xin lương hạ.

Hai vợ chồng nhìn tôi lần nữa rồi cùng lắc đầu, người chồng bảo vợ :

— Cửa này không được, rồi nó chết ra nhà mình thì không tiện, ở không cũng chịu, thiếu gì người. Hai người nhìn sang Hường một lúc, tôi chờ một cái lắc đầu nhưng không. Người vợ bảo :

— Muốn làm tháng hay năm ?

Hường chậm chạp. Tôi nghĩ đến sự lâu dài nên vội nói :

— Dạ em cháu muốn làm năm.

— Vậy, giá bao nhiêu ?

Tôi nhẩm tính mỗi tháng năm trăm, một năm sáu ngàn, cơm nuôi.

— Xin ông bà cho sáu ngàn.

— Đắt quá, tôi rộng rãi nên trả ba ngàn, cho hai cái quần đen, hai chiếc áo cánh và mỗi sáng một đồng ăn quà.

— Rồi khá thì ta còn cho nhờ mãi.

Tôi cáu giận nhìn họ nghiêm giọng mà cả :

— Dạ thưa thế nếu em cháu chết thì ông bà cho nó chiếc quan tài gỗ gì ạ.

Họ bỏ chúng tôi tiến đến những người thất nghiệp đông đảo khác ngồi ở đó. Chúng tôi mệt mỏi rủ nhau vào một công viên tìm ghế đá ngồi. Tôi dựa lưng vào thành ghế ngủ thiếp đi một giấc ngắn, lúc mở mắt không thấy Hường. Tôi đi quanh quần, tôi trở về mái hiên chờ Hường nhưng không thấy mặt. Tối đến, tôi bỏ mình nằm úp mặt mà ngủ.

Sáng hôm sau mở mắt tôi thấy Hường ngồi ở đó. Đêm qua hẳn kiếm được một món tiền. Nó cầm những đồng bạc ở túi ra chĩa vào mặt cho tôi nhìn thấy. Hôm đó chủ nhật nó mua bánh mì và rủ tôi vào một rạp chớp bóng rẻ tiền ngồi ăn bánh mì coi phim cao-bồi bắn súng, coi mỗi mắt thì ngủ, mở mắt lại coi tiếp cho đến lúc trong rạp còn hai người mới trở ra — bấy giờ đêm đã xuống. Thành phố thấp

đèn từng dãy. Hai đứa đi âm thầm bên nhau qua nhiều con đường, gặp nhiều đám đông. Hường bảo tôi khi tới cửa nhà thờ lớn :

— Bây giờ dẫn nhau đi đâu ?

Tôi không trả lời tìm thuốc châm hút và nhìn lên lưng một pho tượng đá trắng, mái chuông nhà thờ đứng cao — hồi chuông buổi tối vang động, vài người nguyện cuối cùng ra về, cổng giáo đường khép kín nặng nề. Những người ở nhà thờ ra bỏ chúng tôi lại. Tôi nói :

— Ngồi đây chút đã. Đi đâu mà chẳng được.

— Lại về mái hiên ?

— Thôi đừng nói nữa.

Tôi nói và nhìn Hường như van lơn. Tôi đau đớn hơn từ hôm tôi gặp Hường. Tôi phải nói và phải trả lời. Những ngày tháng trước tôi ngậm cảm, im lặng quá khứ và hiện tại bắt tôi la hét, thân thể tôi như một thứ bột chỉ lúc nào đó sẽ vỡ vụn và tan đi mau chóng. Tôi là một kẻ không có quá khứ. Mới đầu tôi tưởng là tôi nói dối tôi. Nhưng tôi đã đối diện với tôi nhiều lần và kêu gọi quá khứ giáp mặt, lên tiếng nhưng tôi bị bỏ lại ở một khoảng trống lớn và từ đó niềm tin vò xé, dần vật lờn lên vây phủ lấy tôi. Khi tôi đủ trí nhớ thì tôi đang sống ở Viện cô nhi, trong hàng chấn song sắt thấp tuổi nhỏ không đủ sức bước qua. Năm tôi lớn có một bà phước hỏi tôi : Con có nghe thấy Chúa gọi con hiến thân cho Chúa không ? Tôi nhìn bà phước âu yếm — bây giờ tôi vẫn như thấy mặt bà một cách rõ ràng. Chính bà là hình ảnh duy nhất tôi còn lưu giữ — nhưng tôi chán nản đời sống mà bà đã lựa chọn. Tôi vẫn tự hỏi có thật bà yêu thương tôi không ? Tôi cũng hỏi tôi như thế. Tôi không yêu thương ai. Tôi thấy mọi người đã xếp đặt tất cả để sống với nhau chứ những điều mà đời sống thể hiện không phải từ trong mọi con người thoát ra. Tôi thấy mọi người đã học nhau nhắc lại bấy nhiêu lời nói, bấy nhiêu cử chỉ, công việc gần như một ngăn tử — rồi mang ra dùng dần. Tôi đã sống ở Cô nhi viện từ lúc ăn sữa cho đến năm đủ trí khôn. Mỗi ngày đọc kinh, nhìn ảnh Chúa, nghe lời dạy, tiếng chuông, khúc hát mà ở đó mọi người sùng kính một cái gì rất gần gũi yêu thương mà với tôi thì cách biệt xa lạ. Cho nên tôi đã nói với bà phước : Con chỉ thấy trong lòng con sự thèm muốn được sống trong đám đông ở ngoài kia. Bà phước đã cầu nguyện cho tôi và mong tôi tìm thấy ánh sáng. Trong thi thiên có câu này : Tóc trên đầu chúng con đã được đếm hết. Tôi bỏ trốn Cô nhi ra ngoài sống đủ nghề : đánh giày, bán kem, đi ở... Tôi làm đủ chuyện khốn kiếp : ăn cắp, ăn trộm, đánh thuê... và tôi nghĩ : tóc trên đầu chúng ta chưa được đếm hết. Tôi đã chứng kiến người ta giết nhau bằng những cách chắc chắn và mau lẹ nhất... Thân xác tội lỗi của con người mang thêm nhiều chứng tích, nhiều dấu chàm trên mặt, trên thân... Từ quá khứ nhay nhụa đó — cái quá khứ

mà tôi nghĩ là không có — tôi đến một thực tại tôi đang ngồi ở cửa giáo đường là bây giờ. Tôi không muốn nói, tôi không muốn tra sải nó thêm vào thân xác tôi và tôi chưa bao giờ nghĩ xem mai này thế nào. Một sự thực vô hình nào đứng nấp ở từng chỗ tối, nơi mà thiên thần cùng quỷ dữ hò hẹn. Mọi người đến đời sống bằng nhiều cách tình cờ không lựa chọn? Như vậy phải chăng từng bước chân tôi sắp tới đây những sự tình cờ tiếp theo đang rình rập, đuổi bắt, hay chờ đợi?

Tôi đã đi ở giữa đám đông, hình dung xem một người cha một người mẹ đối với một người con ra sao? Một người chị chiều một người em thế nào? Tôi đã được tiểu thuyết nói về sự hy sinh của một người mẹ, sự âu yếm của một người bà. Tôi nhớ một bài tập đọc nói về khung cảnh trong gia đình: mẹ khâu vá, cha đọc báo, con lớn học hành, cháu nhỏ nghe bà kể truyện cổ tích; ông nội ngâm thơ... tôi tưởng người ta mô tả một cái gì, hay chính những cái đó tôi không có nên tôi đã nhìn đời sống với con mắt khác. Tôi chẳng có một cái gì. Tôi chưa được mặc một cái áo do tay ai khâu. Tôi không biết mặc cho tôi, tôi chưa được nghe một câu chuyện cổ tích do miệng một người khác kể. Tôi đến đời sống với một thân thể cô đơn. Có một đứa bạn đã chỉ vào mặt tôi bảo là kẻ sát nhân — kẻ sát nhân đó giết đời sống tôi. Tôi là một bóng tối cầm sẵn một con dao rồi tự mình cạo lông lá, chặt đứt chân tay để ra đời sống với thân thể tàn tật.

Tôi vẫn còn chân tay, nhưng tôi ngồi đây để nghe một đứa con gái lên tiếng hỏi: Lại về mái hiên? Sao tôi lại về đó? Sao không nhắc đến một mái nhà?

Tôi đứng lên Hường theo sau tôi trở về nơi trú chân mọi đêm. Trời đen kịt, gió đứng im, mặt nhựa bốc hơi nóng hầm hập như một cơn bệnh nặng sắp xoay chiều. Nửa đêm trời mưa lớn và gió mạnh mái hiên không đủ cho hai đứa ăn núp. Gió mang mưa quất vào mặt như roi da, gió lạnh run mà chúng tôi không biết chạy đâu. Cơn mưa kéo dài hơn hai giờ. Sáng hôm sau chúng tôi thức dậy quần áo còn ẩm ướt và hơi hám. Đầu tóc Hường bị ướt rối bời một cách tức cười. Tôi bảo đưa lược tôi chải đầu cho nhưng Hường không bằng lòng. Tôi nghĩ đến một cái gương. Hường nhìn tôi bảo:

— Trông đầu gì kỳ cục vậy.

Vừa nói Hường vừa cười, đôi mắt mở lớn đen láy và tôi nhìn thấy khuôn mặt tôi trong đôi mắt ấy như một hình ảnh rạng rỡ mà tôi chưa được thấy bao giờ. Tôi bảo Hường đưa lược cho tôi chải đầu. Hường ngạc nhiên nhìn tôi vì thấy tôi chăm chú nhìn vào mặt. Tôi bỏ lược xuống và bảo:

— Hãy soi mặt vào trong mắt này — nhìn xem thấy chưa?

— Mắt như mắt chó đại thế kia mà kêu soi. Thế nhìn thấy gì...

— Thấy Hường là...

THANH TÂM TUYỀN

mộng

LY NƯỚC TRONG

Là người mình yêu
Bên những miền xứ chết

Là đường con tim
Trên bàn tay lãng quên

Là trí nhớ không
Trong thời gian bất tỉnh.

BÀI THƠ VUI

Một người treo cổ trên cành cây
Trong công viên giữa thành phố
Nhìn một phút cuối cùng
Đôi tình nhân hôn nhau
Xong
Thiếu nữ cười tinh nghịch như hòn sỏi
Ném lăn theo triền mái ngói.

Tôi xúc động mạnh không nói tiếp được và tôi cũng chưa biết tôi định nói gì. Chúng tôi ăn vờ những đồng bạc trong túi Hường và rủ nhau đi tìm công việc. Tôi nghĩ rằng thế nào cũng có chỗ làm để sống, ít ra cũng như vậy. Trời nhiệt đới mang những tia nắng đau nhói trích vào cơ thể. Hơi nóng của một bể nước sôi tỏa ra rùng rục làm hoa mắt và chóng mặt. Rồi những cơn mưa ập xuống. Chúng tôi đi ở thành phố giữa nắng và mưa đó. Chúng tôi mệt mỏi hải hoải thân thể như một loài côn trùng mềm yếu. Đến chiều về tới mái hiên thì Hường lên cơn sốt. Tôi ngồi cho Hường nằm gối đầu vào lòng, những đồng bạc trong túi vừa hết. Không có hy vọng mua nổi một viên thuốc cảm. Tôi ngồi hát lẩm nhẩm những câu ngắn bảy bậ nhất nhanh chắp lại dài giống như bài ca dài không ngắt. Tiếng hát ru Hường vào giấc ngủ và cơn mê sáng tim đến :

— Em vừa thấy mẹ em đến mặt mày đầy máu, người khóc và kêu em, vậy là sao anh ?

— Không sao, tại em sốt.

— Em khát nước quá.

— Thế nằm im anh đi kiếm nước cho uống.

Tôi để Hường nằm đó rồi đi tìm một cái ống bơ ra máy nước — tôi tìm mãi mới ra máy nước ở rất xa, lúc trở lại thì không thấy Hường. Tôi cất tiếng gọi trong đêm tối, tôi đi tìm ở từng ven cống, góc đường. Tôi nghe tiếng tôi vang trở lại, tôi đi lang thang cho đến sáng hôm sau.

Tôi đọc tin ở một tờ báo vào buổi chiều hôm đó : « Cảnh sát gặp một người con gái nằm bất tỉnh ở dọc đường đã được chở vào bệnh viện... » Tôi tìm vào đó và nhìn thấy Hường hấp hối. Hường mở mắt nhìn, tôi soi bóng tôi vào đó. Hường cầm lấy tay tôi rất chặt rồi tắt thở.

Tôi ra ngồi ở một vệ đường — một giòng sông rộng mà giòng nước chảy qua thản nhiên. Ở bên kia đám đông chen lấn, hò hét, cười nói... Tôi soi mình xuống giòng nước và Hường hiện ra thân thể rã rụa, đôi mắt trợn trừng... Hường ơi ! người ta đã đếm hết những sợi tóc trên đầu chúng ta chưa ? Mắt em còn mở lớn cho anh soi thấy mặt anh và khuôn mặt đó vừa gãy vụn.

dương nghiêm mậu

MỘT MÌNH EM

Anh trở thành giấc mộng
Đường cỏ hoang em trở về
Đáy huyết sâu hồn tóc cũ
Không ai biết chúng ta yêu nhau
Cuộc biệt ly nơi hư không
Con mắt nào ngó thấy
Mỗi lời như ngọn lửa
Đốt những kỷ niệm tội lỗi

Anh bỏ trống hết cuộc đời
Những buổi chiều ban mai
Những nhớ nhung bầu trời
Những vuốt ve trên bàn tay
Những âu yếm trên da mặt
Không gian trong tay ôm
Thời gian trong máu chảy
Anh bỏ trống hết mọi người
Những người đẹp như hy vọng
Những người thân như quê hương
Những kẻ thù một kiếp
Những bạn bè không rời.

Em đã chết đã chết
Trong im lặng hết thấy
Hằng hà nổi trống không
Của đỉnh cùng tuyết vọng
Òi đêm nay đêm nay đêm nay
Lăn lộn cùng gai góc
Trong hốc đá tối tăm
Đơn đau ghi lấy em
Anh chỉ là giấc mộng.

Một mình em vẫn biết
Chúng ta đã yêu nhau
Rồi anh sẽ ném trả

Hết nước mắt hết giọng cười
Hết phách hồn trí tuệ
Cho rừng sâu lịch sử loài người
Đến gặp em chốn ấy
Trời mưa giông bao nhiêu ngày
Con đường băng thái dương
Khoảng chúng ta cách biệt.

59

ĐOẢN KHÚC VIẾT CHO MINH CHÂU

Như rừng cây trụi lá
Thở bằng cánh khô
Cơn mộng hiền lành trở nên điên dại

Gỡ những lằn tóc cháy
Nhìn vào mắt nhau
Con mắt thâm quầng như vết cằn

Trưa một màu Minh Châu
Trời hẹp hòi khôn kể

Phiêu lưu mãi là một nhà tù
Dây tường cảm chuyển động
Trên một triển vực sâu.

Vùng nhỏ giữa bàn tay khô héo
Mang dấu tích tình yêu
Là những niềm bối rối.

Chút hương trong miệng đắng
Như Minh Châu còn đây.

thanh tâm tuyên

TRẦN THANH HIỆP

sự thưởng ngoạn nghệ thuật bây giờ

TÔI không phủ nhận rằng nghệ thuật bây giờ đã làm cho người thưởng ngoạn rất nhọc mệt. Có thể bởi vì nó bắt người thưởng ngoạn phải vận dụng đủ mọi năng khiếu để tìm hiểu một « cái gì » ẩn nấp trong tác phẩm. Có thể bởi vì nghệ thuật bây giờ đặt sừng sững trước mắt người thưởng ngoạn những hình thù mới lạ họ chưa từng thấy bao giờ, dù ở ngoài đời hay qua các tác phẩm đã có. Và có thể vì người thưởng ngoạn phải nhìn hay phải nghe, phải tiếp nhận một cách rất cụ thể những điều khiến cho đời sống tinh thần của họ bị sáo trộn. Nói tóm lại nghệ thuật bây giờ đã làm mất đi sự thoải mái, cái thế quân bình mà xưa kia những người thưởng ngoạn từng có: hoặc ngồi rung đùi ngâm thơ, hoặc đứng lặng yên chiêm ngưỡng một bức họa cổ điển. Cho nên tôi không lấy gì làm lạ khi thấy người thưởng ngoạn trút sự căm tức của họ vào người làm nghệ thuật bây giờ một cách không dè dặt bằng những câu phê bình không hơn không kém những câu trách mắng. Tình trạng này không phải chỉ có riêng ở đây, mà là một tình trạng chung của sự thưởng ngoạn ở khắp các nước.

Tuy nhiên cũng có một điểm khác nữa là sự phê bình của người thưởng ngoạn ít khi là những luận thuyết về thẩm mỹ học mà thường chỉ biểu lộ sự chối từ một cách tiên thiên vì bị ngạc nhiên, vì không được chiều dài, vì không tìm thấy những thứ gì quen thuộc họ chờ đợi. Sự phê bình ấy lại được trợ lực bởi một số người tự nhận là những nhà phê bình nghệ thuật mà sự hiểu biết về nghệ thuật rất non kém nhưng lại xử dụng cái non kém ấy như những chân lý thẩm mỹ, và tất cả sự phê bình của họ không vượt qua mấy tiếng họ gán cho những người làm nghệ thuật mới như: lập dị, quái đản, điên khùng v.v... Đáng khác các tác giả thường không hay ưa thích giảng giải về tác

phẩm của mình một cách trực tiếp. Theo tôi không phải tại tác giả không giải thích được nhưng là tại không có một việc làm nào nhạt nhẽo và đáng ghét bằng việc một tác giả phải giảng giải tác phẩm của mình. Nó bắt buộc người tác giả ấy phải ôn lại, sống lại những rung động đã đi qua, phải « tháo rời từng mảnh » một trạng thái tâm hồn. Nghĩa là có khi nó sẽ giết chết đi một cái gì trong tác giả. Thành thử sự thưởng ngoạn càng như bị du vào một tình trạng khủng hoảng, một trở lực cho cuộc tiến hóa của nghệ thuật.

Bàn đến vấn đề thưởng ngoạn nghệ thuật bây giờ, tôi không có ý mở một cuộc phản công đối với những người thưởng ngoạn, đề « trả đũa » những sự công kích của họ. Trái lại tôi muốn đem lại cho vấn đề thưởng ngoạn sự quan trọng thích đáng của nó vì tôi nghĩ đời sống thực sự của một nghệ phẩm không phải ở trong một viện bảo tàng, hay trong thư viện hay ở bất cứ một nơi nào ngoài con người mà ở ngay chính trong sự thưởng ngoạn. Vậy sự lệch lạc trong cách đặt hay giải quyết vấn đề thưởng ngoạn rất hại cho nghệ thuật.



Ở trên tôi có nhận định rằng nghệ thuật bây giờ đưa người thưởng ngoạn tới những thế giới mới lạ khiến họ lạc lõng bỡ ngỡ. Nói khác đi, nghệ thuật bây giờ quả thực có mang đến một thứ gì mới lạ. Nhưng lại cần phải đặt câu hỏi : Sự mới lạ đó là do ở đâu mà có, phải chăng ở ý-định lập dị của tác giả ? Trước khi trả lời, ta phải công nhận rằng người thưởng ngoạn thường hay mượn một số công thức để khám phá các nghệ phẩm. Công thức này có khi là một quan niệm về cái Đẹp tổng quát, có khi là một sự thiên lệch về màu sắc, hay một hình nét v.v... Trong một thời, có một sự đồng ý mặc nhiên chấp nhận các công thức ấy như là những tiêu chuẩn để phê bình giá trị nghệ phẩm, để thưởng ngoạn. Và bao giờ người thưởng ngoạn cũng có khuynh hướng bảo thủ công thức thưởng ngoạn của mình. Cho nên sự đồng tình của người thưởng ngoạn và người sáng tác chỉ là nhất thời. Bởi vì người sáng tác — trừ những người bất tài không có hành động nào khác ngoài việc sao chép — rất ghét khuôn mẫu nhất là khi những khuôn mẫu nào vì lâu đời nên giết chết mọi sáng tạo. Và một khi đã chống lại khuôn mẫu, người sáng tác tất phải khai phá những lối đi mới, phiêu lưu tìm tới những thế giới mới. Lịch trình tiến hóa của nghệ thuật với sự xuất hiện liên tiếp của nhiều trường phái chống đối nhau bằng những lối biểu diễn khác biệt nhau, bằng những quan niệm thẩm mỹ không đồng nhất, bằng những thái độ sáng tác tương phản, đã chứng tỏ điều này.

Vậy sự mới lạ là do ở người sáng tác có ý định rõ rệt mang đến cho người thưởng ngoạn. Nhưng có phải vì điên khùng, vì muốn lập dị — như một số người từng nói như vậy — mà người sáng tác mang

lại cái mới hay không? Tôi không chối cãi rằng trong số những người làm nghệ thuật bây giờ có những người cố tình lập dị, mượn một trong những hình thức mới của nghệ thuật mới là hình thức trừu tượng, mượn sự phá phách cách mạng của nghệ thuật này để che đậy sự non kém của họ. Nên khi tôi nói đến sự đổi mới nghệ thuật của những người làm nghệ thuật bây giờ, tôi không có ý biện hộ cho những thứ văn nghệ lập dị trống rỗng kia, không đáng được kể là nghệ thuật mới. Theo tôi sở dĩ nghệ thuật bây giờ lay động người thưởng ngoạn nhiều bởi vì nó đã thực sự ly khai được với những nghệ thuật trước nó. Và bởi thế nó gây một sự đảo lộn toàn thể, khiến người thưởng ngoạn phải đặt lại những vấn đề cũ về thẩm mỹ mà người ta coi như đã được giải quyết một cách ổn thỏa, đồng thời phải đặt thêm nhiều vấn đề mới không thấy có trong nghệ thuật cũ. Có thể nói như ở sự ly khai rõ rệt này mà nghệ thuật hôm nay đã đánh dấu được một bước tiến quan trọng trong lịch sử nghệ thuật.

Bàn về lịch sử chung của nghệ thuật tôi rất tiếc là hiểu biết rất ít về lịch sử nghệ thuật Đông phương, mà hai đại diện chính thức là nghệ thuật Trung Hoa và nghệ thuật Ấn Độ. Hai thứ nghệ thuật này thành hình và tồn tại rất lâu đời bởi vì theo đuổi những mục đích có tính chất vĩnh cửu: nghệ thuật Ấn Độ là sự ao ước của con người muốn cộng thông với thần thánh bằng tấm lòng tôn thờ thành kính, nghệ thuật Trung Hoa tìm kiếm được sự hòa đồng giữa con người và vũ trụ. Nên sự biến chuyển ít xảy ra, cũng như đời sống của người Đông phương. Tuy nhiên gần đây sự xúc tiếp với Tây phương cũng đã mang lại cho những người làm nghệ thuật Trung Hoa và Ấn Độ những kích thích mới khiến họ phải xét lại những truyền thống nghệ thuật của họ. Nước đi tiên phong trong sự cải biến nghệ thuật này là Nhật-Bản, chứng cứ là những bức họa của Nhật Bản được giải thưởng quốc tế không phải là tác phẩm về hội họa cổ truyền Nhật Bản mà là về hội họa trừu tượng. Nên tôi sẽ dựa vào lịch sử nghệ thuật Tây phương để giải thích nghệ thuật bây giờ.

Trong lịch sử nghệ thuật Tây phương, có mấy lần đã xảy ra những biến chuyển quan trọng khả dĩ có thể dùng làm cứ điểm quy định khuynh hướng của nghệ thuật?

Khởi đầu nghệ thuật này còn mang nặng tính chất tôn giáo, huyền bí. Ấu cũng là việc dĩ nhiên, con người lúc đó chưa thể gạt bỏ hết những vết tích của con người sơ cổ, ngòm ngợ hãi hùng trước vũ trụ bao la. Nhưng đến khi nhờ kinh nghiệm sống cung cấp cho những kiến thức để chế ngự vũ trụ, con người bắt đầu tìm thấy « mình », khám phá được quyền lực của « mình », nên con người quay trở về với « mình ». Đó là những nguyên nhân đã tạo nên thời Phục-Hưng. Trong phạm vi nghệ thuật, chủ đề là con người, nhất là đối với loại nghệ thuật tạo-hình, người sáng tác bị ám ảnh bởi hình dáng con

người với những vẻ đẹp của nó trong mọi chi tiết. Alberti, một tác giả đương thời nổi danh đã nói khi bàn về hội họa : « Thân hình sẽ tan thành bụi, nhưng chừng nào nó còn thở, khinh miệt nó tức là khinh miệt đời sống. » Sự ly khai của nghệ thuật đối với thần thánh để quay trở về thế tục gắn liền với đời sống con người thực tại đã mở ra một chân trời mới cho nghệ thuật, để suốt mấy thế kỷ sau nghệ thuật đã tiến rất xa trong việc con người tự thực hiện mình. Thoạt đầu, khi vừa khám phá ra mình, con người tin ở giá trị tuyệt đối của lý trí (raison), trường phái cổ điển không là gì khác ngoài sự phục tùng lý trí. Nhưng trong con người không phải chỉ có lý trí, tình cảm cũng đòi hỏi cất tiếng nói. Đồng thời con người muốn mình lớn lên để bắt gặp nhiều kích thích to lớn khác. Nhưng sự tin ngưỡng về tôn giáo đã bị suy giảm. Con người bèn bắt lấy thiên nhiên : sông, núi, hồ, trời... và vạn vật vô tri, tất cả đều như có một linh hồn mà con người tìm đến để cùng rung động. Trường phái lãng mạn xuất hiện để phá vỡ những luật lệ nghiêm khắc của trường phái cổ điển cởi mở cho tâm tình tự do phát triển. Nhưng tất cả những gì thái quá đều hư hỏng, phái lãng mạn đi tới chỗ xa lìa đời sống, than mây khóc gió. Phản ứng lại, trường phái tượng trưng ra đời. Tôi không kể đến phái thi sơn vì phái này thật sự chỉ là một gạch nối giữa lãng mạn và tượng trưng. Và lại ảnh hưởng chính của thi sơn chỉ ở trong phạm vi thi ca. Trường phái tượng trưng là một triệu chứng của sự trưởng thành của con người nghệ thuật. Trưởng thành ở điểm con người không chỉ muốn thuyết lý hay đa cảm mà đã thống nhất nội tâm của mình. Vận dụng một cách điều luyện tiếng nói, con người nghệ thuật tạo ra cho mình một vũ trụ riêng biệt để khỏi phải phiêu diêu trong vũ trụ thật như con người lãng mạn, mà phương tiện đạt tới là một thứ ngôn ngữ chuốt lọc thành Nhạc. Một vũ trụ của siêu nhiên (surnature) mà đời sống thực tại chỉ còn là hình bóng, vọng âm, ký hiệu của siêu nhiên cần phải khám phá. Trường phái tượng trưng không theo đuổi công việc biểu hiện ngoại vật, mà cố gắng thể hiện đúng đắn những vận động của đời sống nội tâm. Từ trường phái tượng trưng trở đi cũng còn nhiều trường phái khác như phái tả chân, phái tự nhiên, phái « đa đa ». Nó chứng tỏ một tình trạng bất ổn của nghệ thuật vào hồi thế kỷ XIX nhất là ở địa hạt văn chương và hội họa. Bất ổn vì sự xung đột giữa những xu hướng cũ và mới. Cho đến đầu thế kỷ XX, sự xung đột đã mang tới một hình thức nghệ thuật mới : nghệ thuật trừu tượng. Ngoài ra còn phải kể đến sự xuất hiện của trường phái siêu thực, một trường phái đi tiên phong, riêu cợt, phá đổ những hình thức nghệ thuật khuôn sáo cũ, chứng minh sự bất lực của lý trí trong việc khám phá sự vật, chối bỏ sự huyền bí, đòi hỏi cho con người một sự tự do tuyệt đối.

Nghệ thuật bây giờ là sản phẩm của quá trình tiến hóa kể trên trong đó nhiều xu hướng nghệ thuật đã hủy diệt lẫn nhau nhưng đồng

thời đã bỏ tức cho nhau để hóa thân thành một nghệ thuật mới. Người thường ngoạn nếu không biết đến quá trình tiến hoá ấy, sẽ ngộ nhận rằng sự đổi mới nghệ thuật chỉ là một cách để người làm nghệ thuật lập dị.



Mặc dù ở trên tôi có nhắc tới trừu tượng và siêu thực nhưng không phải vì thế mà tôi nói rằng nghệ thuật bây giờ là một nghệ thuật trừu tượng hay siêu thực. Trước hết, trừu tượng chỉ là phản hình thức dùng để biểu diễn, và nghệ thuật không phải chỉ là vấn đề thuần hình thức. Đàng khác, trường phái siêu thực tuy rất có công trong việc phá hoại nhưng chưa thật sự thành công trong việc xây dựng. Siêu thực là một thái độ đối cách mạng nghệ thuật. Bởi vậy nghệ thuật bây giờ có thái độ của trường phái siêu thực vì nó đang làm một cuộc cách mạng nghệ thuật. Và bởi vì nghệ thuật trừu tượng là một kỹ thuật sáng tác mới nhất nên trong nghệ thuật bây giờ người ta tìm thấy ít nhiều đặc tính của nghệ thuật trừu tượng. Tôi cho rằng hiểu rõ hai điểm này, người thường ngoạn sẽ không còn thấy ngỡ ngàng trước nghệ thuật bây giờ.

Tôi nói rằng nghệ thuật bây giờ đang làm cách mạng bởi vì nó phá bỏ một quan niệm gần như cổ truyền về nghệ thuật theo đó nghệ thuật có mục đích tìm cảm xúc và truyền cảm xúc ấy cho người thường ngoạn. Tất nhiên tôi không quên rằng quan niệm này từng được sự ủng hộ của một đại văn hào như Léon Tolstoi, nhưng lịch sử nghệ thuật đã chứng tỏ rằng nghệ thuật không dừng lại ở Tolstoi. Như vậy, người làm nghệ thuật bây giờ không phải chỉ lo đào bới trong mình cho được những rung cảm, nếu không có thì xếp đặt thành rung cảm, tìm hình thức diễn tả những rung cảm ấy để người thường ngoạn đồng cảm. Cho nên người thường ngoạn nghệ thuật bây giờ thường bất mãn vì không thấy nghệ phẩm tạo nên cho mình một trạng thái tình cảm thường được gọi là một mỹ cảm (émotion esthétique) nghĩa là một cảm xúc về cái đẹp. Sở dĩ như vậy là vì người làm nghệ thuật bây giờ không muốn tác phẩm của mình chỉ là tiếng nói của một thứ « tình cảm chủ nghĩa » (sentimentalisme) bởi tại nghệ thuật bây giờ chống lại sự phân cắt sự sống con người thành những phần riêng biệt như tình cảm, lý trí, ý chí rồi dành sự chi phối đời sống ấy cho một phần (tỉ dụ cho lý trí như phải cô điển, cho tình cảm như phải lãng mạn). Nghệ thuật bây giờ có tham vọng thống nhất mọi hoạt động nội tâm của con người, nối liền phần tiềm thức với phần ý thức. Nghệ thuật bây giờ là cả một đời sống toàn thể. Nên người ta thấy chẳng biết bao nhiêu giây liên lạc nhân quả tác động lẫn nhau. Sự thống nhất này, phái tượng trưng đã thực hiện nhưng nghệ thuật ngày nay chối bỏ con đường tượng trưng bởi vì con đường này đưa tới huyền bí, ly khai với thực tại. Nghệ thuật bây

giờ vừa thực hiện sự thuần nhất của con người vừa trả nó về với thực tại. Nhưng nếu vậy có thể nói rằng nghệ thuật bây giờ rút lại cũng chỉ là một thứ nghệ thuật tả chân (hay còn gọi là hiện thực) mà thôi hay sao? Người sáng tác chỉ việc sao chép nguyên văn con người và thiên nhiên là đã làm nghệ thuật? Sự thật không hề bao giờ có được một nghệ thuật tả chân (hay hiện thực) đúng như danh từ muốn chỉ. Ngay đến cả phái hiện thực xã hội là phái vẫn tự hào là hiện thực nhất, là trung thành nhất với thực tại cũng đã tự tổ cáo rằng họ vẫn không thể ngăn chủ quan can thiệp vào khách quan. Vì lẽ nghệ thuật, tự nó chính đã là một công trình tái tạo. Một cảnh đẹp thiên nhiên chỉ trở thành một giá trị nghệ thuật khi nào nó được diễn tả bằng một tác phẩm. Ngược lại một bức họa mà người ta có thể làm với một bức ảnh sẽ chẳng còn là một tác phẩm nghệ thuật. Guy de Maupassant đã thú nhận rằng tác phẩm của mình chưa bao giờ được là « một khoảng đời » (une tranche de vie). Người làm nghệ thuật bây giờ vì thế không phải là những người thợ chụp hình hy vọng chụp bắt được thật tại một cách trung thành và khách quan. Người làm nghệ thuật bây giờ vận dụng cả ý thức của mình hy vọng diễn tả đầy đủ đời sống ngoài đời và ở trong mình với một khát vọng mang theo cả đời sống này vượt lên một hình thức cao hơn. Nói khác đi, nghệ thuật bây giờ là sự nghiệp của con người thực hiện sự sống của mình trong khát vọng siêu-việt-hóa sự sống ấy. Người thường ngoạn sẽ chẳng còn thấy người làm nghệ thuật bây giờ cau mày suy tưởng hay ôm đầu nghe tiếng gọi của đại dương, hay thở than bên hồ vắng, hay sụt sùi nhỏ lệ khóc những giấc mộng tan vỡ, hay bịn rịn với cảnh chia ly, hay ngầy ngất trong phút ân ái, hay vượt ve những giây phút êm đềm của những ngày đã qua. Nghệ thuật bây giờ bắt người ta phải đứng lại giữa cuộc đời để giải quyết một cách ngay thẳng rốt ráo những vấn đề do đời sống đặt ra, không dung thứ sự hèn yếu của thái độ lẩn trốn — dù dưới danh nghĩa nào — đòi hỏi người ta phải nhìn cho thật rõ chân tướng đời sống với tất cả xấu đẹp của nó và nhất là trao cho người ta cái trách nhiệm phải tố cáo, phải phản kháng bất cứ một trở lực nào cho sự tự do của đời sống. Nghệ thuật bây giờ không còn là một « Nàng » có sắc đẹp mê hồn khi ẩn khi hiện để cho người đời nhìn ngắm, ước mơ. Nghệ thuật bây giờ đã thống nhất với sự sống bởi chính là sự sống. Đó là một nội dung mới của nghệ thuật mới, người thường ngoạn cũng cần phải có một tâm trạng tương đồng như người sáng tác.

Về mặt hình thức, có một phần nào và chỉ phần nào mà thôi, chịu ảnh hưởng của kỹ thuật trù tượng. Đó là một kỹ thuật trước hết để chống lại với những kỹ thuật cũ mà người làm nghệ thuật bây giờ cho là bất lực không giúp cho họ đủ diễn tả. Một là vì những kỹ thuật trước đã trở thành những khuôn sáo ước lệ. Một khi phải mượn ước lệ cũ để diễn tả, người làm nghệ thuật bây giờ không thể đem đến đầy đủ một

cái gì mới mẻ hay ít nhất một không khí mới mẻ. Người thưởng ngoạn đã quá quen thuộc với những kỹ thuật này và đề đoán trước được sự cấu kết của tác phẩm, sự thưởng ngoạn bởi vậy mất đi nhiều phần sâu sắc. Hai nữa, kỹ thuật trừu tượng cho phép người sáng tác hoạt động trong những tầm rộng lớn hơn trước dù vẫn ở trong khuôn khổ chật hẹp của tác phẩm. Xử dụng kỹ thuật trừu tượng, người sáng tác có thể từ bỏ những luật lệ về duy nhất mà các kỹ thuật khác bắt tôn trọng: thời gian không cần phải sắp đặt theo thứ tự quá khứ, hiện tại, tương lai có thể lẫn lộn; nhiều không gian có thể hợp nhất trong một không gian. Người sáng tác lại cũng có thể đứng ở nhiều vị trí mà chụp bắt vật diễn tả. Đi xa hơn nữa, người sáng tác còn có thể khám phá quá trình cấu thành sự vật, phá vỡ hình hài sự vật ấy có trong một thời cơ nào rồi xếp đặt lại theo viễn vọng vĩnh-cửu-hóa sự vật của mình. Nội dung nào cũng phải có hình thức xứng hợp. Tham vọng thực hiện và siêu-việt-hóa đời sống đã thúc bách nghệ thuật bây giờ trước sự bất lực của các kỹ thuật cũ, sáng tạo thêm những phương tiện diễn tả với những khả năng cần thiết: kỹ thuật trừu tượng được dùng đến vì lẽ ấy.

Tôi vừa đứng về phía những người sáng tác để trình bày và giải thích một cách sơ lược sự đổi mới của nghệ thuật cũ để trở thành nghệ thuật mới bây giờ. Tôi chắc không ai còn muốn nghĩ rằng sự đổi mới này chỉ là những hành vi lập dị quái đản của những người làm nghệ thuật.

Nhưng tôi còn muốn tự hỏi đổi mới nghệ thuật này sẽ ảnh hưởng đến sự thưởng ngoạn như thế nào? Ai cũng đã biết sự phản ứng đầu tiên của những người thưởng ngoạn là sự bức tức hay ít ra cũng là sự lạnh lùng như khi gặp một người xa lạ. Làm thế nào để phá bỏ sự cách biệt giữa hai lớp người đáng lẽ phải có sự cộng thông mật thiết. Người sáng tác phải từ bỏ con đường mới để quay về con đường cũ để chiều đãi người thưởng ngoạn, hay người thưởng ngoạn sẽ phải đổi mới sự thưởng ngoạn của mình? Tôi nghĩ rằng người ta không thể chấp nhận giải pháp thứ nhất vì như vậy là đi ngược lại sự tiến hóa của nghệ thuật. Chỉ còn cách đổi mới sự thưởng ngoạn để người thưởng ngoạn và người sáng tác gặp nhau trong một ý thức thẩm mỹ (conscience esthétique) mới. Giải pháp này có rất nhiều ích lợi: nó vừa hoàn thành được sự tiến bộ của nghệ thuật — nghệ thuật không phải chỉ gồm có sáng tác mà còn có thưởng ngoạn — lại vừa nâng người thưởng ngoạn lên một địa vị chủ động. Ngày trước, người ta làm nghệ thuật để cho người khác thưởng thức, đứng xa mà nhìn ngắm, từ dưới ngẩng lên mà ngưỡng mộ. Bây giờ người làm nghệ thuật chỉ rất bình thường như bất cứ một ai khác trong cuộc đời. Không tự coi mình như những bậc

siêu nhân từ trên cao « ngọn núi Olympe » hạ mình xuống với đám chúng nhân dung tục mà truyền phán. Nghệ thuật bây giờ là những chuyến đi vào sự sống mà ai cũng có quyền có mặt nếu không muốn lẫn trốn. Thì tại sao người thưởng ngoạn phải sợ hãi, và xa lánh.

Đòi mới sự thưởng ngoạn có nghĩa là làm cho sự thưởng ngoạn cũ, vốn chỉ phù hợp với nghệ thuật cũ thích ứng với nghệ thuật mới đã đoạn tuyệt với nghệ thuật cũ. Việc này không hoàn toàn dễ dàng vì nó đòi hỏi người thưởng ngoạn phải từ bỏ nhiều thói quen thưởng ngoạn ngày trước còn sót lại. Nó không cho phép người thưởng ngoạn tiếp nhận nghệ phẩm một cách lười biếng như một khách bàng quan mà nó lôi cuốn người thưởng ngoạn gia nhập nghệ phẩm trong sự động viên toàn thể cơ năng. Và nghệ phẩm lại ném luôn người thưởng ngoạn vào trong thực tế hỗn loạn xáp mặt với sự sống. Thành thử sự đòi mới sự thưởng ngoạn mang lại cho những thưởng ngoạn những thử thách mà nếu không vượt qua nổi, người thưởng ngoạn sẽ bị bỏ rơi lại đằng sau. Nói thế chắc có người cho rằng những người làm nghệ thuật bây giờ lại muốn chủ trương « nghệ thuật vì nghệ thuật » chứ không muốn đem « nghệ thuật » phục vụ « nhân sinh ». Tôi không cần phải trả lời dài dòng vì đó là những giả-vấn-đề. Nghệ thuật nào cũng phục vụ cho đời sống cả vì không có đời sống thì không còn nghệ thuật. Duy có một điều cần giải quyết là làm thế nào để cho lớp người thưởng ngoạn mà trình độ kiến thức cao thấp khác nhau có thể hiểu được tác phẩm ? Tôi tưởng không nên đòi hỏi người sáng tác phải làm công việc này mà phải dành cho một lớp người trung gian khác : những người phê bình, những nhà thẩm mỹ học. Những người này có, nhiệm vụ đối chiếu các tác phẩm, tìm ra những lý thuyết để khám phá phê bình các tác phẩm đồng thời giới thiệu các tác phẩm ấy với những người thưởng ngoạn tùy theo trình độ kiến thức của họ. Sự phản công này sẽ giúp cho những người phê bình có thể trở nên hữu ích và nhất là ngăn cấm họ sử dụng ngòi bút phê bình một cách vô trách nhiệm theo đuổi mục đích vụ lợi hoặc chỉ để bảo vệ cho uy tín cá nhân mình hoặc mượn dịp bộc lộ sự hằn học khi cảm thấy mình sút kém.

Bây giờ, không đứng ở địa vị người sáng tác hay người thưởng ngoạn, thử đặt câu hỏi : Sự cách biệt giữa người thưởng ngoạn và nghệ thuật bây giờ mà người thưởng ngoạn coi như một thứ gì xa lạ có hy vọng được phá bỏ để thấy thế bằng sự cảm thông toàn vẹn không ? Tôi không thấy bi quan khi cần phải trả lời câu hỏi này. Lý do chính khiến cho những người làm nghệ thuật bây giờ rất gần với người thưởng ngoạn là cả hai lớp người này cũng có một xuất phát

Chúng ta chung : đời sống hiện tại. Như tôi đã nói ở trên, nghệ thuật bây giờ không phải là sự thoát đi khỏi đời sống của riêng người làm nghệ thuật dù với ý định nào, mà là một sự giải quyết có ý thức vấn đề hiện tại trong cái quá trình được cấu tạo bởi quá khứ và vươn tới tương lai. Vì vậy cả người sáng tác lẫn người thưởng ngoạn đều có một mẫu số chung để bắt gặp nhau. Tuy nhiên điều này không chắc đúng riêng đối với hội họa trừu tượng vô-hình-dung (non-figurativisme) mà người ta vẫn cho là nghệ thuật bây giờ. Theo tôi, có thể gọi hội họa trừu tượng vô-hình-dung là nghệ thuật bây giờ được vì nó mới xuất hiện. Nhưng điều cốt yếu là đừng cho rằng nó là tất cả nghệ thuật bây giờ. Về hình thức diễn tả, phái hội họa này đã đi xa nhất tới chỗ từ bỏ hết mọi tương tự với đời sống, nó là một không gian mới, hoàn toàn xa lạ với bất cứ một ai ngay cả với chính tác giả nữa. Do đó hội họa này đã ly khai con người với tất cả xung quanh để đặt nó riêng biệt trước một tác phẩm, với một tâm hồn hoàn toàn tự do, không bị ràng buộc bởi một tương quan nào. Để mang lại một sự thưởng ngoạn vô tư và đột khởi. Tôi nghĩ rằng vì vậy mà hội họa trừu tượng vô hình dung không đủ tính chất của nghệ thuật bây giờ. Về phía sáng tác nó chỉ là phản ứng của một số người sáng tác trước thái độ bảo thủ của một người sáng tác khác chỉ biết bám vào những công thức cũ làm cho nghệ thuật tri tri bệ bệ đứng yên một chỗ. Về phía thưởng ngoạn, hội họa trừu tượng vô hình dung đã trả lời đúng nhu cầu của những xã hội mà trong đó chủ nghĩa hợp lý, thực dụng toàn thắng. Thí dụ ở Mỹ-quốc chẳng hạn. Người ta cần có hội họa trừu tượng vô hình dung để ít nhất trong một khoảnh khắc, có thể thoát khỏi sự giam hãm trong hợp lý, thực dụng và thành thói trong sự vô tư. Sự chán chường của chủ nghĩa thực dụng, hợp lý quá độ này, trong một ngành khác của nghệ thuật — ngành kiến trúc — đã biểu hiện thành một cuộc cách mạng phá bỏ đường thẳng góc vuông, không trang trí, thay thế bằng những đường cong mềm mại, lãng mạn. Không có gì đáng ngạc nhiên nếu hội họa trừu tượng vô hình dung được đặc biệt hoan nghênh tại Mỹ-quốc. Như vậy, tôi cho rằng hội họa trừu tượng vô hình dung là một thứ hội họa dùng để luyện tập cho người thưởng ngoạn quen với sự đoạn tuyệt với nghệ thuật cũ để có thể tiếp nhận nghệ thuật mới, đi sâu được vào được phần ý thức của nghệ thuật này mà người thưởng ngoạn chưa tìm thấy ở hội họa trừu tượng vô hình dung.

Nói tóm lại, sự mới lạ trong nghệ thuật bây giờ chính là sự thống nhất được một cách hoàn hảo và có ý thức nghệ thuật với đời sống. Người sáng tác không phải chỉ làm nghệ thuật vì nghệ thuật mà người ấy sống thực sự trong sự cấu tạo tác phẩm. Người thưởng ngoạn cũng không phải chỉ chiêm ngưỡng một thứ gì tồn tại độc lập đối với đời sống — Nàng Nghệ Thuật chẳng hạn — mà cũng sống thực sự trong sự khám phá tác phẩm. Nhưng nếu vậy, phải cắt nghĩa như thế nào sự

cách biệt giữa sáng tác và thưởng ngoạn trong nghệ thuật bây giờ ?
Rất giản dị : nghệ thuật bây giờ chính đang khám phá để giải thoát
những sức mạnh của vô thức trong con người từ trước đến nay hầu
như bị nghệ thuật cũ bỏ quên. Nghệ thuật bây giờ đây xa thêm giới
tuyến của sự sống, xác nhận lại mọi quyền lực của con người và chứng
tỏ rằng con người muốn có đủ thẩm quyền và khả năng giải quyết
những vấn đề của con người. Nghệ thuật bây giờ là sự quay trở về với
con người, khôi phục địa vị cho con người.

Mấy thế kỷ lùi về trước, nghệ thuật của thời Phục Hưng đã biểu
lộ khát vọng này. Nhưng với thời gian, nghệ thuật thời Phục Hưng đã
thất bại. Nghệ thuật bây giờ có tham vọng phục hưng lại nghệ thuật
phục hưng, giải phóng con người hôm nay khỏi sự thấp kém của con
người hôm qua. Chính bởi đó mà nghệ thuật bây giờ, trong những
bước đầu của nó, bị coi như xa lạ. Nhưng lỗi không phải ở những
người làm nghệ thuật bây giờ. Tôi cho là người thưởng ngoạn phải
lớn lên như người sáng tác đã lớn lên. Để đánh dấu sự hiện diện của
con người trên một quá trình sống, bằng một sự nghiệp sống.

trần thanh hiệp

NÓI CHUYỆN VỀ THƠ BAY GIỜ

DOÃN QUỐC SỸ

Hắn (người thơ bay giờ) bị căng thẳng mọi chiều trên cây thánh giá sự sống, rồi tự đó hắn thốt ra lời thơ. Bài thơ của hắn không là cổ thơ mà là những mớ tóc vừa rút khỏi da đầu còn dính ở chân tóc cả thật tươi và những máu tươi của hắn. Đọc thơ bay giờ tôi có cảm tưởng như kẻ cả khi nhà thơ nằm lăn ra cổ ngửa định mệnh cũng e dè không dám bước qua.

LIANH TÂM TUYỀN

Thơ bay giờ không phải phân biệt với thơ ngày xưa bởi số câu số chữ. Người ta đã rất ấu trĩ khi nói rằng trong ca dao, trong thơ cổ, trong Tân Đì, Thế Lữ đã có thơ tự do. Sự thực thì hình thức phá vỡ bay giờ cũng chính là nội dung. Tôi muốn nhận định về một tình trạng mới xảy ra ít lâu nay trong thơ chúng ta: nhiều nhà thơ bay giờ khuynh hướng muốn hồi sinh thể lục bát. Tôi thấy thơ lục bát bay giờ khá: hẳn lục bát của ca dao, của Nguyễn Du, của Huy Cận.

NG TRẦN TƯỜNG

Ngôn ngữ thời đại nào cũng có cái thần diệu riêng. Thời đại chúng ta có ngôn ngữ thần diệu của chúng ta. Ngôn ngữ không bất di bất dịch, nó biến đổi theo tâm trạng thời đại. Mỗi thời đại có tâm trạng riêng thì ngôn ngữ biểu hiện tâm trạng thời đại ấy tất nhiên mang một sắc thái riêng.

TÔ THÚY YÊN

Thi ca trở về sự tầm thường cũng là để ôm lấy sự tầm thường ấy để vươn tới một cái gì cao viễn hơn. Nếu nghệ thuật nằm trong sự tầm thường và chết trong đó, nghệ thuật đang làm gì? Cuộc đời sẽ không cần đứng đến nó. Nghệ thuật chỉ bắt đầu khi nào nó tự giải thoát khỏi đời sống đã làm bần đạp cho nó.

DUY THANH

Người ta không cần hiểu thơ mà người ta cảm thơ.

NGUYỄN SỸ TẾ

Thi ca chỉ là một hiện tượng cá nhân, trong đó những yếu tố tri giác, tâm lý, sinh lý của nhà thơ và người đọc bị khuấy động. Tôi nghiêng về một thứ thẩm mỹ của sự chênh vênh, của sự bất cân đối: một thứ thẩm mỹ của sự va chạm (esthétique de choc).

THÁI TUẤN

Trước kia làm thơ là một cầu nguyện với thượng đế, với thiên nhiên. Bây giờ thơ là một bản kính người thơ tự cầu nguyện với chính mình.

LÊ HUY OANH

Người thơ bay giờ đã muốn cắt đứt mọi sợi giây trời buộc. Họ muốn tới những miền xa lạ để tìm hoa thơm cỏ quý, thu nhận rồi hiến dâng cho loài người những rung cảm say sưa chưa từng có, để tìm lại thực chất của sự hiện hữu.

THANH HIỆP

Chúng ta chối bỏ loại thơ tiền chiến, là vì thơ này dù dưới hình thức nào cũng chỉ là sản phẩm của một thứ « tình cảm chủ nghĩa ». Chúng ta không thể tiếp tục nghe sự kể lể của những con người « cá nhân » đơn độc sâu mộng hoặc chạy trốn cuộc sống hoặc ngược lại tin tưởng một cách ngây thơ vào sự sống. Nghệ thuật của chúng ta hôm nay không còn là những rung động của tình cảm thuần túy mà là những vận động của ý thức thực hiện sự sống.

Ký sau: Nói chuyện về hội họa

những vấn đề của chúng ta

tập san lý luận văn học chính trị du

Thái Lăng Nghiêm ch

thẻ kỷ hai mươi

tập san khảo luận sáng tác phê bình v

Nguyễn Khắc Hoạch ch

HỘP THƯ

ác bạn : Nguyễn văn Chúc, Quốc Tuấn, Trần thiện Hiệp, Nguyễn Đình, Minh Đạo, Thạch Động, Mây mùa Thu, Nguyễn Lý, Nguyễn Dương, Lưu giang Hà, Lê, Thương Nguyệt, Thao thiện Hồ, Lê ngọc Quý, Nguyễn Khanh Khanh, Hoài Lữ Nhân, Diệm Cầm, Trúc Tâm, Đoàn minh Hải, Nhung, Lưu hoàng Nguyễn, Mây đại Dương, Trần Đại, Phạm hữu Thành, Nguyễn phú Viên, Duy Thủy, Trần yên Đan, Thụy Nam, Minh Nhân, Trâm Trâm, Hoài cửu Hương :
Đã nhận được thơ và văn. Cảm tạ. Xin nhận ở mục hộp thư này một trả lời chung. Tòa soạn chỉ trả lời bằng thư riêng trong những trường hợp đặc biệt và cần thiết.

ác bạn : Lai viễn Kiều, Hoàng trọng Nông, Nguyễn văn Thành, Hoàng khánh Linh, Trần thanh Đào :
Cảm tạ. Xin ghi nhận và thực hiện dần những đề nghị và ý kiến quý báu.

ag Long Sankhokun (Paksé) đã gửi đến ông số 1. Bộ mới.

1). Ngô Bút : Sẽ gửi số báo đó đến ông sau. Cảm tạ về những lời lẽ trong thư.

2). Trường Dzi : Bài viết và cả thơ đều tối nghĩa quá. Nên cố gắng trong sáng hơn.

LỚP TRIẾT HỌC ĐỆ NHẤT A. B. C.

Giáo sư NGUYỄN THÀNH VINH tốt nghiệp tại đại học đường
AVAIL. Giáo sư triết học trường GIA-LONG

KHAI GIẢNG : 15-8 và 1-9-1960

(Học buổi chiều và buổi tối)

Xin ghi tên tại :

Trưởng	XUÂN THU,	380 Phan thanh Giản Saigon
—	TÂN THANH,	23 Phạm hồng Thái Saigon
—	TÂN THẠNH,	96 Trần quang Khải Tân Định

hạn ghi tên từ 10-8-60)